

Dưới nắng trời Châu Âu

Contents

Dưới nắng trời Châu Âu	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	3
3. Chương 3	5
4. Chương 4	7
5. Chương 5	9
6. Chương 6	11
7. Chương 7	13
8. Chương 8	15
9. Chương 9	17
10. Chương 9	20
11. Chương 10	22
12. Chương 11	23
13. Chương 12	25
14. Chương 13	27
15. Chương 14	29
16. Chương 15	32
17. Chương 16	34
18. Chương 17	36
19. Chương 18	38
20. Chương 19	41
21. Chương 20	43
22. Chương 21	45
23. Chương 22	47
24. Chương 23 [end]	49

Dưới nắng trời Châu Âu



Giới thiệu

Dưới nắng trời châu Âu là tập hợp những bài tản văn du lịch thú vị đầy cảm xúc của một cô gái đặc

1. Chương 1

Lời giới thiệu: Cô gái Việt thấp nắng giữa trời Âu

TÔI ĐÃ GỌI CÔ GÁI có nụ cười đẹp và rạng rỡ như “mùa thu tỏa nắng” mang tên Hoàng Yến Anh như thể khi ngắm nhìn những bức hình trên trang blog cá nhân của cô. Mỗi lần ghé thăm là mỗi lần tôi hồi hộp với niềm háo hức, mong đợi được đọc tiếp một entry mới trong loạt bài viết về vẻ đẹp đất nước, con người nơi mỗi thành phố phía trời Âu mà Yến Anh đã đi qua.

Trong mắt bạn bè cùng trang lứa thì tôi cũng thuộc dạng đi nhiều, khi bàn chân tuổi 25-26 đã rong ruổi trên những miền đất từ Bắc chí Nam, song cũng chỉ bó hẹp trong phạm vi của dải đất cong cong hình chữ S bên bờ biển Đông mà thôi. Tôi khát khao được bay cao hơn, xa hơn mà chưa thể. Còn Hoàng Yến Anh thì khác. Ít ai có thể nghĩ được rằng người con gái mảnh khảnh với mái tóc đen dài rất nữ tính, rất Việt Nam ấy lại một mình bươn chải với cuộc sống nơi đất khách quê người hơn 10 năm nay để theo đuổi ước mơ của mình, đồng thời sống những tháng năm tuổi trẻ đầy ý nghĩa bằng hành trình khám phá những điều kỳ diệu ở từng góc nhỏ của châu Âu – một điều mà không phải bất kỳ người trẻ 8x nào như Yến Anh cũng có thể làm được.

“Ban đầu đơn giản chỉ là những chuyến đi theo lớp, theo trường và mình đi chỉ để cho biết thôi. Sau này càng đi thì càng say mê, càng thấy thế giới thật đẹp và nhiều người tốt lắm Khoa ạ. Những chuyến đi giúp mình có nhiều bài học để mình hiểu biết và nhận ra được giá trị của cuộc sống sâu sắc hơn.” Yến Anh đã chia sẻ với tôi như thế về những chuyến đi của mình. Mỗi chuyến đi được đánh đổi bằng những giờ gia sư làm thêm sau thời gian đi học, bằng công việc bồi bàn lặt vặt vào cuối tuần. “Tất cả cũng chỉ vì muốn dành dụm để khám phá tiếp những miền đất còn lại của châu Âu mà mình chưa được tới...”

Và cứ như thế đều đặn mỗi tháng, Yến Anh lại gửi tặng bạn bè và những người háo hức muốn được đồng hành, khám phá bao điều kỳ diệu. Dưới nắng trời châu Âu là tập hợp những bài tản văn du lịch thú vị đầy cảm xúc của cô gái đặc biệt này.

“Tôi viết bài thơ cho một ngọn cỏ may nâu nhạt

mang trong mình dòng máu Việt Nam – theo gió lang thang, tháng ngày ruổi rong

trên ngọn đồi xa xôi của nước Đức

Ngọn cỏ may nhỏ bé bản lĩnh và nghị lực

Vươn mình đất khách – dẫu cô đơn!

Ngọn cỏ may mang trái tim rực lửa yêu thương

Những trở trăn vơi đầy trên trang viết

Những lời tâm sự rừng rưng nước mắt

Ngọn đèn đêm thao thức nhớ quê nhà...

Sắp đặt hành trình cho con tàu tuổi trẻ đời mình – là những chuyến đi xa

Từ Berlin, Sevilla đến Paris, Amsterdam, Lucerne, Venice...

Từ những thành phố yên bình nhỏ xinh đến những kinh thành phồn hoa lộng lẫy

Những cánh đồng, dòng sông, cánh rừng, đỉnh núi...

Để gần hơn với đủ mọi kiếp người!...”

Đó là vẻ đẹp Copenhagen – thiên đường của những giấc mơ, là những khoảnh khắc yên bình nơi thành phố Berlin, là Sevilla những ngày rực nắng, là vẻ đẹp của Thụy Sĩ qua Lucerne thơ mộng, hay đơn giản chỉ là một ngày nắng đẹp ở London, những khu vườn nhỏ xinh giữa lòng kinh thành Paris tráng lệ... Tất cả hiện

lên qua góc nhìn nồng nàn, mê đắm của một người Việt trẻ biết xui những con chữ cất lời với những vẻ đẹp riêng và tươi mới, khác với những bài viết đơn điệu mang tính cung cấp thông tin hướng dẫn du lịch về những thành phố này mà tôi đã đọc được trên Internet. Hoàng Yến Anh biết cách đặt tình yêu của mình vào trong từng câu chữ, để rồi những xúc cảm nồng nàn ấy như nắng sớm mai, cứ dần lan tỏa và ấm lên trong lòng người đọc... Hoàng Yến Anh vô tình trở thành cô gái có phép thuật khi biết rút ngắn khoảng cách và đưa những thành phố ẩn chứa nhiều vẻ đẹp kỳ thú từ phía trời Âu để đặt trong lòng bạn bè Việt Nam.

Không chỉ dừng lại ở việc khám phá vẻ đẹp về đất nước – con người ở mỗi thành phố mình đã đi qua, mỗi bài viết của Hoàng Yến Anh còn là những thông điệp quý giá với những trải nghiệm, trăn trở, suy tư về cuộc sống, tình đời, tình người trước, trong và sau mỗi chuyến đi, để rồi từ đó thấy mình lớn khôn thêm trước cuộc đời.

Dưới nắng trời châu Âu của Hoàng Yến Anh không phải là tập sách đầu tiên viết về châu Âu qua góc nhìn của người Việt trẻ. Bởi trước đó, Dương Thụy (Pháp) và Giáng Uyên (Anh) đã cho ra mắt hai tập sách mang tên Venice và những cuộc tình Gondola và Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương, song có lẽ đây sẽ là tập sách đầu tiên mang đến cho bạn đọc cái nhìn toàn cảnh, nhiều chiều về châu Âu với những bài viết thú vị đầy cá tính và cảm xúc về 15 đất nước và gần 30 thành phố của châu Âu mà tác giả từng đi qua (nhiều bài viết đã được đăng trên các báo Doanh nhân Sài Gòn, Tuổi trẻ, Nhịp cầu Đầu tư, Thế giới Doanh nhân...)

Đồng hành cùng Dưới nắng trời châu Âu để biết tuổi trẻ không phải chỉ là mùa của những yêu thương mà còn là mùa của những hành trình, khám phá nên có, cần có trong đời, để tầm nhìn và lý tưởng trước cuộc đời được cất cánh bay cao, bay xa hơn, vững vàng hòa vào biển lớn mà không ngại gió giông vùi lấp...

Hà Nội, 23h13', 20.02.2013

Blogger LƯƠNG ĐÌNH KHOA

Công viên St.James

2. Chương 2

[ANH]

London ngày nắng đẹp

ĐẶT CHÂN TỚI LONDON vào một sớm ban mai những ngày giữa tháng Mười hai, thủ đô của nước Anh đón chúng tôi bằng một trận mưa tầm tã. Ngồi trên xe, tôi tự hỏi lẽ nào mình “vô duyên” với thành phố này đến thế sao? Mười mấy giờ vật vờ trên chiếc xe buýt du lịch xuyên qua Hà Lan, Bỉ, Pháp rồi khi đến Calais lại phải dừng lại để kiểm soát an ninh. Vì dù nằm trong châu Âu, nhưng khách du lịch mang quốc tịch châu Âu khi qua Anh vẫn phải xuất trình hộ chiếu. Sau đó, chúng tôi chuyển lên tàu thủy để tiến về phía nước Anh trong lúc nửa đêm khiến niềm háo hức của tôi về London bị xẹp đi rất nhiều, nhưng may thay, khi xe dừng lại ở Pháo đài Tháp London thì những giọt mưa cuối cùng cũng ngừng rơi và mặt trời bắt đầu nhú lên ở phía đằng đông.

Khi người tài xế của chuyến xe nói rằng: “Chúng ta đã có mặt ở London”, tôi vẫn không tin vào mắt mình và nói với Maike – cô bạn đi cùng rằng: “Mình đang ở London thật rồi sao?” Thành phố đang buổi ban mai nên không khí rất trong lành, khách du lịch cũng chưa xuống phố nhiều. Tôi rút tấm bản đồ đã đánh dấu sẵn những nơi muốn đến từ khi còn ở nhà ra và bắt đầu cuộc hành trình tìm kiếm vẻ đẹp của thành phố lừng danh và không kém phần đất đỏ này.

Điểm dừng chân đầu tiên của chúng tôi là Pháo đài Tháp London (còn gọi là Tháp London), đây là một di tích lịch sử nằm ngay giữa trung tâm thành phố, là Di sản văn hóa thế giới đã được UNESCO công nhận vào năm 1988. Đây là nơi lưu giữ các vương miện của Vương quốc Anh, trước kia đây còn là nơi giam giữ các tù nhân trong hoàng gia có địa vị cao. Chúng tôi chỉ ngắm nhìn Tháp London từ phía bên ngoài, sau đó đi bộ ra dòng sông Thames nổi tiếng. Trước khi tới London, tôi đã tưởng tượng ra một dòng sông Thames kiêu diễm, đẹp không thua gì dòng sông Seine ở Paris mà tôi từng được chiêm ngưỡng trước đó không lâu. Nhưng khi nhìn thấy dòng sông Thames, tôi đã buột miệng thốt lên: “Ôi, dòng sông xanh trong mơ ước

của tôi sao bản và đục ngẫu như thế này?” Đang thất vọng về dòng sông trong mơ của mình, Maike kéo tay tôi bước đi và chỉ về phía trước: “Xem này, Cầu Tháp London phía trước chúng ta kìa”. Tôi ngẩng mặt lên nhìn cây cầu đá kiêu diễm – niềm tự hào của người dân London, những tia nắng mặt trời chiếu trên cây cầu bỗng làm tôi quên đi dòng sông Thames “không xanh” như tôi vẫn hình dung.

Chúng tôi bách bộ dọc sông Thames, bước qua những cây cầu khác nữa như Southwark, Blackfriars, Waterloo và cuối cùng dừng lại ở Westminster. Mỗi cây cầu lại mang một vẻ đẹp khác nhau. Có thể đối với nhiều người thì Cầu Tháp London là cây cầu rạng rỡ nhất London, nhưng với tôi, Westminster là cây cầu để lại nhiều ấn tượng nhất. Khi đứng trên cây cầu này, người ta không chỉ nhìn thấy toàn bộ những cây cầu khác bắc qua dòng sông Thames, mà còn có thể dễ dàng nhận ra London Eye[1], BigBen[2] sừng sững hay Nhà Quốc hội London. Một khung cảnh thật đẹp và nên thơ, đúng như những gì tôi mơ tưởng về nước Anh mùa sương.

[1] London Eye: Còn được biết đến với tên gọi Vòng quay thiên niên kỷ (Millenium Wheel) là vòng đu quay cao nhất ở Châu Âu và là điểm du lịch có thu phí đông nhất tại Anh, với hơn ba triệu lượt khách một năm.

[2] Big Ben: Tên đầy đủ là Tháp đồng hồ của Cung điện Westminster, là một cấu trúc Tháp đồng hồ ở mặt Đông Bắc của công trình Quốc hội ở Westminster, London. Mặc dù tháp này được biết đến với tên gọi Big Ben, nhưng thực ra tên này chính là tên của cái chuông đặt trong tháp.

Tháp đồng hồ Big Ben

Chúng tôi đến London trong những ngày gần lễ Giáng sinh nên trên các cây cầu có rất nhiều ông già Noel da đen đứng chơi những bản nhạc du dương, còn khách du lịch thì đứng ghé vào chụp hình làm kỷ niệm. Tôi đứng nhìn dòng người qua lại, mỉm cười và thấy một thành phố lãng mạn đang ở ngay trước mắt mình. Bước xuống cây cầu Westminster, chúng tôi hòa vào dòng người đang đứng ở hội chợ Noel, ghé vào những cửa hiệu bằng gỗ bé nhỏ xinh xắn bán những món quà lưu niệm, quà Giáng sinh hay chỉ vài món ăn và đồ uống nóng lỏm dạ cho khách du lịch, rồi sau đó vòng quay trở lại ngắm Tháp chuông đồng hồ Big Ben sừng sững phía bên đường, cạnh đó là Tòa nhà Quốc hội cổ kính. Đây cũng là nơi thu hút rất nhiều khách du lịch với những chiếc máy ảnh được hoạt động ở công suất tối đa. Thậm chí, chúng tôi còn gặp một đôi bạn trẻ người Anh đang chọn nơi này để chụp ảnh cưới. Có lẽ không một ai có thể biết được đã có bao nhiêu bức ảnh được ghi lại ở đây.

Quảng trường Trafalgar hôm đó rất đông người, thời tiết chỉ chừng 5-7 độ nhưng vì có nắng nên mọi người kéo nhau ra ngồi ở hồ nước và thả lỏng mình trước một không gian thoáng đãng. Chuyện cho bồ câu ăn đã bị cấm từ nhiều năm nay nên quảng trường bây giờ rất sạch sẽ, những chiếc ghế như muốn mời gọi du khách tới ghé ngồi. Ở đó, người ta có thể quan sát mọi thứ xung quanh, ngắm nhìn dòng người qua lại hay những chiếc xe buýt đỏ hai tầng – một hình ảnh không thể thiếu của London.

Cách đó không xa là nhà thờ Westminster, nhà thờ này được xây bằng đá trắng và gạch đỏ bên ngoài. Đây cũng là nhà thờ Thiên Chúa giáo chính của Vương quốc Anh và xứ Wales. Sau đó, chúng tôi đi đường vòng tới công viên St. James, ngồi trên những chiếc ghế gỗ ngắm nhìn những con chim bồ câu bay xung quanh. Đây cũng là công viên cổ nhất của Hoàng gia Anh, nằm gần Cung điện Buckingham và đường Downing. Nhiều người London thường tìm đến đây để tận hưởng không khí thanh bình và thư giãn, nạp năng lượng cho một ngày làm việc mới hay đơn giản chỉ để khẽ nhắm đôi mắt nghỉ ngơi, thư giãn. Khi đi qua công viên này, chúng tôi tới Cung điện Buckingham. Trước cổng, du khách đứng xem người gác cổng đi lại với những động tác luôn được lặp đi lặp lại khiến tôi không nhịn nổi cười. Cô bạn đi cùng tôi quay sang nói nhỏ: “Nhiệm vụ cao cả này sao chẳng khác gì việc làm trò cười cho thiên hạ thế nhỉ?” Xung quanh chúng tôi rất nhiều người đứng xem và tùm tùm cười.

Hyde là công viên được nhiều người Việt Nam biết tới, bởi công viên này rộng nhất London và cũng khá nổi tiếng với góc diễn giả[3]. Công viên này trước đây là nơi săn bắn của vua Henry VIII nhưng vào thế kỷ thứ XVII thì công viên này đã được mở cửa cho dân chúng. Không biết có phải vì công viên này được bao bọc bởi nhiều con đường mua sắm hay không mà rất nhiều người London thường vào đây để tranh thủ nghỉ trưa. Một anh bạn thân người Đức của tôi trước đây từng đến London và chạy bộ trong công viên này kể lại rằng, vào giờ nghỉ trưa, những nhân viên làm việc gần đó thường mang đồ ăn đến đây để vừa ăn, vừa hít thở không khí trong lành và ngắm nhìn một không gian xanh thoáng đãng. Anh bạn còn kể rằng vào những

ngày Chủ nhật, ở Góc diễn giả, mọi người được phép tranh luận những chủ đề khác nhau, tự do phát biểu ý kiến và khách du lịch cũng kéo vào đây tham quan rất đông.

[3] Nguyên văn: Speaker's Corner.

Maike và tôi quay trở lại Tháp London bằng con đường cũ khi trời đã sẩm tối. Ở London, vào mùa đông, 5h chiều, trời đã tối và ánh đèn điện được chiếu sáng khắp nơi. Gần Giáng Sinh nên những hàng cây ven đường cũng được trang trí lộng lẫy với nhiều màu sắc khác nhau. Tôi lại lần la tới cây cầu Westminster để ngắm London vào đêm, vẫn một London Eye, vẫn một Big Ben sừng sững, vẫn là những cây cầu núp giữ bao bước chân người London và du khách tới đây. Tôi bỗng thấy London đẹp một cách lạ lùng, vẻ đẹp về đêm của London vừa lộng lẫy, kiêu sa, lại vừa lung linh, huyền ảo. Trong giây phút ấy, tôi đã quên đi dòng sông Thames “đục ngầu”...

Tới Tháp London lúc 8h tối, còn một tiếng nữa trước khi lên xe để trở về Đức, tôi và Maike xuống ngồi trong một quán cà phê nhỏ phía dưới Cầu Tháp London. Bên cạnh quán cà phê là một khoảng sân trượt băng rộng lớn, tôi nhìn những lượt người băng qua mình mà thấy lòng chới với. Vậy là sắp phải nói lời tạm biệt với thành phố này rồi. Khi chiếc xe chở chúng tôi băng qua cây Cầu Tháp London, tôi nhìn ra phía xa, nói với London mà như nói với chính mình: “London ơi, có một ngày tôi sẽ trở lại!”

London Eye

3. Chương 3

Sheffield – Thành phố trên bảy ngọn đồi

Trước khi tới Sheffield tôi không biết nhiều về thành phố này ngoài việc nơi đây có một trường đại học danh tiếng nằm trong top 100 trường đại học tốt nhất thế giới. Tất cả chỉ có vậy. Tôi tới Sheffield cũng không hẳn vì sức hấp dẫn của thành phố này mà bởi một lý do hết sức ngớ ngẩn: Muốn đi York cùng với đứa em đang học ở Sheffield, vì thấy cô nàng khen York đẹp và bình yên quá. Nhưng rồi cuối cùng tôi vẫn không thực hiện được ước mơ tới York trong chuyến hành trình tới UK của mình mà chỉ dừng chân lại được ở Manchester, Liverpool, Chester và Sheffield. Có lẽ việc không tới được York lần này sẽ là một trong những lý do để tôi quay trở lại UK một lần nữa trong một ngày không xa.

Ấn tượng đầu tiên của tôi khi tới Sheffield đó là thành phố nhẹ nhàng quá, không hiện đại như Liverpool, không hỗn loạn như Manchester. Sheffield hiền như một cô gái nhỏ xinh với ánh mắt thoáng buồn. Thứ bảy những ngày đầu mới sang, nhìn Sheffield thật buồn tẻ nhưng bây giờ cô nàng đã quen với cuộc sống bên này, đã quen với những con đường dẫn tới giảng đường, những buổi đi dạy tiếng Anh tình nguyện cho người nước ngoài và quen với việc tự do rong ruổi khắp các thành phố của UK. Có lẽ khi ở nơi nào đó lâu lâu một chút, người ta mới có đủ thời gian để khám phá ra vẻ đẹp của nơi ấy – điều mà một đứa chỉ ở Sheffield có vài ngày như tôi chắc hẳn sẽ không cảm nhận được. Và cũng đúng như Thư nói: “Càng ở em càng thấy có nhiều điều rất thú vị ở Sheffield và thấy Sheffield không hề nhỏ như em vẫn nghĩ.”

Sheffield là thành phố trên bảy ngọn đồi thuộc phía Nam vùng Yorkshire với khoảng 170 khu rừng và 88 công viên và vườn. Với địa hình đặc biệt như vậy, Sheffield hoàn toàn xứng danh là thành phố xanh nhất Châu Âu mặc dù trước đây thành phố này nổi tiếng và phát triển rất mạnh với công nghiệp thép. Các nhà máy thép mọc lên rất nhiều trong khi nhân lực thì lại thiếu trầm trọng nên Sheffield đã phải đón tiếp rất nhiều công nhân từ châu Phi sang, họ làm việc rồi ở lại đây sinh sống luôn. Vì thế Sheffield cũng là thành phố có nhiều cộng đồng quốc tế sống nhất, trong đó nhiều người không biết tiếng Anh.

Sheffield không thu hút khách du lịch nhiều như London, Liverpool hay Cambridge, nhưng lại là một nơi lý tưởng để tham quan các vùng lân cận như Vườn quốc gia Peak District – một khu du lịch nổi tiếng, một thắng cảnh hùng vĩ và cũng là một trong những địa danh gợi nhiều cảm hứng nhất của nước Anh. Từ Sheffield tới đó chỉ mất khoảng hơn 30 phút nhưng bạn sẽ được ngắm Chatsworth House – một trong những lâu đài cổ được yêu thích nhất dành cho những bá tước của Hoàng gia Anh thời xa xưa. Lâu đài này nằm trên một ngọn đồi thơ mộng bên dòng sông Derwent, có rừng, núi, thiên nhiên và các tòa nhà cổ kính, tất cả đều nằm gọn ở nơi này. Tôi tới đây vào những ngày cuối tháng Một, đúng vào thời gian lâu đài đóng cửa nên không vào được, chỉ nghe qua lời kể của Thư mà cứ thăm tiếc mãi.

Không tới Chatsworth House được, chúng tôi quyết định tới thung lũng Rivelin nằm cách trung tâm thành phố Sheffield chừng 20 phút đi xe buýt. Thật ra ở Sheffield có nhiều thung lũng khác nhau nhưng chúng tôi chọn Rivelin vì thấy nơi này có vẻ lý tưởng hơn cả. Theo thông tin trên mạng thì sẽ mất khoảng 60 phút để đi dọc thung lũng này nhưng chúng tôi đã mất ba tiếng cho chặng hành trình của mình. Nhưng với tôi, đó là ba tiếng quý báu được hòa mình cùng với thiên nhiên. Chẳng biết phải dùng ngôn từ nào mới lột tả hết được vẻ đẹp của nơi này, nhưng bạn hãy cứ hình dung thế này nhé: Trên con đường bạn đi, một bên là đồi, một bên là suối, vì đang là mùa đông nên những cành cây vẫn còn trơ trụi lá nhưng với tiếng suối chảy róc rách và những tia nắng dịu dàng soi vào mặt nước, Rivelin vẫn đẹp đến nao lòng. Mùa này, do thời tiết vẫn còn lạnh nên khách du lịch tới đây không nhiều, thi thoảng chúng tôi mới bắt gặp vài người chạy bộ ngang qua hay một vài người dẫn chó đi dạo, vì thế tôi có cảm giác như thể thung lũng này thuộc về riêng chúng tôi ngày hôm đó vậy. Rivelin trong ánh nắng chiều càng trở nên dịu dàng hơn bao giờ hết. Đang mãi mê chụp hình. Thư kéo tay tôi chỉ ra phía đằng xa và thốt lên: “Chị ơi, nhìn kia!” Tôi ngẩng đầu lên theo phản xạ và quay sang phía bên trái, những tia nắng vàng ươm trải dài trên cả một ngọn đồi xanh non màu cỏ. Thực sự lúc đó tôi không hề nghĩ mình đang ở nước Anh mà đang ở một đồng quê nào đó xa thật xa. Chúng tôi trèo lên ngọn đồi và dang tay ôm nắng, chạnh lòng chợt nhớ tới câu hát năm xưa: “Em muốn ôm cả đất, em muốn ôm cả trời, mà sao anh ơi, mà sao anh ơi, không ôm nổi trái tim một con người...” Có lẽ vòng tay tôi quá nhỏ để ôm giữ trái tim một con người hay bởi trái tim người ấy mệnh mông và sâu rộng quá? Cho đến giờ đó vẫn là một câu hỏi không lời giải đáp trong tôi.

Thư đã chụp lại giùm tôi những khoảnh khắc bình yên ấy, sau này mỗi lần tâm trạng bộn bề giữa ngổn ngang công việc, thỉnh thoảng tôi vẫn mở file ảnh cũ ra và xem lại những bức hình trên ngọn đồi còn thơm mùi cỏ ấy, để nhận ra rằng hạnh phúc của ngày hôm qua sẽ luôn nhắc tôi nhớ và cố gắng hơn cho hiện tại của ngày hôm nay.

©STE.NT

Gần 4h chiều, những giọt nắng đông càng trở nên yếu ớt, trời bỗng lạnh hơn. Chúng tôi ghé vào một quán cà phê và cùng nhau nhâm nhi ly cappuccino nóng hổi, cứ như thế chúng tôi đã “lặn lội” cả một chặng đường dài để tự thưởng cho mình điều này. Cả hai đứa mỉm cười hạnh phúc, tận hưởng những giây phút bình yên ấy, bởi rất có thể ngày mai, chúng tôi sẽ lại phải chạy theo vòng quay của cuộc sống đời thường và không ai dám chắc liệu mình có còn thời gian để “sống chậm” như giờ phút hiện tại của ngày hôm nay không nữa...

Trên chuyến xe buýt từ Rivelin trở về trung tâm thành phố, nhìn ánh đèn trên những ngọn đồi thấp thoáng phía xa xa, cả tôi và Thư đều quay ra nhìn và trầm trồ nức nở: “Đẹp quá!” Hình ảnh ấy khác hoàn toàn với những gì tôi vẫn hằng tưởng tượng về nước Anh mù sương.

Có một điều đặc biệt ở Sheffield mà tôi rất thích, đó là vé tàu xe ở đây rất rẻ. Nếu đặt vé từ sớm thì lại càng rẻ hơn. Đôi khi tôi trộm nghĩ nếu giá vé tàu ở Đức mà cũng rẻ thế này thì chắc cuối tuần nào tôi cũng dám vi vu lắm. Từ Sheffield xuống London đi xe buýt mất bốn tiếng mà cũng chỉ hết có sáu bảng Anh, trong khi giá ở Đức phải đắt gấp vài lần như thế. Không biết ở châu Âu có nước nào có giá tàu xe “bèo” như thế không nữa. Ngoài ra, ở Sheffield cũng có xe buýt chạy miễn phí trong trung tâm thành phố, cứ bảy phút là có một chuyến. Hôm đi Rivelin vì ra nhà ga quá sớm mà không biết phải làm gì, tôi và Thư đã leo lên xe buýt ngồi và đi hai vòng quanh trung tâm thành phố, ngắm Sheffield ở một góc khác thay vì đi “căng hải” như buổi sáng trước đó.

Có bạn là thổ địa dẫn đi chơi thật thích. Chúng tôi đi dạo quanh tòa thị chính được xây dựng từ thế kỷ XIX và nằm ngay chính giữa trung tâm thành phố. Phía trước tòa nhà này là một đài tưởng niệm những người đã hy sinh cho tự do và hòa bình của Sheffield trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất và thứ hai. Tới Sheffield thì phải ra ngoại ô một chút thì mới khám phá được nhiều điều thú vị từ thiên nhiên, nếu ở trong trung tâm thành phố thì chỉ đi dạo một vòng buổi sáng là hết. Tuy nhiên, có một điều đặc biệt ở Sheffield đó là thành phố này có khá nhiều nơi để thư giãn, cực kỳ lý tưởng cho thời tiết mùa hè, ví dụ như Peace Garden. Thật không có gì tuyệt vời bằng việc ngồi trên những chiếc ghế gỗ trong những ngày nắng đẹp để đọc sách, nghỉ trưa hay đơn giản là ngắm dòng người qua lại.

Những căn nhà cổ ở Sheffield

Dù là cuối tuần nhưng Sheffield không hề nhộn nhịp và hối hả như Manchester hay Liverpool, nhưng chính

sự tĩnh lặng ấy của Sheffield lại khiến tôi thích thú. Sheffield cũng có nhiều cửa hàng nho nhỏ rất dễ thương, người ta cứ phàn nàn về giá cả ở Anh đắt đỏ nhưng tôi thấy đời sống nơi đây cũng khá bình dân sau khi đảo qua vài siêu thị và xem xét “giá cả thị trường”. Chỉ cần chịu khó để ý một chút là bạn hoàn toàn có thể ăn rẻ và ngon ở nơi này như bao thành phố ở Đức khác, hoặc có thể do Sheffield là một trong những thành phố sống rẻ nhất ở nước Anh nên tôi không nhìn thấy sự đắt đỏ của nó chẳng?

Những ngày ở Sheffield là những ngày đầy kỉ niệm, do tiếp xúc với nhiều bạn đến từ miền Trung Việt Nam nên khi trở về tự nhiên tôi cũng lại bắt đầu với “mô tê răng rứa”, với thứ ngôn ngữ thân thuộc thuở nào mà đã từ lâu tôi không quên nhưng hầu như không dùng tới nó nữa, để rồi bây giờ tự nhiên thắc mắc: “Chà hiểu rằng đi UK có mấy ngày mà khi về mình lại nói giọng miền Trung hay phết là răng hè”.

Tôi rời Sheffield vào sáng sớm ban mai và lên đường tới sân bay Manchester khi thành phố vẫn còn đang ngái ngủ. Trời se se lạnh và dự báo sẽ có tuyết. Nhìn cái dáng mỏng manh của Thư bên sân ga khi đứng lặng nhìn con tàu của tôi lướt qua nhẹ nhàng, tự nhiên tôi thấy thương em đến lạ kì. Chỉ còn vài tháng nữa thôi, em sẽ kết thúc khóa học và trở về Việt Nam tiếp tục sự nghiệp giảng dạy. Tôi tự hỏi không biết có khi nào, nhìn cô sinh viên nào đó có nụ cười na ná như tôi, em có nhớ lại những tháng ngày cùng tôi rong ruổi giữa đất trời UK năm ấy? Còn tôi, chắc sẽ không thể nào quên...

Đồi Gloriett trong cung điện Schönbrunn

4. Chương 4

[ÁO]

Vienna và mối tình của cô gái xứ Bavaria

TÔI ĐẶT CHÂN TỚI THỦ ĐÔ Vienna của nước Áo xinh đẹp, quê hương của thần đồng âm nhạc Mozart vào những ngày tháng Ba khi trời còn se lạnh. Anh bạn ở Sài Gòn nhắn tin sang dặn: “Thủ đô Vienna tuyệt lắm, có dòng sông Danube, những quán cà phê, những chiếc xe ngựa và điệu valse đầy quyến rũ. Nhớ ghé Nhà thờ Stephan em nhé, đó thức sự là một tuyệt tác đấy!” Tôi mỉm cười và bắt đầu chuyến hành trình thú vị của mình.

Đã từ lâu người ta biết đến Vienna không chỉ là thủ đô âm nhạc của thế giới mà còn là thành phố của kiến trúc với những tòa lâu đài tráng lệ và những công trình kiến trúc độc đáo bậc nhất châu Âu. Ấn tượng đầu tiên của tôi khi tới Vienna là những chiếc xe ngựa chạy thông dong trên đường phố, lẫn đâu đó là tiếng xe điện và những chiếc xe hơi hiện đại. Vienna khoác lên mình vẻ đẹp của một thành phố cổ nhưng cũng rất trẻ trung và hiện đại.

Cung điện Schönbrunn

Tôi lang thang một mình trong cái lạnh của thành phố với tấm bản đồ trên tay, địa điểm đầu tiên tôi đặt chân đến là Cung điện Schönbrunn – một trong những cung điện được xây dựng theo kiến trúc Baroque[1] lớn và tráng lệ nhất ở Trung Âu, nơi có một khu vườn rộng lớn bao quanh và cũng là một trong những dinh thự quan trọng nhất ở Áo. Schönbrunn dịch ra tiếng Việt có nghĩa là một giếng nước đẹp, tên gọi này bắt nguồn từ một giếng phun nước để cung cấp cho triều đình. Cung điện này có một hồ nước rất đẹp và ở phía bên trên hồ là đồi Gloriette cao chừng 60m. Đứng ở đó, người ta có thể ngắm toàn bộ thành phố Vienna. Có lẽ không quá ngạc nhiên khi ngày nay nơi này trở thành một trong những điểm du lịch nổi tiếng nhất của Áo và cũng là nơi tổ chức các lễ hội quan trọng của người dân Vienna. Ban đầu, đây là nơi săn bắn cho các gia đình quý tộc của Đế quốc Áo, sau đó một cung điện đã được dựng lên nhưng phần lớn cung điện này chỉ là nơi nghỉ hè cho các bà quả phụ của Hoàng đế Ferdinand II. Đến khi Hoàng đế Franz Joseph I lên ngôi, ông mới chọn nơi này là nơi ở chính của mình, bởi thế nên khi dừng chân ở đây, người ta dễ dàng liên tưởng tới câu chuyện tình giữa Hoàng đế Franz Joseph I và cô gái 16 tuổi xứ Bavaria mang tên Elizabeth mà sau này nhiều người được biết đến qua bộ phim Hoàng hậu Sissi do nữ tài tử điện ảnh quá cố Romy Schneider thủ vai. Nàng Elizabeth xinh đẹp, quý phái này là một trong những người phụ nữ đẹp nhất châu Âu thế kỷ XIX, có điều bà chưa bao giờ yêu Vienna. Lúc nào bà cũng muốn thoát khỏi những ràng buộc của dòng họ Habsburg bởi bà cảm thấy cô độc khi ở nơi đây. Là một người yêu tự do, thích du lịch và khám

phá, bà luôn tìm mọi cơ hội để thoát khỏi nơi “đề nén” cuộc đời bà, nhưng vì tình yêu dành cho Hoàng đế Franz Joseph I nên bà đã ở lại Vienna.

[1] Kiến trúc Baroque: Là thuật ngữ dùng để mô tả phong cách xây dựng của thời kì Baroque, Ý, bắt đầu vào cuối thế kỷ XVII, tận dụng những ngôn ngữ của kiến trúc Phục Hưng theo một cách thức mới, với sự vận động liên tục của những bức tường uốn lượn.

Lâu đài Hoàng gia

Lâu đài Hoàng Gia

Rời Cung điện, tôi tới Lâu đài Hoàng gia (Hofburg) – biểu tượng của nền di sản văn hóa Vienna – được xây dựng từ năm 1275. Toàn bộ các công trình của cung điện này nằm trên một diện tích khá rộng với những vườn hoa, đài phun nước và những tòa nhà dành cho Hoàng gia. Trước đây, Lâu đài Hofburg là Cung điện Mùa đông của hoàng tộc Áo nhưng hiện nay, nơi đây một phần đã trở thành Thư viện Quốc gia, một phần thành Bảo tàng dân tộc và một phần nữa thành phủ Tổng thống. Phía trước lâu đài có rất nhiều xe ngựa làm tôi liên tưởng đến cuộc sống ngày xưa ở Áo. Trong cung điện Hofburg là viện bảo tàng của Hoàng hậu Sissi và phòng ở của Hoàng đế. Vốn rất mê bà hoàng hậu của nước Áo nên khi tới đây tôi đã dành cả buổi chiều để ngắm nhìn mọi bức hình, đồ vật và tất cả những gì liên quan đến cuộc sống của bà thời xa xưa. Tôi cứ ngỡ như mình đang lạc vào chính nơi bà từng sống...

Giữa trưa, ánh mặt trời len lỏi vào trong thành phố. Tôi hòa vào dòng người đi trên phố và bách bộ ra Heldenplatz (còn gọi là Quảng trường Anh hùng) – biểu tượng của sự thống nhất và độc lập của Áo. Đây là một quảng trường khá lớn, thu hút được rất nhiều khách du lịch. Quả là một nơi lý tưởng để chiêm ngưỡng những vẻ đẹp tiềm ẩn của Vienna. Ngày trước, khi học lịch sử của Đức và Áo, tôi đã được nghe thầy giáo kể về Hoàng tử Eugène của xứ Savoie, người đã đánh bại quân Thổ Nhĩ Kỳ để mang lại vinh quang cho nước Áo. Thế nên, khi đến Vienna, tôi đã muốn tới bằng được quảng trường này. Ngoài bức tượng của hoàng tử Eugène, trên quảng trường còn có bức tượng người anh hùng Archduke Karl đang cưỡi ngựa khoe chiến thắng của mình trong trận Aspern – Essling năm 1809.

Từ đây, người ta có thể đi xe buýt về hướng ga phía Đông để tới Cung điện Belvedere. Nếu như người ta đến Vienna và yêu thích Schönbrunn thì tôi lại thích Belvedere hơn. Tôi không lý giải được vì sao nhưng tôi thích cái cảm giác lang thang từ “cung điện trên” xuống “cung điện dưới”, thích ngồi bên chiếc ghế đá ngắm những chiếc vòi phun nước và những luống hoa đủ sắc màu. Thích đứng ở “cung điện trên” nhìn xuống “cung điện dưới” và có cảm giác như mình đang được ngắm một bức tranh thiên nhiên thơ mộng. Những bức tượng, vườn hoa được chăm tĩa rất kỹ lưỡng. Lác đác xung quanh là những bạn trẻ ngồi đọc sách, nghe nhạc và tận hưởng “vùng trời bình yên” của riêng họ.

Nói đến Vienna thì không thể không tới nhà Hundertwasserhaus do nghệ sĩ người Áo Friedensreich Hundertwasser thiết kế. Bởi đây không đơn thuần là một khu căn hộ mà là một tác phẩm nghệ thuật sinh động góp phần tôn vinh thêm vẻ đẹp cho thành phố vốn đã nổi tiếng về văn hóa, nghệ thuật và kiến trúc như Vienna. Cũng như người ta không thể bỏ qua Stephandom với cái chóp cao chót vót và được người dân Áo gọi với cái tên trêu mếu là “Steffl”. Với độ cao 137m, Stephandom cũng là thánh đường cao nhất ở châu Âu đồng thời cũng là biểu tượng của thủ đô Vienna. Tôi thích những buổi chiều khi nắng vừa tắt và những ánh đèn điện bắt đầu được bật lên, xung quanh là tiếng nhạc của người nghệ sĩ đường phố, là hò reo của những người đang đứng xem ảo thuật, là tiếng xuyết xoa của các em nhỏ khi nhìn những bức hình của những người họa sỹ vẽ “y như thật”, là những tiếng cười của những đôi tình nhân nắm chặt tay nhau. Đường như khi màn đêm bắt đầu buông xuống, xung quanh Stephandom là nơi lý tưởng để gặp gỡ, hẹn hò. Tự nhiên tôi ước giá như mình cũng có một người để... hẹn hò ở đây, để học lại cách nắm tay một người, điều mà đã từ lâu rồi tôi không còn làm nữa.

Dọc theo con đường Ringstraße – nơi tập trung những địa danh nổi tiếng của thành phố như Tòa nhà Quốc hội, Lâu đài Hofburg, Bảo tàng Mỹ thuật, tôi lang thang trên những con đường, có rất nhiều nhạc sĩ đường phố với những bản nhạc không tên hoặc cũng có thể là những bản nhạc bất hủ của Mozart, của Strauss được vang lên. Đã từ lâu, Vienna được mệnh danh là chiếc nôi âm nhạc cổ điển của châu Âu, có lẽ vì thế nên tới đây, tôi cũng không quá ngạc nhiên khi thấy ngay cả trên những con hẻm nhỏ bé nhất ở Vienna, những điệu nhạc vẫn được vang lên. Ở nơi đây, người ta dễ dàng thấy những quán cà phê xinh đẹp, thu hút rất nhiều khách du lịch. Đường như đối với người dân Vienna, những quán cà phê ấy là một phần không

thể thiếu trong cuộc sống của họ. Bước vào các quán cà phê, du khách như lạc vào một thế giới khác. Hình thức các quán cà phê cũng rất bắt mắt, những bức tường thường được chạm trổ rất kì công và trên trần nhà còn treo những chùm đèn pha lê lừng lững.

Tới Vienna, người ta không thể không ghé thăm Nhà hát Vienna Opera House – một trong những nhà hát lớn và đẹp nhất thế giới được xây dựng từ năm 1861 tới năm 1869. Nhà hát này được mệnh danh là Trung tâm ca kịch của thế giới bởi công trình kiến trúc hùng vĩ mang phong cách La Mã này gồm sáu tầng với 1.600 chỗ ngồi, riêng tầng sáu có sức chứa hơn 500 khán giả. Mỗi năm, nhà hát có khoảng 300 buổi biểu diễn.

Trước khi đến Vienna, tôi tự nhủ là phải đến bằng được Naschmarkt – khu chợ lớn nhất của Vienna. Tôi đi từ đầu chợ tới cuối chợ và đi từ ngách nhiên này đến ngách nhiên khác. Ở đây cái gì cũng có, nhất là các món ăn, đặc biệt là pho mát và ô liu. Mùi thơm của các loại trái cây như mít, sầu riêng và cả mùi phở làm tôi nhớ đến những ngày còn ở Việt Nam. Khi đi hết con đường, tôi vòng lại và dừng chân ở một quán ăn Việt Nam, mùi bún bò Huế thơm lừng khiến tôi thấy mình đang sống những khoảnh khắc thật đặc biệt ở một nơi không phải quê hương mình.

Có lẽ đến với Vienna cũng là một cách để yêu và hiểu thêm về dòng sông Danube. Dòng sông dài thứ hai của châu Âu này khi tôi đặt chân tới này vẫn xanh và hiền hòa như tôi từng tưởng tượng. Mùa hè ở đây luôn tấp nập khách du lịch, những quán cà phê và nhà hàng mọc lên ở khắp nơi. Trên dòng sông, có rất nhiều đôi tình nhân rủ nhau đi chèo thuyền. Biết bao nhiêu người từng ao ước được ngắm dòng sông ấy một lần, còn tôi đứng giữa nơi này, chợt nhớ về câu chuyện tình đẹp và buồn của Sissi – người mà sau này từng nói rằng trở thành Hoàng hậu của nước Áo là điều bà vô cùng hối tiếc.

Tôi tới Vienna vào một buổi tối mùa đông se lạnh và rời Vienna vài ngày sau đó vào một sáng sớm tinh mơ buốt giá. Anh đưa tôi ra ga mà tôi thấy lòng mình trĩu nặng. Dù chưa một lần vào một quán cà phê để ngồi nghe những bản nhạc cổ điển, dù chưa ngồi lên xe ngựa để dạo quanh thành phố như người ta vẫn thường làm khi tới Vienna, nhưng kỉ niệm về thành phố này có lẽ sẽ còn đi theo tôi trên suốt những chặng đường phía trước.

5. Chương 5

Salzburg – Giai điệu tình yêu

TỪ MUNICH, TÔI ĐẾN Salzburg vào những ngày đầu tháng Ba cùng một chị bạn khi những bông tuyết còn sót lại trên pháo đài Hohensalzburg hòa cùng tiếng nhạc của Mozart vang lên trên những góc đường và những con phố nhỏ dẫn vào lòng thành phố.

Trước đây, khi nghe đến Salzburg, tôi chỉ biết đó là quê hương của nhà soạn nhạc nổi tiếng, đồng thời cũng là đứa con cưng của Salzburg: Wolfgang Amadeus Mozart. Nhưng khi tới Salzburg rồi, tôi mới biết, nơi này không chỉ có âm nhạc mà còn có cả sự thơ mộng, trữ tình và một vẻ đẹp cổ kính mà người ta khó có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác trên thế giới.

Chúng tôi lái xe vào trung tâm thành phố, tìm chỗ đậu xe, rồi dừng chân tại ngôi nhà của Mozart – bây giờ đã trở thành viện bảo tàng. Chị Bình mua hai chiếc vé và chúng tôi bước vào một căn nhà chứa đầy những kỉ vật thời xa xưa của người nghệ sĩ tài hoa này: những bản nhạc viết tay, những bức hình theo dấu thời gian vẫn chưa ngả màu. Tôi có cảm giác như mình đang lạc vào căn phòng của Mozart thuở xưa với những tiếng nhạc đang vang lên đâu đó xung quanh mình.

Rời viện bảo tàng, chúng tôi đi qua cây cầu bắc ngang dòng sông Salzach và bước vào khu phố cổ. Dù thời tiết còn se lạnh nhưng người ta vẫn cảm nhận được sự ấm áp của thành phố nhỏ bé này. Bên trong những quán cà phê, tôi đang tưởng tượng ra khung cảnh những cặp tình nhân đang ngồi nhâm nhi ly cà phê và nghe nhạc Mozart, tận hưởng sự bình yên của cuộc sống.

Từ năm 1997, khu phố cổ ở Salzburg đã được công nhận là Di sản văn hóa thế giới, bởi thế nên khi đi qua những con phố nhỏ như Getreidegasse, Judengasse, Goldgasse, người ta có thể chiêm ngưỡng nhiều công trình kiến trúc cổ, đan xen nhiều nét hiện đại. Tôi thích nhất là được ngắm nhìn những đồ lưu niệm bé nhỏ

xinh xắn có in hình Mozart và cách bày biện của người dân Salzburg để “núi chân” khách du lịch khi đặt chân tới đây, khiến họ không thể “về không”.

Hầu hết những địa điểm tham quan trong thành phố này đều nằm rất sát nhau nên mọi con đường đều dẫn đến những nơi chúng tôi muốn tới thăm. Chị Bình và tôi dừng lại trước một tiệm Imbiss[1] nhỏ và mua xúc xích ăn tạm, tôi chọn xúc xích trắng, chị chọn xúc xích màu và hai chị em đứng ăn ngon lành giữa mùi xúc xích nóng và cái lạnh căm căm ở ngoài trời, dù đeo găng tay nhưng tôi vẫn thấy cái lạnh đang tìm cách len lỏi vào từng thớ thịt trong người mình. Chúng tôi dừng chân ở Nhà thờ Dom uy nghi và lộng lẫy. Khi bước vào, chị Bình xuýt xoa: “Nếu được cưới lại một lần nữa, chị sẽ làm lễ cưới tại nhà thờ này!” Tôi bật cười và mừng rỡ ra cảnh chị xúng xính trong chiếc váy cô dâu bước vào nhà thờ. Đúng lúc đó, tôi nhận được tin nhắn từ một người đặc biệt: “Em đang ở đâu đấy?” Tôi cầm điện thoại và nhắn lại: “Em đang ở trong Nhà thờ Salzburger Dom ở Salzburg, anh có muốn em nguyện cầu điều gì không?” Tin nhắn trả lời chỉ vền vẹn dòng chữ: “Hãy cầu nguyện cho chúng ta, em nhé?”

[1] Quán ăn nhanh không có chỗ ngồi và không có nhà vệ sinh.

Một trong những cửa hàng bán đồ lưu niệm về Mozart

Tôi quan sát nhà thờ – nơi ngày xưa từng làm lễ rửa tội cho cậu bé Mozart. Nhà thờ này được khánh thành vào ngày 24 tháng 9 năm 774 và cũng là nhà thờ lớn nhất ở Salzburg. Kể từ ngày ra đời, nhà thờ này đã bị cháy vài lần và sau đó liên tục được tu sửa và nâng cấp, nếu để ý kĩ ở phía bên ngoài, bạn sẽ nhìn thấy những con số: 774, 1628 và 1959 – đây là ba thời điểm đánh dấu sự hoạt động trở lại của nhà thờ sau mỗi lần bị hủy hoại.

Đứng trước Nhà thờ Salzburger Dom, tôi đã nhìn thấy Pháo đài Hohensalzburg ở trên cao, lúc đầu tôi bảo chị Bình: “Mình trèo thang bộ lên đó nhé, trèo cho lãng mạn, ngắm được nhiều cảnh hơn” nhưng cuối cùng, chúng tôi cũng phải đầu hàng vì chẳng thấy ai lãng mạn như mình cả, có lẽ bởi nó dốc và phải trèo quá nhiều bậc thang mới lên được đến đỉnh nên cả hai chị em ngậm ngùi mua vé để “đi thang máy”. Ở phía trên nhìn xuống, chị Bình xuýt xoa: “May mà chị không nghe lời em đi bộ lên đây, chứ nếu không chắc chị phải mất ba ngày mới lên được đến đây mất!” Pháo đài Hohensalzburg nằm trên đỉnh núi sát bờ sông và cũng là biểu tượng của thành phố Salzburg. Pháo đài này được hình thành vào năm 1077 và sau đó liên tục được mở rộng thêm. Ngày nay, pháo đài là Viện Bảo tàng Nghệ thuật Quân sự của Áo. Với hơn 900 năm tuổi, pháo đài này được xem là pháo đài cổ và nguyên vẹn nhất Trung Âu. Nghe nói nguyên nhân của việc xây pháo đài này bắt nguồn từ một cuộc xung đột giữa nhà thờ với triều đình và pháo đài này được xây dựng để chống lại sự tấn công của lính triều đình. Đi dạo ở phía bên trong pháo đài, người ta có thể chiêm ngưỡng các căn phòng từ thuở xa xưa và đời sống thời Trung cổ với những hiện vật còn được trưng bày và lưu trữ trong các ngăn tủ kính. Không biết pháo đài có tất cả bao nhiêu căn phòng nhưng tôi thầm nghĩ nếu được chơi trốn tìm ở đây thì có lẽ thật khó mà tìm ra nhau. Từ trên pháo đài, người ta có thể nhìn thấy những khu phố cổ, thấy dòng sông Salzach thơ mộng và ở phía xa là những dãy núi trùng trùng điệp điệp phủ đầy tuyết trắng. Tôi đoán rằng chắc chắn ở trên núi cao kia sẽ là một trong những khu trượt tuyết nổi tiếng nhất của nước Áo. Đã từ lâu, không chỉ khách du lịch từ nước Đức láng giềng mới khăn gói sang Áo trượt tuyết mà người dân ở các nước Trung Âu khác cũng đua nhau tới nơi này trong mùa đông khi tuyết bắt đầu rơi.

Có lẽ Salzburg nổi tiếng không chỉ bởi Pháo đài Hohensalzburg và ngôi nhà của Mozart mà còn bởi vô số những lâu đài khác. Trước khi quay trở lại bãi đỗ xe, chúng tôi đi dạo một vòng quanh Lâu đài Mirabell. Lâu đài này được tổng giám mục Wolf Dietrich von Raitenau cho xây dựng vào năm 1606 cho người tình của ông là Salome Alt. Bà đã sinh cho ông 15 người con và là mối tình lớn nhất của ông. Ông đã xây dựng lâu đài này cho bà và các con của mình. Những khu vườn rất rộng với những vòi phun nước thật đẹp, tôi thầm tiếc vì đã tới thăm lâu đài này khi trời vẫn còn quá lạnh và hoa chưa kịp nở dù giờ đã là gần nửa tháng Ba. Có lẽ nếu đến đây vào mùa xuân, khi hoa nở rộ khắp khu vườn, người ta sẽ dễ dàng cảm nhận được sự bình yên và thư thái khi đi bộ xung quanh đó. Ngày nay, lâu đài đã trở thành trụ sở làm việc của thành phố và tòa thị chính.

Trước khi rời Salzburg để trở về Munich, tôi và chị Bình bằng mọi giá phải ghé thăm lâu đài Hellbrunn. Tôi đã nhìn thấy bằng hướng dẫn chỉ đường trên phố nên cứ nghĩ là nó cũng nằm đâu đó xung quanh đây nhưng đi mãi mà vẫn không thấy, trong khi trên biển báo ngoài đường đã chỉ hướng về Munich. Chúng tôi

dừng lại hỏi một người đi đường và cô gái người Áo ấy đã chỉ sang phía bên kia đường, thì ra từ trung tâm thành phố lái xe tới đây cũng phải mất hơn 30 phút. Lâu đài này đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới với rất nhiều hang động và nhiều hình thức trình diễn bằng sức nước. Ngoài ra, còn có cả sở thú trong khuôn viên lâu đài này, nhưng khi chúng tôi tới thì phần lớn những loài thú vẫn còn ngủ đông, nên chỉ có một số ít con vật người ta vẫn để ở bên ngoài cho du khách tới chiêm ngưỡng.

Rời Salzburg, nơi được mệnh danh là thiên đường nhỏ bé của nước Áo, tôi cứ nghĩ mãi về khung cảnh bình yên của nơi này. Khác với vẻ đẹp lung linh của Vienna, Salzburg khoác lên mình chiếc áo thơ mộng, thanh bình hơn. Thành phố nhỏ bé này đã làm say đắm không biết bao nhiêu người từng tới đây và bây giờ thì tôi cũng đã biết: Salzburg không chỉ có Mozart mà còn nhiều, nhiều hơn thế nữa!

Một góc chợ Hala Targowa ở Wrocław

6. Chương 6

[BA LAN]

Wrocław – Nơi tình mãi ru người

BA LAN LÀ NƯỚC lảng giềng cuối cùng của Đức mà tôi quyết định dừng chân trong chuyến hành trình khám phá châu Âu năm nay. Khác với mọi chuyến đi khác, tôi đặt vé tàu và khách sạn chỉ hơn một tuần trước khi đi nên không hy vọng là sẽ tìm được vé rẻ. Nhưng ơn trời, có lẽ là do ăn ở tốt nên cuối cùng tôi vẫn “săn” được hai tấm vé mà tôi biết giá của nó sẽ không thể rẻ hơn được nữa, đến nỗi khi ra nhà ga hỏi mua vé, nhân viên bán vé còn trình trọng xin lỗi và bảo tôi rằng không có giá nào rẻ như thế cả sau khi đã đưa đầy đủ thông tin nơi đi và nơi đến vào máy tính. Nhưng tôi kiên quyết không bỏ cuộc và bảo ông vào trang web của DB Bahn (tập đoàn đường sắt lớn nhất của Đức), sau một hồi tìm kiếm, cuối cùng tôi cũng mua được hai tấm vé đúng như số tiền mình muốn trả. Nhân viên bán vé nhìn tôi mỉm cười và cảm ơn vì nhờ có tôi mà ông biết thêm được một điều thú vị. Sau này, khi kể cho cậu bạn học cùng lớp nghe, anh chàng phá lên cười và bảo: “Câu bây giờ trở thành chuyên gia săn lùng vé rẻ rồi còn gì. Sau này có đi đâu, tổ nhất định phải hỏi cậu trước khi liên hệ với nhân viên bán vé vì kiểu gì cậu cũng tìm được cho tớ vé rẻ hơn họ.”

Tôi tới Ba Lan với rất nhiều cảm xúc lẫn lộn, hết như là đi tìm lại dấu chân của ông bà nội nuôi người Đức của mình năm nào. Còn nhớ khi ông nội nuôi của tôi còn sống, mỗi lần tôi tới chơi, ông đều kể cho tôi nghe rất nhiều kỷ niệm về đất nước và con người Ba Lan, về ngôi nhà tuổi thơ và thành phố lẽ ra là của Đức nhưng sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, mảnh đất đó đã thuộc về Ba Lan. Đã rất nhiều lần muốn tới thăm miền đất ấy nhưng rồi lúc nào tôi cũng nghĩ: “Ba Lan ngay bên cạnh, đi lúc nào chẳng được, giờ phải ưu tiên đến những đất nước xa xôi khác đã,” thế nên tôi cứ lẩn lữa mãi. Cuối cùng, nhân chuyến đi thăm một người bạn thân ở Chermnitz, tôi đã quyết định sẽ ghé Wrocław một lần cho thỏa lòng.

Chỉ ở Wrocław có ba ngày nhưng trong ba ngày ngắn ngủi đó, tôi đã thực sự bị người Ba Lan chinh phục. Tôi sẽ không quên hình ảnh cô gái người Ba Lan đã tặng cho tôi hai chiếc vé đi xe buýt khi tôi còn đang loay hoay tìm đường từ ga về nhà trọ. Tôi cũng không quên hình ảnh anh chàng người Ba Lan ấy náy vì không nói được tiếng Anh nên chẳng biết giải thích cho tôi cách rút tiền như thế nào bèn kiên nhẫn đứng hướng dẫn cho tôi từng bước bằng tiếng Ba Lan hiện trên máy ATM. Tôi cũng không quên hình ảnh hai nhân viên làm ở nhà ga trong một buổi chiều mưa lạnh tôi run lập cập đứng đợi tàu về lại Đức. Khi biết mình không thể giúp được tôi, họ đã nhờ một doanh nhân người Ba Lan lại gần và giúp đỡ tôi khi tôi còn loay hoay không biết đợi ở đường ray nào vì nhà ga đang trong giai đoạn tu sửa nên mọi thứ không theo một trật tự nào cả. Tôi mang theo về nước Đức những tình cảm ấy cùng tất cả vẻ đẹp của đất nước, con người Wrocław. Đi và trở về để biết rằng thế giới thật đẹp và đâu đó xung quanh ta, vẫn còn rất nhiều những tấm lòng đầy bao dung, trù mến...

Sau gần một tiếng lang thang trên đường phố để tìm nhà trọ (về đến nơi rồi tôi mới phát hiện ra là mình đã đi một vòng tròn), cuối cùng chúng tôi cũng tìm ra được khu nhà của mình. Khi đặt vé trên Hostelworld, địa chỉ của nhà trọ ghi rõ là Kazimierza Wielkiego 27, nhưng khi tới nơi và nhìn đúng số nhà thì tôi lại thấy đề là Europeum Hotel khiến tôi không biết phải làm thế nào. Vào hỏi nhân viên quán bar thì họ chỉ tôi tới con đường bên cạnh, nhưng đi mãi vẫn chẳng thấy, đến khi quay lại tôi mới phát hiện ra một ngõ nhỏ đi

vào bên trong và thốt lên: “Thì ra nó nằm ở trong cái góc này.” Việc tìm nhà trọ đã được xử lý êm xuôi dù có phải đi hơi vòng vèo một chút, tôi cũng bắt đầu thấy đói nhưng trong ví tiền chỉ toàn tiền euro, mà theo lời dặn của một người phụ nữ người Ba Lan ngồi trên chuyến tàu thì “Ở Wrocław, người ta không nhận tiền euro, thế nên cháu phải đổi sang tiền Ba Lan. Ngay ở nhà ga có cái Kantor[1], cháu vào đó đổi sẽ không mất thêm lệ phí gì cả”, nhưng do nhà ga đang tu sửa nên tôi chẳng tìm thấy cái Kantor nào cả, thế là tôi cứ ung dung về nhà trọ, đến lúc đói mới cuống cuống lên đi tìm máy ATM để rút tiền và dĩ nhiên mất oan tiền lệ phí, nhưng ơn trời, tiền euro đổi sang tiền Ba Lan cũng lời kha khá, sau khi xem xét giá cả các quán ăn và thấy rẻ hơn nhiều so với ở Đức, chúng tôi quyết định vào một nhà hàng sang trọng nằm ngay bên Tòa thị chính và thưởng thức món cá mang đậm phong cách Ba Lan vô cùng ngon với giá cả rất phải chăng cho cả hai người kèm đồ uống – chưa đầy 20 euro.

[1] Kantor: Quầy đổi tiền ở Ba Lan.

Bên dòng sông Odra thơ mộng

Wrocław trong đêm rực rỡ dưới ánh đèn, thành phố lung linh và huyền ảo. Thật khó tưởng tượng được trong chiến tranh, thành phố này đã gần như bị phá hủy hoàn toàn, thế mà giờ đây Wrocław đã nhanh chóng khôi phục và trở thành một trong những điểm du lịch hàng đầu của Ba Lan. Chúng tôi dạo bước bên quảng trường Rynek – một trong những trung tâm kiến trúc nổi bật của Wrocław và chỉ dành cho người đi bộ được bao bọc bởi rất nhiều nhà hàng và cửa hiệu mua sắm. Ban ngày, số lượng người tập trung ở đây không nhiều, hầu hết chỉ là khách du lịch tới ngắm nhìn những ngôi nhà nhiều sắc màu. Trong một cuộc bình chọn 10 thành phố màu mè nhất thế giới thì Wrocław vinh dự đứng ở vị trí thứ bảy, mặc cho những công trình kiến trúc đã lâu đời nhưng về ngoài thì trông vẫn còn rất mới vì chúng liên tục được đổi màu. Khi màn đêm bắt đầu buông xuống thì trên quảng trường bắt đầu trở nên tấp nập. Bên những vòi phun nước, mọi người ngồi trên những chiếc ghế đá trò chuyện, uống cà phê và tận hưởng sự bình yên của cuộc sống. Tôi nhớ trong một bài phỏng vấn, khi phóng viên hỏi: “Những điều gì các du khách nên biết về Wrocław?”, thủ thành của MU, Tomasz Kuszczak đã nói về quê hương của mình rằng: “Đó không phải là một trong những thành phố nổi tiếng nhất tại Ba Lan nhưng nó rất đẹp. Wrocław có rất nhiều tòa nhà với tuổi thọ hàng trăm năm và tất cả đều vô cùng đẹp. Quảng trường chính – trong tiếng Ba Lan được gọi là ‘Rynek’ có tất cả mọi thứ – nhà hàng, quán cà phê, quán bar hay các cửa hiệu lớn. Tôi luôn dành thời gian đến những nơi đó khi tôi về nhà. Chúng tôi cũng có một vài công viên khá đẹp và tôi cũng không thể không nhắc đến vườn thú tại Wrocław.”

©STENT

Công bằng mà nói thì Wrocław không lớn, chỉ trong vòng một ngày chúng tôi đã có thể tham quan hết được “danh lam thắng cảnh” ở nơi này. Từ Rynek, chúng tôi tới Hala Targowa, đây là một khu chợ nổi tiếng ở Wrocław với rất nhiều rau quả tươi, giá cả cũng rất phải chăng. Tôi nhìn gương mặt của những người bán hàng, họ buôn bán ở khu chợ này quanh năm nhưng dường như họ vẫn rất lạc quan. Suy cho cùng có lẽ ai cũng cần tiền nhưng không phải ai cũng phải cố gắng kiếm thật nhiều tiền bằng mọi giá. Chúng tôi dạo một vòng quanh khu chợ, chụp một vài bức hình lưu niệm rồi đi về phía cây cầu Most Tumski mà người dân Wrocław vẫn gọi đó là cây cầu của những người yêu nhau do khung cảnh xung quanh cây cầu khá đẹp và thơ mộng, màu xanh của cây cầu hòa vào màu xanh của dòng sông Odra tạo nên một Wrocław thơ mộng, trữ tình. Most Tumski cũng là cây cầu nổi khu phố cổ với Thánh đường Isle – một trong những thánh đường rất đẹp. Chúng tôi vào cầu nguyện rồi sau đó đi dạo dọc quanh dòng sông Odra trong cái nắng tháng Mười tươi đẹp. Tôi nhớ mãi câu nói của Steve Jobs khi ông biết mình mắc bệnh ung thư: “Thời gian của các bạn có hạn, vì thế đừng lãng phí nó vào việc sống cuộc đời của một ai khác. Đừng nhốt mình trong những suy nghĩ giới hạn của người khác. Đừng để quan điểm của người khác làm át đi tiếng nói bên trong bạn. Và quan trọng nhất, hãy can đảm đi theo trái tim và trực giác của chính mình. Vì chỉ có bạn mới biết được mình thật sự muốn gì. Tất cả những gì còn lại chỉ là phụ mà thôi... Hãy luôn khát khao. Hãy cứ đại khờ.”

Miễn man theo dòng suy nghĩ, chúng tôi tới Hala Ludowa tự khi nào chẳng hay. Đây là một tòa nhà được thiết kế vào đầu thế kỷ XX với một mái vòm tròn độc đáo tượng trưng cho kiến trúc thời đại mới. Nằm ngay cạnh tòa nhà này là một vòi phun nước lớn và một không gian xanh vô cùng thoáng đãng. Những đôi bạn trẻ người Ba Lan thường vào đây chụp ảnh cưới, còn những cụ già thì thong thả đi dạo trong công viên với những cây cầu bé nhỏ xinh xinh và khu vườn Nhật Bản ngập xác lá vàng bay. Thời tiết tháng Mười thật dễ chịu, nhưng dường như trong khắp cả công viên, chỉ có hai đứa chúng tôi lang thang ở đó, bác bảo vệ

thỉnh thoảng lại đi qua, nhìn chúng tôi khẽ mỉm cười. Tôi tự hỏi tại sao có một khu vườn đẹp và thơ mộng thế này mà người dân Ba Lan không tới tận hưởng, phải chăng họ đã quá quen thuộc với điều này hay bởi vì Wrocław nơi nào cũng bình yên và dễ chịu như thế? Tôi buông mái tóc dài đã nuôi suốt nhiều năm qua bên dòng suối nhỏ và đắm mình trong vẻ đẹp của mùa thu...

Ánh nắng cuối ngày đang tắt dần, chúng tôi rời công viên và quay trở về khu phố cổ, tôi chợt nhận ra là ở Wrocław có khá nhiều cây cầu lộng lẫy với đủ những sắc màu xanh, vàng, đỏ. Khi hoàng hôn buông xuống trên cây cầu Most Grunwaldzki, Wrocław càng trở nên dịu dàng và đầm ấm. Đang loay hoay với cái bản đồ để tìm lại đường nhanh nhất về khu phố cổ thì một người đàn ông trung niên bỗng dừng lại và không ngần ngại dắt chiếc xe đạp của mình đi bộ cùng chúng tôi một đoạn đường dài. Ông nói ông là người Hà Lan và đã sống ở Wrocław hơn hai năm nên đã thuộc mọi ngõ ngách ở nơi này. Ông yêu cuộc sống và con người ở đây nhưng ông vẫn nhớ Amsterdam vô cùng và sẽ quay trở lại vào một ngày không xa. Tình cảm của những con người xa lạ trên mảnh đất không người quen ấy đã khiến tôi vô cùng xúc động. Sau này khi đã trở về Đức, mỗi khi nhớ lại những ngày ở Wrocław, tôi vẫn thấy tiếc vì mình đã không tới nơi này sớm hơn. Nhưng có hề gì, rồi tôi sẽ còn quay trở lại, có thể ở nơi nào đó chẳng ai chờ đợi tôi, nhưng tôi thì luôn khát khao được gặp lại những con người nơi đó.

Wrocław, tình mãi ru người...

Nhà thờ Saints-Michel-et-Gadule

7. Chương 7

[Bỉ]

Brussels – Mùi thơm quynn rữ

TÔI CÓ Ý ĐỊNH TỚI Brussels từ lâu, hồi đi Pháp cũng đã có ý định ghé Brussels, nhưng vì thời gian quá gấp gáp nên tôi đành lùi lại, hẹn tới cuối hè sẽ đi cùng Jean Paul. Nhưng trong lúc anh chàng còn đang mải mê vi vu ở châu Á, tôi đã âm thầm lên sang Brussels mà không một lời thông báo. Đến khi anh quay trở lại châu Âu, tôi mới “thú tội” là đã qua Brussels rồi, cũng may là trước đó một ngày tôi đã nhận được email của anh thông báo: “Cuối hè này anh sẽ về lại Việt Nam, đơn giản vì không có một đất nước nào tuyệt vời hơn thế”. Thế là tôi lấy cớ luôn: “Em nằm mơ thấy cuối hè anh về Việt Nam thế là em qua Brussels trước rồi. Định bụng sẽ cùng anh qua Bruges và Ghent nữa nhưng anh lại về Việt Nam mất rồi”.

Trước khi tới Brussels, tôi đã được một vài người bạn cùng công ty bảo: “Trời! Bộ không còn chỗ nào đi nữa hay sao mà qua Bỉ” hay một vài người đi về toàn than vãn trên các diễn đàn là: “Brussels bé xíu, đi một ngày là hết. Không có gì thú vị cả!” nhưng chừng nào chưa thấy tận mắt thì tôi vẫn chưa tin. Vả lại, qua 12 nước châu Âu mà tôi đã đặt chân đến, tôi nhận ra một chân lý rằng không có thành phố nào xấu cả, không có thành phố nào “không có gì đáng xem cả” mà chỉ là người ta không nhận ra vẻ đẹp, không chịu đi tìm những thú thú vị, hấp dẫn của thành phố đó mà thôi. Tôi tới Brussels với niềm háo hức bởi bất kì nơi nào tôi chưa có dịp đặt chân tới ở châu Âu đều ẩn chứa nhiều hấp dẫn cần khám phá.

Tôi tới Brussels vào một ngày nắng đẹp, thời tiết khoảng 22 độ, thật lý tưởng. K. Ngọc và tôi ghé vào một siêu thị nhỏ trong nhà ga mua bánh mì ăn lót dạ, sau đó ngồi nghiền cứu tấm bản đồ thành phố. Địa điểm đầu tiên chúng tôi tới là Quảng trường Lớn. Quảng trường này tuy không rộng lớn như những quảng trường khác của châu Âu nhưng nó được bao bọc bởi nhiều tòa nhà cổ với những kiến trúc vô cùng độc đáo. Đây cũng là một trong những khu phố cổ đẹp nhất châu Âu và là trung tâm thương mại lâu đời của Bỉ mặc dù nơi đây chỉ có tòa thị chính với mái được thiết kế theo kiến trúc Gothic. Nằm bên quảng trường này, nếu để ý kĩ người ta sẽ thấy một tòa nhà với tấm biển Karl Marx, bởi đây là nơi mà Marx và Engels từng ở trong suốt ba mươi năm tại Bỉ để hoàn thành tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.

Tôi đứng giữa quảng trường ngắm nhìn dòng người qua lại và những cửa hàng bán tranh phong cảnh đẹp như mơ của nước Bỉ, như để du khách biết rằng họ đã không sai lầm khi dừng chân ở đây.

Nằm ở phía Nam quảng trường là một bức tượng được mạ vàng của một người phụ nữ. Du khách chen nhau chạm vào nó và chụp hình làm kỉ niệm. K. Ngọc bảo tôi “chạm tay vào đó thì sẽ gặp may mắn, nếu ai mà

ước được có con thì sẽ có.” Tôi bảo: “Nếu người ta chưa muốn có con, nhờ chạm tay vào đó và có con thì sao?” Tôi nói đùa và cũng đi luôn vì tôi không mấy tin tưởng vào những điều như thế. Tất cả chỉ là cảm nhận của mỗi người. Sau này khi trở về nhà, tôi mới biết bức tượng đó tạc nữ anh hùng của thế kỉ XIV Everard Serclaes.

Quảng trường Lớn được bao bọc xung quanh bởi những tòa nhà cổ với kiến trúc độc đáo

Chúng tôi tản bộ tới những khu phố nhỏ với những cửa hàng lưu niệm. Mùi sô-cô-la ngào ngạt quyến rũ, những cửa hàng bán bánh quế kèm dầu tây thơm lừng khiến ai đi qua cũng phát thèm. Bỉ cũng là vương quốc dẫn đầu trong việc sản xuất sô-cô-la, khắp mọi nẻo đường đều trưng bày sô-cô-la với nhiều mùi vị và mẫu mã khác nhau. Trước khi về Đức, tôi cũng mua một hộp sô-cô-la nhỏ để làm quà.

Có một điểm tham quan ở Brussels mà những ai tới đây đều “không muốn” bỏ qua, đó là tượng Manneken Pis – hình một cậu bé đang đứng đái tè. Bức tượng nhỏ xíu nhưng từ lâu đã trở thành niềm tự hào của người dân nước Bỉ, có thể nói đó chính là biểu tượng của thủ đô Brussels. Người dân Brussels vẫn hay thích đoán về sự ra đời của bức tượng này, không một ai rõ xuất xứ của nó. Theo những thông tin từ trang miovista thì người ta truyền miệng kể rằng cậu bé đó là Herzog Gottfried III von Brabant, người trong một trận chiến đã nhạo báng lính đối phương. Một câu chuyện tương tự khác thì lại kể rằng, các nghệ sĩ đã lấy người cảm hứng từ một cậu bé có tên là Juliaanske, người đã lấy nước tiểu của mình thổi vào cầu chì của một quả bom để cứu thành phố khỏi một ngọn lửa. Không cần biết cậu bé nghịch ngợm này là ai, nhưng cho đến ngày nay hầu như ai cũng phải dừng chân ở đây khi ghé thăm Brussels. Bất cứ nơi đâu, ở cửa tiệm nào người ta cũng lấy bức tượng này ra để pha trò và bán thành đồ lưu niệm. Một cách kiếm tiền không lạ nhưng độc đáo.

Đến gần 2h trưa, khi bụng đã đói meo, chúng tôi quyết định đi ăn trưa. Tôi chọn món ốc nổi tiếng của Bỉ kèm cà chua và pho mát thơm lừng nhưng một đĩa chỉ có vẹn vẹn 12 con nên ăn “một thoáng đã hết”. Có lẽ vì nổi thèm ốc (tự dưng lại nhớ đến món bún ốc, cơm hến và canh cua ở Việt Nam) của tôi, nên tối hôm đó tôi được mời ăn một nồi ốc to đùng. Đến Brussels mà lại ăn hải sản thì quả thật hơi lạ nhưng cứ đi dọc con phố ăn uống Gretrystraat với hàng chục cửa hàng hải sản thơm lừng xen lẫn với những cửa hiệu Pizza của Ý mà không dừng chân lại ăn một bữa thì e là khó mà bước tiếp được. Sau khi tôi “chiến đấu” xong gần hết một nồi ốc thì no căng bụng, cái tội “tham thì thâm” nên giờ nhìn thấy ốc là tôi nổi da gà, nhưng bù lại tôi được một lần ăn ốc Brussels đã đời. Tôi bảo đùa K. Ngọc “Ở Copenhagen thì mọi con đường đều dẫn tới biển, còn ở Brussels thì mọi con đường đều dẫn tới các ... quán ăn”.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi thăm Metro Atomium – Viện bảo tàng Khoa học kỹ thuật có cấu trúc như một phân tử với chiều cao 102m và được xây dựng từ năm 1958. Đây là công trình kiến trúc khá nổi bật ở Brussels. Khách đến thăm Brussels đều không thể bỏ qua được điểm đến này. Chúng tôi xếp hàng mua vé và đi trong lòng các ống sắt nối các khối cầu kim loại lại với nhau, mỗi một quả cầu có bán kính tới 19m. Leo bậc thang mãi mà vẫn không lên tới đỉnh cầu vì có một dây chằng ngang không cho chúng tôi đi tiếp. Chúng tôi đành bước xuống tầng một và xếp hàng đi thang máy vì đoán là sẽ lên được đến đỉnh cầu để có thể nhìn ngắm thành phố từ trên cao. Chúng tôi đã được đền bù xứng đáng, mặc dù thời gian chúng tôi ở trên đó không nhiều bằng thời gian xếp hàng mua vé và đứng chờ đến lượt mình vào thang máy. Từ trên đỉnh, tôi nhìn xuống và thấy toàn bộ Mini Europe. Khi tới Brussels tôi đã bảo K. Ngọc rằng kiểu gì cũng phải vào Mini Europe, K. Ngọc bảo đi hết nửa châu Âu rồi, ngắm tận mắt còn chưa chán hay sao mà lại thích vào đây ngắm mô hình người ta làm lại và “xúi” tôi không nên vào. Nhưng những ai không có dịp đi châu Âu thường xuyên thì nên vào công viên châu Âu thu nhỏ này. Khoảng hơn 300 danh lam thắng cảnh của hơn 10 nước châu Âu đều có mô hình được xây dựng lại ở đây, như Tháp nghiêng Pisa ở Ý, tháp Eiffel ở Pháp, Cổng Brandenburg ở Berlin, cối xay gió ở Hà Lan... Có thể nói công viên này đã lưu lại được rất nhiều thành tựu văn hóa lịch sử của châu Âu từ xưa đến nay.

Khác với nhiều nước châu Âu khác, thủ đô Brussels luôn tràn ngập cây xanh. Nhìn từ trên cao, những không gian xanh của Brussels trông như những cánh rừng, cây cối xanh tươi và sum sê. Rừng nằm giữa thành phố, rừng tràn xuống những con đường lát đá bằng phẳng. Trên đường trở về khách sạn, một lần nữa tôi cho phép mình thông thả dạo qua những con phố để tận hưởng mùi hương quyến rũ ở nơi đây. Chẳng biết lúc nào tôi mới có dịp quay trở lại vùng đất này, nhưng chắc chắn một điều rằng mùi hương ấy sẽ mãi khắc ghi trong từng nỗi nhớ và rất nhiều giấc mơ sau này của tôi.

Bức tượng nàng tiên cá trong công viên Tivoli

8. Chương 8

[ĐAN MẠCH]

Copenhagen – Thiên đường của những giấc mơ

SAU GẦN MỘT ĐÊM LANG thang ở Hamburg, chuyến tàu hơn 7h sáng xuất phát từ Hamburg đưa chúng tôi tới Copenhagen bằng cả đường sắt lẫn đường thủy. Khi tàu tới cửa biển và chui luôn vào chiếc tàu thủy rộng lớn tự lúc nào, tôi vẫn chưa khỏi ngỡ ngàng. Từ trước đến nay, tôi mới chỉ biết đến việc xe hơi được vận chuyển bằng tàu thủy còn việc chiếc tàu hỏa với tốc độ di chuyển gần như nhanh nhất nước Đức chui cả vào trong một chiếc tàu thủy vẫn còn quá mới mẻ với tôi. Khi tàu đã ở trong, chúng tôi buộc phải ra khỏi toa tàu hỏa và lên tàu thủy ở ngay cầu thang bên cạnh. Chiếc tàu thủy rộng lớn đưa chúng tôi tiến về phía thủ đô. Trên tàu có đầy đủ mọi tiện nghi: những nhà hàng hải sản nhỏ nhỏ nhưng sang trọng, những cửa hàng bán đồ lưu niệm, mỹ phẩm... Ở đây, người ta có thể đi dạo thoải mái, như thể có một thành phố thu nhỏ ở trên tàu vậy. Chúng tôi bước ra boong tàu, gió thổi mạnh như muốn quật ngã tôi. Nhưng vẫn có rất nhiều người chịu khó chịu lạnh để ngắm đại dương trong nắng, khoảnh khắc ấy thật đẹp biết bao.

Copenhagen đón tôi vào một buổi trưa tháng Năm se lạnh. Nằm ở phương Bắc nên thời tiết ở đây có lạnh hơn một chút so với các nước châu Âu khác. Sau khi đã làm thủ tục nhận phòng và nghỉ ngơi một chút, tôi và Việt Anh tìm một tấm bản đồ thành phố để bắt đầu khám phá thủ đô nhỏ bé nhưng vô cùng đáng yêu này.

Đan Mạch là nước nằm trong Lĩnh minh châu Âu nhưng vẫn có đồng tiền riêng, nên để thuận tiện chúng tôi đã đổi sang tiền bản xứ. Sau phút ngỡ ngàng vì thành phố quá đẹp, tôi giật mình bởi ở đây dường như cái gì cũng đắt. Đã từng tới Paris và London, tôi cứ ngỡ đó là những thành phố đắt đỏ nhất châu Âu, nhưng khi tới Copenhagen rồi tôi mới biết Paris vẫn còn thua xa. Một chai nước lọc loại 0,5l giá ở Đức chỉ khoảng 40 – 50 cent nhưng ở đây lên tới gần hai euro. Đồ ăn thì còn “kinh khủng” hơn nhưng không nỡ để em Yến Anh ăn bánh mì chống đói nên Việt Anh hay mời tôi ở quán ăn nhỏ “Yam Yam”. Chúng tôi mua một ít cơm và rau trộn với cái giá cắt cổ rồi sau đó ăn chung. Tôi nhận ra rằng mức sống của người dân Đan Mạch khá cao, ít nhất là cao hơn tôi tưởng tượng rất nhiều.

Copenhagen hấp dẫn du khách với các kiến trúc cổ xưa, các lâu đài, các nhà thờ và những con kênh chảy qua thành phố. Chúng tôi đi dạo trong ánh nắng chiều vàng óng hắt lên những ngôi nhà cao tầng và soi bóng dưới mặt nước. Chiều Copenhagen thật bình yên trong tiết trời se lạnh do ảnh hưởng của gió biển. Chúng tôi băng qua những cây cầu và đi dạo trên những con đường lát đá mỏng với những ngôi nhà chung cư treo hoa lơ lửng trên ban công. Do địa hình khá bằng phẳng nên xe đạp rất phổ biến ở Copenhagen. Lần đầu tiên bước ra đường phố Copenhagen, tôi đã ngỡ đây là một Amsterdam thứ hai của châu Âu. Đi thêm một đoạn nữa, chúng tôi dừng chân trên một cây cầu màu trắng, Việt Anh bảo tôi: “Quay lại phía sau mà xem em kìa, nắng vàng phủ đầy trên những ô cửa kính phía trên cao”. Tôi quay lại, ngược lên nhìn và ngỡ ngàng. Chao ôi, nắng chiều ở bán đảo Scandinavia đẹp biết bao nhiêu. Chiều Copenhagen hiện ra thật bình yên trong cái se se lạnh của gió biển. Gió lướt lách qua từng con đường lát đá mỏng, vi vu trên từng cây cầu, chui cả vào các khu nhà chung cư đùa giỡn cùng giàn hoa lơ lửng trên ban công và lao theo đoàn người chạy xe đạp trên phố.

Stroget – con đường cổ nhất Copenhagen

Xuyên qua trung tâm thành phố, ở hai đầu là hai quảng trường rộng lớn, Stroget dài hơn 2km, chỉ dành cho người đi bộ và luôn đông nghịt người qua lại. Có rất nhiều quán ăn tập trung trên con đường này, từ những nhà hàng Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ đến Ý, Pháp và dĩ nhiên cả Đan Mạch nữa. Từ những quán ăn bình dân cho đến những quán ăn đắt đỏ, du khách tới đây luôn có rất nhiều sự lựa chọn phù hợp với túi tiền của mình. Không chỉ có vậy, con phố này cũng có rất nhiều bảo tàng nhỏ trưng bày những đồ vật lạ kì, hấp dẫn.

Từ con đường này, có khá nhiều con hẻm nhỏ tỏa đi khắp nơi. Những con hẻm nhỏ lúc ban mai dường như vẫn còn đang ngái ngủ, thậm chí ngay cả những cửa tiệm bán đồ ăn sáng trông rất bắt mắt cũng vẫn còn

thừa thốt người. Cách trưng bày của những tiệm ăn ngoài trời ở Copenhagen khá ấn tượng. Khách ngồi dưới ánh nắng sớm mai nhấm nháp chút đồ ăn, trên những chiếc ghế mây họ ngồi bao giờ cũng có một tấm chăn mỏng để nếu cần thì ai cũng có thể quàng lên người cho đỡ lạnh.

Những bước chân vô định đưa chúng tôi tới Christianborg, nơi có trụ sở Quốc hội, Tòa án tối cao và cũng là văn phòng của thủ tướng. Từ đây, chúng tôi đi thẳng tới bờ biển, mặt nước xanh được nhuộm những tia nắng vàng lóng lánh. Tôi để cho gió hất tung mái tóc mình và hít hà mùi hương của biển... Chợt nhớ lại lời bài hát của Trịnh Công Sơn năm xưa “Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về...” và tôi tự hỏi không biết ngày mai tôi đi, biển nơi này có còn nhớ dấu chân tôi? Tôi bảo với Việt Anh rằng em có thể ngồi đây cả giờ đồng hồ để phơi nắng và ngắm mặt biển mà không thấy chán. Chưa bao giờ tôi thấy Copenhagen đẹp như trong khoảnh khắc ấy.

Nguồn ebooks: .luv-ebook.com

Từ Christianborg, chúng tôi tới Quảng trường Kongens Nytorv và ăn trưa ở đó. Chao ôi, giá cả Copenhagen lại một lần nữa làm tôi sửng sốt. Một ly bia bình thường chỉ chừng ba euro, nhưng ở đây lên tới tận bảy euro, đã thế Việt Anh uống xong lại chê là không ngon, hóa ra bia Đức vẫn là nhất. Một cốc coca loại 300ml cũng lên tới tận bốn euro và món ăn rẻ nhất cũng chừng 20 euro. Thôi thì đành thực hiện chiến lược “xót tiền ngon bụng” vậy. Dòng kênh đào Nytorv đi qua quảng trường này được kiến tạo cách đây 300 năm nhằm mục đích buôn bán bằng đường thủy được thuận lợi. Dọc hai bên bờ kênh là những ngôi nhà cổ nhưng sắc sỡ sắc màu do người ta sơn quét lại cho đỡ cũ kỹ và cũng để thu hút du khách. Khi xưa, đây là nơi ăn chơi của các thủy thủ từ nhiều châu lục khác nhau nhưng bây giờ, nơi này phần lớn đều để phục vụ du khách. Những chiếc thuyền trên kênh sẵn sàng đưa khách du lịch tham quan một vòng, bất cứ ai còn muốn nán lại thì sẽ thưởng thức bữa ăn “ngay dưới bầu trời”, theo cách gọi của người Đan Mạch.

Cung điện Amalienborg (Cung điện Mùa đông của Hoàng gia) nằm cách đó không xa và được xây dựng từ năm 1794 theo lối kiến trúc của Pháp. Báo chí vẫn thường ca ngợi rằng đây là một trong những cung điện đẹp nhất châu Âu. Cung điện này được Vua Frederik III xây dựng từ năm 1667 đến năm 1673 và được đặt theo tên của Hoàng hậu Sophie Amalie. Cung điện bị cháy vào tháng Tư năm 1689, chỉ còn lại khu vườn và được giữ nguyên cho đến năm 1748. Năm 1750, Cung điện Amalienborg được xây dựng lại trên một mảnh đất có hình tám cạnh với lối kiến trúc Baroque. Chúng tôi đến đây vào buổi chiều nên không được chứng kiến nghi lễ đổi gác vì nghi lễ này thường bắt đầu lúc 12h trưa.

Trên đường tới Kongen Havens chẳng biết đi thế nào mà chúng tôi lại lạc vào một nơi triển lãm những chiếc xe hơi cực kì nổi tiếng và đắt đỏ. Đây không phải là một cuộc triển lãm chính quy mà giống một buổi tụ họp, những ai sở hữu những chiếc xe đẹp nhất, đắt nhất và đời mới nhất thì cứ mang đến “khoe” và cho người lạ thưởng thức (hay ganh tị và thèm thuồng?). Ban đầu, tôi tưởng đây chỉ là một cuộc trình diễn xe cộ nên để Việt Anh đi xem một mình, còn tôi ngồi một góc đợi. Nhưng đợi mãi chẳng thấy anh chàng quay lại, đúng là đàn ông thấy xe hơi thì quên ngay phụ nữ nên tôi quyết định đi tìm anh chàng và sửng sốt khi nhìn thấy những chiếc xe rẻ nhất cũng cỡ 200.000 euro. Tôi chiêm ngưỡng để thưởng thức nó, Việt Anh chiêm ngưỡng chắc vì... thèm. Để lưu lại kỉ niệm đẹp ấy, mỗi đứa chúng tôi làm một seri ảnh “người mẫu quảng cáo xe” để lúc nào có thèm thì lấy ảnh ra ngắm lại.

Rất lâu sau, tôi có đọc một bài báo trên Phụ nữ Việt Nam với tựa đề “Đàn ông mê xe hơi” nói về một cuộc điều tra gần đây, rằng tuy rất mê xe hơi nhưng nếu phải lựa chọn giữa xe và người yêu thì số đàn ông lựa chọn người yêu vẫn cao hơn xe hơi 3%. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của người phụ nữ trong mắt đàn ông hay nói chính xác hơn, đàn ông thật thông minh khi biết lựa chọn phụ nữ trước xe hơi, nhưng tôi vẫn không thể nhịn được cười khi cuối cùng, tác giả bài viết lại kết luận rằng: “Thông minh là thế, nhưng đàn ông vẫn thật ngây thơ. Họ quên mất rằng phụ nữ đẹp có làm người yêu mãi cũng đến ngày thành... vợ. Và giai thoại khủng khiếp về vợ lại bắt đầu. Mà vợ thì không bao giờ thích chồng quá ưu ái xe hơi.”

Dòng kênh đào Nytorv

Chúng tôi dừng chân ở một ngôi chùa – nơi mà nhìn sang bên phải là biển, còn bên trái là một không gian xanh vô cùng rộng lớn và thoáng đãng. Tìm được một nơi tuyệt vời như thế không hề dễ dàng. Sau này, khi đã về Đức rồi, trong một vài giấc mơ, tôi vẫn thấy mình tung tăng đâu đó giữa chốn thiên đường ấy.

Chúng tôi dừng chân ở Lâu đài Rosenborg – một lâu đài cổ màu hồng theo kiến trúc Phục Hưng, được xây

dựng vào thế kỷ XVII. Nghe nói nơi đây lưu giữ nhiều hiện vật quý nhưng khi chúng tôi đến nơi thì đã hết giờ mở cửa nên chỉ được đứng bên ngoài nhìn vào và đi dạo xung quanh. Lâu đài này được bao quanh bởi một khu vườn xinh đẹp, lúc ấy đang là mùa xuân nên những bông hoa tulip đua nhau khoe sắc.

Có lẽ ai tới Copenhagen cũng đều mong được nhìn thấy bức tượng Nàng tiên cá nổi tiếng, đặt trên một tảng đá ở cảng Langelinie, do Edward Eriksen chế tạo theo “đơn đặt hàng” của ông chủ hàng bia Carlsberg. Trước đây, khi đọc những câu chuyện cổ tích của Andersen, tôi cũng đã từng mơ về nó và nghĩ rằng sẽ thật hạnh phúc khi được chiêm ngưỡng và ôm nó vào lòng. Nhưng thật đáng thương cho tôi, nàng tiên cá đã “bị” mang sang Thượng Hải để phục vụ cho buổi triển lãm sẽ diễn ra vào cuối tháng Mười. Tôi đành ngậm ngùi, thôi thì đành vào Tivoli ngắm bức tượng giả cũng xinh đẹp không kém vậy.

Tivoli là nơi mà có lẽ ai đã từng đến Copenhagen đều không thể bỏ qua, đây là khu giải trí năm sao vô cùng lộng lẫy. Tôi từng phàn nàn là đời sống ở Copenhagen đắt đỏ nên Việt Anh cứ bóng gió luôn: “Yến Anh đi chơi là cứ phải vào chỗ nào năm sao cơ”. Tôi không biết phải thanh minh và lý luận thế nào vì anh chàng nói chuẩn quá nên đành chữa vội: “Ừ thì đã mất chì rồi thì cho mất cả chì luôn, bỏ công đến đây rồi mà”. Khu giải trí này nằm ngay ở trung tâm Copenhagen và được xây dựng từ năm 1843, nó có sức thu hút với tất cả những ai đến Copenhagen (không ngoại trừ tôi).

Với diện tích 80.000m², tại đây có đủ mọi thứ, từ các quán ăn Á, Âu, các quán giải khát, các trò chơi truyền thống và hiện đại đến những vườn hoa rực rỡ sắc màu và đài phun nước. Từ những chiếc đu quay kiểu cổ điển dành cho trẻ em đến những toa xe chạy trên những đường trượt uốn lượn dành cho những người trẻ tuổi. Rồi những anh lính bảo vệ trong trang phục Hoàng gia thuở xưa đi diễu hành hộ tống những đứa trẻ ngồi trong những cỗ xe ngựa. Tivoli cũng là khu giải trí dành cho các sự kiện văn hóa với các rạp chiếu phim và nhà hát ngoài trời.

Ngắm Tivoli vào đêm thì quả thật không còn gì tuyệt vời hơn. Ban đêm, vườn hoa này được chiếu sáng bởi 100.000 bóng đèn màu. Tôi vẫn cứ ngỡ đây là một thành phố nhỏ chỉ dành cho vua chúa thời xưa và nay chúng tôi có may mắn được hưởng diễm phúc đó.

Khi đi bộ từ Tivoli về chỗ trọ để chuẩn bị cho chuyến đi Thụy Điển vào ngày hôm sau, tôi tự nhủ khi có điều kiện, nhất định sẽ trở lại nơi này. Tôi yêu thành phố mà mọi con đường đều có thể dẫn ra biển này, yêu những cơn gió se lạnh và yêu cả ánh hoàng hôn của mặt trời phương Bắc nhuộm vàng những ngôi nhà nghiêng nghiêng. Tôi yêu cái xứ sở mà nhiều người vẫn gọi là “nơi hạnh phúc nhất thế giới” với một nền công nghiệp xanh và một lối sống lành mạnh. Tôi biết rằng đây không phải là lần cuối cùng tôi tới xứ sở của những câu chuyện cổ tích thần tiên này.

Nhà thờ lớn Berliner Dom

9. Chương 9

[ĐỨC]

Lưu luyến Berlin

ĐẶT CHÂN TỚI BERLIN lần đầu tiên vào mùa thu năm 2001, thành phố không đẹp như những gì tôi tưởng tượng. Giữa những ngày tháng Mười, tôi lang thang trên khắp các nẻo đường để tìm lại những gì day dứt đã từng bỏ lại ở quê hương, để rồi trong lá thư đầu tiên gửi về cho mẹ, tôi đã viết: “Mẹ ơi, ở bên này con chẳng thấy mùa thu!”

Là một người lãng mạn, trong tôi mùa thu luôn là thứ gì đó mang cho con người nhiều cảm xúc băng khuâng, xao xuyến, bồi hồi. Vậy mà trong tôi lúc ấy chỉ là sự trống rỗng, tôi bỗng nhớ những chiều thu Hà Nội đến nao lòng.

Để rồi mãi đến lần thứ tư trở lại Berlin, tôi mới dám khẳng định tình yêu của mình dành cho thành phố này. Sống ở Đức nhiều năm, được đi khắp các thành phố lớn nhỏ nhưng mỗi lần tới Berlin, lòng tôi luôn dấy lên một nỗi niềm khó tả.

Là thành phố nằm ở phía Đông của nước Đức với nhiều di tích lịch sử, kể từ khi Bức tường Berlin sụp đổ, Berlin là nơi thu hút khách du lịch từ khắp mọi nơi trên thế giới không phải bởi vẻ đẹp trang hoàng, lộng

lấy mà bởi những nét đẹp văn hóa còn lưu lại cho đến ngày hôm nay. Và có lẽ cũng không quá ngạc nhiên khi xếp Berlin vào danh sách những thành phố đẹp nhất châu Âu!

Tôi cứ nhớ mãi cái khoảnh khắc trong lần đầu tiên tôi tới Berlin, với tôi Berlin là một thành phố xanh-sạch-đẹp và đường như chẳng bao giờ ngủ vào ban đêm. Những ấn tượng của tôi về người Berlin trong lần đầu tiên ấy không mấy thân thiện! Tôi sống ở một vùng quê yên ả, bình yên của miền Tây Bắc Đức, khi ra ngoài đường, bất kể người lớn hay trẻ con, họ đều có thói quen chào nhau “Hallo” (xin chào) hoặc nở một nụ cười, nhưng ở Berlin đó là điều không thể. Khi tôi đem thắc mắc này ra hỏi thầy giáo tôi, ông đã nhẹ nhàng giải thích cho tôi rằng: “Ở một thành phố với một lượng người đông như thế, người ta không thể ‘Hallo’ suốt cả ngày được, thế nên em đừng trách người Berlin”. Tôi tạm bằng lòng với lời giải thích như thế dù trong lòng vẫn còn rất nhiều hoài nghi, để rồi rất lâu sau tôi mới biết thầy đã đúng.

Bất cứ thủ đô nào trên thế giới đều mang một vẻ đẹp riêng tượng trưng cho đất nước của mình và Berlin cũng vậy. Đến Berlin, bạn không thể không ghé thăm cổng thành Brandenburg – biểu tượng của thành phố. Cổng thành cao 26m, rộng 66,5m, trước đây từng là vạch phân chia ranh giới giữa hai miền Đông và Tây Đức. Cổng Brandenburg được bắt đầu xây dựng từ năm 1788 và mãi đến năm 1791 mới được hoàn thành. Vua Friedrich Wilhelm II là người đã cho xây chiếc cổng này như biểu tượng của hòa bình. Hầu như bất cứ du khách nào đến Berlin cũng đều phải ghé qua cổng thành này.

Tôi không phải là người say mê lịch sử, nhưng khi đến Berlin tôi đã dành thời gian ghé thăm gần hết các viện bảo tàng – nơi ghi dấu những gì còn sót lại của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhiều người bạn Việt Nam từng hỏi tôi: “Lịch sử nước Đức có gì thú vị?”. Tôi chỉ cười. Thật khó giải thích điều đó bởi hầu như bất cứ ai khi nghĩ về lịch sử Đức cũng gắn liền với hai chữ “Hitler”. Người dân Đức không bác bỏ điều này, thế hệ trẻ của Đức ngày hôm nay vẫn phải hứng chịu những cái nhìn soi mói khi học về lịch sử nước nhà. Còn tôi, tôi học để biết và cũng để hiểu rằng những gì đã đi vào lịch sử thì cũng nên biết đến một lần.

Hiện tại ở Berlin, người ta vẫn lưu giữ những bức tường còn sót lại từ năm 1991 và trong những cửa hàng lưu niệm bạn có thể mua những mô hình nhỏ bằng ngón tay để làm kỷ niệm. Khi đi ngoài đường, nếu để ý kỹ, bạn sẽ còn được nhìn thấy vạch phân chia ranh giới giữa hai miền ngày xưa. Tôi tìm đến Checkpoint Charly, đây là một trong những trạm kiểm soát của Mỹ ngày xưa đóng tại Berlin để kiểm soát giấy tờ khi người dân muốn di chuyển từ Đông Đức sang Tây Đức hoặc ngược lại. Khách du lịch đến đây thường chụp những bức hình làm kỷ niệm để hồi tưởng lại không khí ngày xưa. Sau khi nước Đức thống nhất thì trạm kiểm soát này đã bị hủy bỏ nhưng từ năm 2000 người ta đã cho xây dựng lại một trạm kiểm soát được phỏng theo bản gốc để khách du lịch đến tham quan, chụp ảnh.

Sau khi đã xem được gần hết các công trình lịch sử và các viện bảo tàng, tôi bắt đầu khám phá một gương mặt khác của Berlin – nơi là lịch sử không còn đóng vai trò chủ đạo của thành phố, mà thay vào đó là những dòng sông, những cây cầu, những cung điện tạo cho thành phố một vẻ đẹp nên thơ, tao nhã. Vào mùa hè, trên những thảm cỏ trong những công viên hay thậm chí chỉ là một bãi cỏ ven đường, giới trẻ thường tận dụng đó làm nơi nghỉ mát, hóng gió, hàn huyên hay ngồi đọc một cuốn sách hay, ngắm vài lượt người qua lại. Trên những cây cầu khi nắng tắt và hoàng hôn bắt đầu buông xuống, Berlin khi đó không còn là một thành phố với những tòa nhà chọc trời mà là một thành phố thật sự yên bình và đáng yêu. Người dân Berlin không ồn ào, vội vã, cuộc sống dẫu tất bật nhưng họ vẫn tìm cho mình những giây phút để thư giãn. Trên những tàu điện ngầm hay những chuyến xe buýt, tôi không hề thấy biểu hiện của sự hối hả, bon chen, kể lên người xuống vẫn với những bước chân thật nhịp nhàng. Tôi vẫn nhớ những buổi sáng sớm thức dậy, đứng trên ki túc xá tầng 15 từ phòng của Trang nhìn xuống, ngắm thành phố từ phía trên cao, để gió, để mặt trời tỏa vào đôi mắt biếc, một cảm giác thật dễ chịu.

Người ta đặt cho Berlin rất nhiều những cái tên mỹ miều, nào là “Trái tim của châu Âu”, “Nơi gặp nhau của quá khứ và hiện tại” hay “Thành phố của nghệ thuật”. Còn tôi thì lại gọi Berlin là thành phố của yên bình, bởi mỗi lần quay trở lại nơi này tôi đều bồi hồi, xúc động. Thành phố này luôn mang tới cho tôi cảm giác của sự bình yên, bỏ lại phía sau những tính toán đời thường để sống một cuộc sống của một người trẻ tuổi mang trong mình những hoài bão và khát vọng tự do. Khó có ai nghĩ rằng hơn nửa thế kỷ trước Berlin vẫn còn bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh khi ghé đến thăm thành phố này. Ở Berlin, sinh viên Việt Nam và châu Á khá nhiều, thế nên vào các ngày nắng đẹp, họ thường tụ tập cùng gia đình, bạn bè ở Thaipark nướng thịt, thưởng thức các món ăn châu Á khác nhau, trong đó có món chè và nộm đu đủ của Thái Lan, cùng món thịt nướng kiểu Lào là những món ăn tôi tâm đắc vô cùng.

Tôi thích nhất là được ngắm Berlin vào mỗi buổi đêm, được lang thang trên con đường lộng gió, trút bỏ những nhọc nhằn của một ngày đã qua và đắm mình trong hơi thở của thành phố. Ở Berlin có hai địa điểm mà bạn nên dừng lại và ngắm nhìn vào buổi đêm đó là Alexander Platz, bạn có thể ngược nhìn lên tháp truyền hình với độ cao 368m và những người không sợ độ cao thì có thể xếp hàng mua vé lên đỉnh tháp để ngắm nhìn toàn bộ Berlin vào ban đêm với những ánh đèn lấp lánh đủ sắc màu.

Thư giãn trong công viên ở Berlin

Còn Postdamer Platz là nơi từng bị chia cắt bởi hai miền nước Đức, khi tới đây bạn có thể nhìn thấy vạch ngăn cách bức tường ngày xưa, nay đã bị phủ bằng những lớp đá. Hiện nay, quảng trường này là nơi có mật độ giao thông gần như cao nhất ở Berlin, những tòa nhà cao tầng, khách sạn và nhà hàng mọc lên rất nhiều. Quảng trường này cũng là nơi “cực kì giả dối”, bởi đây là nơi trải chiếc thảm đỏ thu hút các ngôi sao tài tử, minh tinh màn bạc từ khắp nơi trên thế giới. Họ đến đây để làm áp phích quảng cáo cho bộ phim sắp được trình chiếu và giao lưu cùng khán giả. Tôi còn nhớ cái lần đi theo chân chị Trang tới Postdamer Platz chỉ để chờ và chiêm ngưỡng tận mắt hai diễn viên chính trong bộ phim Transformer. Trước đó, tôi không hề biết đến tên tuổi của hai tài tử điện ảnh này, nhưng hình như sau bộ phim này, họ đã bắt đầu nổi tiếng ở Hollywood. Thế mà rồi tôi cũng “mò” lên được hàng đầu tiên (dáng người mảnh khảnh khiến việc luồn lách của tôi rất dễ dàng), được đạo diễn và hai tài tử tận tay kí tặng. Tôi cười toe toét trong tiếng hò reo khản cổ của những bạn trẻ xung quanh.

Xe bia trên đường

Nói đến Berlin là không thể không nhắc tới Đồng Xuân – khu trung tâm mua bán của người Việt tại Đức. Khi lạc vào đây, tôi cứ ngỡ mình đang ở Việt Nam, bởi số lượng người Việt buôn bán ở trong này chiếm tới hơn 60%, 40% còn lại được chia cho người Trung Quốc, người Thổ, người Ấn Độ và Đức. Người ta có thể mua bất cứ thứ gì họ cần, sách báo, băng đĩa cho đến cả những món đặc sản mà nhiều người vẫn nghĩ chỉ ở Việt Nam mới có thể mua được. Thế mới biết người Việt Nam mình, dù sống ở đâu cũng muốn có đủ đầy hương vị quê nhà. Lần nào tới đây, tôi cũng được chiêu đãi những món ăn Việt Nam truyền thống, nào là bún ốc, phở bò và các loại chè thập cẩm khác nhau, ăn cho no nê rồi mới quay trở lại trung tâm thành phố.

Ở Berlin, ngoài việc tới Đồng Xuân để thưởng thức những món ăn Việt Nam, bạn cũng nên tranh thủ nếm thử những món đặc sản khác cũng không kém tuyệt vời, như xúc xích cà ri (Currywurst), salad khoai tây, giò heo ăn kèm bắp cải muối, bánh rán Berlin (Berliner). Tôi nhớ mùa hè năm ngoái trước khi lên Berlin. Thủy có nhắn tin cho tôi bảo sẽ dẫn tôi đi ăn món Döner Kebab ngon nhất Berlin khiến tôi háo hức vô cùng. Thật ra các cửa hàng bán Döner Kebab ở Berlin thì hầu như ở trên con đường nào cũng có nhưng không phải cửa hàng nào cũng ngon. Từ Alexander Platz, chúng tôi phải đổi tàu điện tới hơn ba lần mới tới được cái lều bán Döner của hai anh chàng người Thổ Nhĩ Kỳ. Trước chúng tôi đã có chừng hơn 20 người đang xếp hàng ở đó dù lúc đó mới chỉ hơn mười một rưỡi trưa và bữa ăn chính của người dân Berlin chưa bắt đầu. Thật không uống công xếp hàng chờ đợi, đúng như những gì Thủy nói, tôi đã được thưởng thức món Döner Kebab ngon nhất trong đời ở Berlin.

Viết về Berlin chẳng biết đến khi nào cho đủ, bởi mỗi lần trở lại Berlin, tôi luôn khám phá ra được rất nhiều điều mới lạ. Từ khi nào tôi đã thấy yêu tha thiết thành phố này. Rất lâu rồi, tôi nhớ có một lần mình ngồi khóc giữa quảng trường Alexander Platz chỉ vì một lý do hết sức ngớ ngẩn, đó là nhìn thấy một gia đình người Việt đi chơi cùng nhau, tiếng cháu gọi ông bà, tiếng người con gọi mẹ, tôi bỗng thấy nhớ gia đình của mình biết bao nhiêu và thèm được trở về những ngày tháng xưa trong vòng tay yêu thương của cha mẹ. Nhưng tôi biết, thời gian không trở lại bao giờ. Nước mắt tôi đã chảy rơi cho những điều gọi là số phận. Và như thấu hiểu được nỗi niềm chất chứa đó ở trong tôi, Tú đã mời tôi về nhà mình ở ngoại ô Berlin để ăn một bữa tối cùng bạn và gia đình, cho tôi được sống những giờ phút ấm cúng trong không khí gia đình.

Căn nhà của bố mẹ Tú nằm ở ngoại ô Berlin, không khí rất trong lành và xung quanh là thiên nhiên bao bọc. Dọc theo trục đường chính, Tú dẫn tôi về phía một quả đồi trong một chiều nhạt nắng, cùng nhau hái mận, hái hoa và tận hưởng những khoảnh khắc bình yên mà tôi biết không phải lúc nào mình cũng có được.

Kỉ niệm về Berlin luôn song hành cùng tôi suốt những năm tháng tuổi trẻ. Tôi vẫn thường nói với bạn bè tôi rằng đó là thành phố tôi thấy mình có duyên nhiều nhất. Nhất định tôi sẽ còn trở lại nhiều và nhiều lần nữa vì chẳng có lý do gì để mà không trở lại, bởi khi đã có duyên rồi thì “đi xa mấy cũng có ngày tìm lại với nhau”. Và quan trọng hơn cả, ở Berlin, tôi cũng đã tìm thấy mùa thu của mình.

10. Chương 9

Dresden – Giữa sắc trời thiên nhiên

SỐNG Ở ĐỨC GẦN MUỖI năm cũng lang thang hết gần nửa châu Âu nhưng tôi lại chưa khám phá hết vẻ đẹp của Đức. Sau khi kết thúc kì thi tốt nghiệp, tôi tự thưởng cho mình một chuyến đi dài tới miền Đông trước khi tiếp tục theo một ngành học mới. Đây là cơ hội để cho tôi được hiểu rõ hơn về quê hương thứ hai của mình. Dù cùng nằm trong mảnh đất của nước Đức nhưng cuộc sống, con người, phong cảnh ở Dresden cũng khá khác biệt và lần này tôi muốn được chứng kiến và cảm nhận sự khác biệt đó bằng chính đôi mắt và trái tim mình.

Biết đến Dresden từ lâu qua báo chí và các phương tiện truyền thông, nhưng suốt những năm tháng sống và học tập ở Đức, tôi chưa một lần được đặt chân tới đó. Dresden trong kí ức của tôi chỉ là hình ảnh Nhà thờ Đức Bà nguy nga, lộng lẫy, bên dòng sông Elbe hiền hòa. Và những hiểu biết của tôi về thủ phủ của tiểu bang Sachsen này chỉ dừng lại ở đó. Có lẽ tôi cũng sẽ chẳng biết được nhiều hơn nếu không tự bắt mình thực hiện cuộc hành trình tới miền đất phương Đông này.

Sau những ngày rong ruổi ở Berlin, tôi mua vé tàu đi thẳng tới Dresden. Hương – một người bạn hiện đang sống và học tập ở Dresden đón tôi ở ga rồi sau đó hai đứa lang thang trong thành phố. Thật là tuyệt khi có một hướng dẫn viên nhiệt tình và tốt bụng như Hương đi cùng, mặc dù trước đó chúng tôi chưa biết nhiều về nhau. Vừa đi Hương vừa bảo: “Các danh lam thắng cảnh ở Dresden gần nhau lắm, nằm ngay trung tâm nên chỉ cần đi hai tiếng là có thể xem được hết”. Thời tiết tháng Bảy rất đẹp, nắng trải dài trên những con đường dành cho người đi bộ, gió từ sông thổi vào khiến tôi có cảm tình ngay với nơi đây, hay tại số tôi may mắn, đi đâu cũng có nắng đi cùng.

Dresden được mệnh danh là thành Florence nằm trong thung lũng sông Elbe – một trong những dòng sông lớn đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế Đức và các nước Trung Âu với chiều dài hơn 1000km – bao gồm nhiều kiến trúc rất độc đáo mang đậm phong cách Baroque. Erich Kästner – một nhà văn nổi tiếng của Đức sinh ra ở Dresden – đã nói rằng ông cảm tạ cuộc đời đã cho ông được lớn lên ở mảnh đất này, nơi mà không chỉ vừa xấu mà lại vừa đẹp nữa. Có lẽ thật mâu thuẫn nhưng quả thực, Dresden vừa mang hơi thở của quá khứ, vừa mang dáng dấp của sự hiện đại. Dresden đã trải qua rất nhiều giai đoạn thăng trầm trong lịch sử: Năm 1206, cái tên Dresden chính thức được đề cập đến, sau đó nơi này trở thành nơi thường trú của dòng dõi quý tộc Wettiner. Vào năm 1945, sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, thành phố này đã bị tàn phá nặng nề bởi bom đạn của Mỹ và Anh, mãi sau này khi nước Đức thống nhất thì Dresden mới bắt đầu được tu sửa lại hoàn toàn. Nhà viết kịch Gerhart Hauptmann đã có lần nói rằng “Nếu như bạn đã quên cách nhỏ lệ, thì sự phá hủy Dresden sẽ khiến bạn nhớ lại cách khóc như thế nào”. Quả thật, những năm học chuyên Sử ở Đức, xem những bộ phim tài liệu về Dresden, tôi không khỏi ngậm ngùi, xót xa. Thứ mà ngày hôm nay, những vết thương trong quá khứ mà Dresden xưa kia phải hứng chịu cũng đã dần dần lành lặn theo thời gian, và không phải ngẫu nhiên mà vùng đất này trở thành một trong những thành phố đẹp nhất châu Âu. Theo thống kê của Ủy ban thành phố thì hàng năm Dresden đón khoảng gần chín triệu khách du lịch và trung bình, mỗi khách du lịch ở lại nơi này khoảng hai ngày.

©STENT: .luv-ebook.com

Sau khi đi qua nhiều con đường và góc phố Dresden, Hương dẫn tôi tới Zwinger – một trong những địa điểm nổi tiếng không thể bỏ qua khi đã đặt chân tới đây. Zwinger là công trình hoành tráng nhất của Dresden – là sự kết hợp hoàn hảo giữa kiến trúc và nghệ thuật. Mới thoạt nhìn, cấu trúc của Zwinger có phần giống với đấu trường La Mã, chính giữa là một khu vườn với những đám cỏ được cắt tỉa tỉ mỉ rất xinh xắn. Trước đây, Zwinger được thiết kế là một vườn trồng cam và sân trước của một lâu đài mới, nhưng sau năm 1709, khi đức vua của vùng Saxony là Friedrich August I qua đời thì triều đình cũng buộc phải tạm dừng kế hoạch ấy. Ngày nay, Zwinger vừa được sử dụng làm một khu liên hợp bảo tàng, vừa để tổ chức các cuộc triển lãm đương đại, đồng thời cũng là một sân chơi ngoài trời với các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Đặc biệt, Zwinger bây giờ được du khách biết đến dưới dạng viện bảo tàng đồ gốm sứ nổi tiếng nhất thế giới, và cùng với thời gian, công trình này đã trở thành một trong nhiều biểu tượng quốc gia vô cùng giá trị của Đức. Chúng tôi đi dạo quanh khu vườn, ngắm nhìn dòng người qua lại, tận hưởng sự bình yên của Dresden và liên tưởng tới khung cảnh thời xa xưa rồi bước lên cầu thang lên phía tầng trên. Cầu thang này không nằm ở phía trong Zwinger như nhiều người nhầm tưởng mà nó nằm ở phía ngoài bên cạnh lề đường, sau một hồi tìm kiếm

cúi xuống chúng tôi cũng tìm thấy đường để đi lên. Dựa mình vào bức tường cũ, nhắm mắt lại nghe tiếng nước chảy từ các vòi phun nước, tôi ước rằng thời gian hãy ngừng trôi, để tôi được tận hưởng những phút giây nhẹ nhàng trong khoảnh khắc mùa hè ở nơi ngày xưa từng một thời là chốn ăn chơi của Dresden này.

Từ Zwinger, chúng tôi đi về hướng Brühlschen Terrasse (còn có tên gọi khác là Ban công của châu Âu) nằm bên dòng sông Elbe, nơi đây hội tụ rất nhiều khách du lịch vì nó nằm ở trung tâm khu phố cổ, kéo dài 500m dọc dòng sông Elbe giữa cầu Augustus và cầu Carola. Tôi đứng ở nơi này và dõi mắt về nơi xa, dòng sông Elbe hiền hòa hiện ra trước mắt, nắng chiều óng ả rơi trên những lối đi. Nằm phía sau “ban công này” là chiếc cầu thang dẫn xuống một ngõ nhỏ, chỉ là một ngõ rất ngắn nhưng lại tập trung rất nhiều quán ăn. Đi qua ngõ này là tới Nhà thờ Đức Bà – niềm tự hào của nước Đức nói chung và người dân Dresden nói riêng – được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ XVIII theo phong cách kiến trúc Baroque, nhưng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, bom đạn của Mỹ và Anh dội vào đã hủy hoại gần như là tất cả. Vì nhà thờ này vừa được coi là công trình thế kỷ, lại vừa là nhà thờ Tin Lành rất lớn của Đức nên sự tổn thất này đã khiến cho người dân Dresden rất hoang mang, họ luôn mong mỏi sẽ khôi phục lại nó. Ước nguyện này cuối cùng đã trở thành hiện thực sau ngày nước Đức thống nhất, nhờ lòng hảo tâm của rất nhiều người, đến năm 1993, nhà thờ bắt đầu được trùng tu và cho tới tận năm 2005 mới hoàn thành xong, đánh dấu sự lùi xa của cuộc chiến tranh tàn khốc, đồng thời cũng là chiếc cầu nối cho các dân tộc xích lại gần nhau hơn.

Chúng tôi lặng lẽ bước vào bên trong nhà thờ, sự yên lặng như bao trùm lấy cả không gian này. Kiến trúc trong nhà thờ vô cùng lộng lẫy và rất trang nghiêm. Đã từng ghé thăm rất nhiều nhà thờ nổi tiếng ở châu Âu nhưng tôi vẫn không khỏi ngỡ ngàng trước hàng ngàn đường nét hoa văn và những hình vẽ ở trên tường vòm nhà thờ, bao gồm tám bức vẽ của bốn tín đồ của Chúa Jesus có nhiệm vụ truyền giảng Tin Lành là Lukas, Matthäus, Markus và Johannes, cũng như hình tượng bốn đức hạnh trong Thiên Chúa giáo là đức tin, hi vọng, lòng bác ái và nhân từ. Chúng tuyệt đẹp, đến nỗi tôi không thể viết được thành lời, chỉ biết lặng lẽ ngồi xuống chiếc ghế phía sau cùng và thả lòng mình trong những giây phút bình yên ngẩn ngứ đó.

Nhà thờ Đức Bà ở Dresden

Bước ra khỏi nhà thờ, chúng tôi đi dọc qua cây cầu bắc ngang dòng sông Elbe để đi về khu phố mới. Khu phố này nằm ở bên phải dòng sông và được sát nhập vào trung tâm thành phố từ những năm 1403. Ngày nay, nơi đây tập trung rất nhiều nhà hàng, khách sạn và cũng là một điểm mua sắm có tiếng ở Dresden. Chúng tôi rẽ vào Kunsthof (vườn nghệ thuật) – một địa điểm mà không phải khách du lịch nào cũng biết vì nó nằm ẩn mình trong khu phố mới. Sân nghệ thuật này ban đầu chỉ là một ý tưởng nhằm phục hồi lại tòa nhà đó, nhưng cuối cùng nó lại được thiết kế vô cùng nghệ thuật, với nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm nhỏ nhỏ trông rất lạ và bắt mắt.

Sáng hôm sau, tôi dành thời gian leo núi ở vùng Sächsische Schweiz – một dãy núi đã nằm bên dòng Elbe cách trung tâm Dresden chừng 40km và từ lâu đã trở thành công viên Quốc gia của Đức với diện tích hơn 90km². Sächsische Schweiz được gọi là “Thụy Sĩ của Saxony” là do hai người Thụy Sĩ tới sống và làm việc ở Dresden, từ thế kỷ thứ XVIII đã dành thời gian đi leo núi để đỡ nhớ nhà, và từ đó tên gọi này cứ thế được lan truyền rồi tồn tại đến tận ngày nay. Nếu tới đây vào mùa thu, bạn sẽ thấy phong cảnh đẹp hơn rất nhiều vì lúc đó những chiếc lá xanh đang chuyển màu, khiến cả Saxony đẹp rực rỡ hơn bao giờ hết. Tôi tới đây vào những ngày cuối tháng Bảy, lá vẫn còn xanh rợp trên những lối đi và thời tiết cũng khá mát mẻ. Các biển chỉ dẫn sẽ giúp bạn lựa chọn con đường và chiều dài mình muốn đi, rồi vừa leo núi vừa ngắm cảnh. Hãy dành thời gian ngắm nhìn từng lớp đá lớn mang màu sắc nâu trắng rất lạ do đã bị xói mòn bởi thời gian, đan xen những khe núi chật hẹp mà có lẽ chỉ một đứa bé mới có thể chui lọt. Từ trên cây cầu đá Bastei trứ danh nhìn xuống, bạn sẽ chứng kiến hình ảnh những người leo núi hăng hái (đây là môn thể thao khá được ưa chuộng ở Saxony), hay nhìn xuống dòng sông Elbe hùng dũng uốn lượn. Tôi leo núi một mình, tận hưởng sự bình yên của thiên nhiên kì vĩ và chợt nhớ tới câu nói của người bạn cũ rằng: “Cuộc sống đôi khi rất thú vị với những phút riêng tư.” Nói là leo núi một mình nhưng thật ra tôi có một mình đâu, bởi xung quanh tôi là bao nhiêu tiếng cười rộn rã, thậm chí có những gia đình còn cho cả con nhỏ chỉ chừng 4-5 tuổi đi leo núi cùng. Khoảnh khắc được sống giữa thiên nhiên ấy khiến tôi đột nhiên nghĩ rằng sau này khi cuộc sống ổn định, tôi muốn về đây sống để tận hưởng bốn mùa của Sächsische Schweiz. Ở đây, con người thực sự được thư giãn, bỏ lại phía sau gánh nặng cuộc đời, chỉ có lá, có hoa, có những dãy núi trùng trùng điệp điệp và có tiếng cười lắng đọng mãi trên môi.

Viện bảo tàng xe BMW

11. Chương 10

Munich vậy gọi

ĐÁP CHUYỂN TÀU từ Augsburg, tôi trở lại thủ phủ của miền đất phương Nam vào những ngày đầu tháng Tám. Munich vẫn vẹn nguyên như thuở nào nhưng hình như có phần ẩm áp hơn so với những ngày tháng Ba lạnh giá của mùa đông năm trước. Chị Bình đón tôi ở ga và lái xe đưa tôi về nhà nghỉ ngơi và ăn uống. Chị bận với công việc ở nhà hàng nên tôi tự cầm bản đồ, nhảy tàu điện ngầm và khám phá thành phố một mình. Khi tôi nhắn tin cho Hiếu rằng tôi đang lang thang một mình ở Munich, anh chàng nhắn lại và bảo thật tội nghiệp cho tôi. Còn tôi thì mỉm cười và giờ đây tôi đang muốn chiêm nghiệm điều đó bằng cảm nhận của riêng mình.

Munich không phải là thủ đô của nước Đức nhưng đây lại là một trong những thành phố thu hút nhiều khách du lịch nhất nước Đức, Munich được biết đến không chỉ là thủ phủ của bang Bayern mà còn là quê hương của đội bóng lừng danh Bayern Munich.

Địa điểm đầu tiên tôi đặt chân tới là Quảng trường Đức Mẹ Marienplatz – nằm ở trung tâm thành phố và được xem là trái tim của thành phố. Đây có lẽ là quảng trường đẹp nhất trong số những quảng trường ở châu Âu tôi từng được ghé thăm. Nơi đây hầu như luôn tấp nập khách du lịch từ khắp nơi đổ về. Xung quanh quảng trường là các nhà thờ, mà nổi tiếng nhất là Nhà thờ Đức Bà (Frauenkirche). Ngoài ra, đây cũng là nơi tụ tập của các họa sĩ đường phố, những nhóm nhạc hát rong với những trò đồ chơi, ảo thuật thu hút sự dừng chân của rất nhiều người khiến khung cảnh thành phố càng trở nên nhộn nhịp hơn.

Tôi lang thang và đứng ngắm nhìn dòng người qua lại mà không thấy mình cô đơn dù những ngày trước đó, tâm trạng tôi không được tốt lắm. Địa điểm tiếp theo mà tôi hướng tới là khu chợ Viktualienmarkt. Đây là khu chợ nổi tiếng ở Munich, có thể so sánh với Naschmarkt ở Vienna, chỉ khác ở chỗ Naschmarkt đa dạng và phong phú hơn, còn Viktualienmarkt nhỏ hơn và chỉ tập trung bán những thực phẩm của vùng Bayern. So với siêu thị thì giá cả ở đây có cao hơn chút xíu nhưng các mặt hàng rất tươi. Và lại, mua đồ ở ngoài trời cũng thú vị hơn nhiều so với ở trong siêu thị, nhất là lại ở một chợ nằm giữa trung tâm thành phố.

Từ đây, tôi đi thẳng tới Hofbräunhaus. Mặc dù không biết uống bia, cũng không tới đây đứng vào lễ hội bia thường được tổ chức vào tháng Mười hàng năm nhưng tôi nhất định phải tới nơi này, bởi tôi muốn chiêm ngưỡng khung cảnh của một nhà hàng bia thuộc loại nổi tiếng nhất thế giới. Chưa vào tới nơi, tôi đã nghe tiếng cười rộn rã phía bên trong mà có lẽ phần lớn là khách du lịch. Chị bạn tôi kể rằng nếu tới đây vào tháng Mười thì còn tuyệt vời hơn nhiều vì đó là tháng ăn chơi, tụ tập, hội hè ở Munich. Ở Đức thì bang Bayern là nơi sản xuất nhiều bia nhất, có lẽ vì thế nên bia có mặt ở khắp nơi. Trong các cửa hàng bán quà lưu niệm, hình cốc bia luôn là một biểu tượng độc đáo. Các “vườn bia” cũng có mặt ở khắp nơi trong thành phố. Có lẽ, thú vui tao nhã của người dân Bayern là mỗi ngày phải được thưởng thức một cốc bia thật ngon. Thời tiết tháng Tám ở Munich rất đẹp nên các vườn bia cũng nhộn nhịp tiếng chúc tụng của người bản xứ và khách du lịch. Có lẽ không mấy ai đại đột như tôi, tới Munich rồi mà không thử uống bia vùng này. Nhưng tôi tới Munich đâu có phải vì sự vậy gọi của những ly bia đâu, mà lý do của tôi sâu xa hơn cơ. Tôi muốn được “chạm trán” những anh chàng đẹp trai của Bayern Munich trên một ngõ phố. Thật buồn cười phải không? Nhưng tôi đang nói rất thật đấy. Nhiều khi người ta đặt chân tới một thành phố không hẳn vì phong cảnh hùng vĩ hay những món ăn mà đôi khi chỉ vì một lý do vô cùng ngớ ngẩn nào đó như tôi chẳng hạn. Đã bao giờ bạn làm như thế chưa?

Quảng trường Marienplatz với tòa thị chính ở Munich

Ở Munich còn có một đại lộ rất rộng và dài tên là Ludwigstrasse, phía đầu con đường này là một Khải hoàn môn có nét giống với Khải hoàn môn ở thủ đô Berlin, có điều nhỏ hơn một chút. Từ đây, tôi tiếp tục đi bộ và cách đó không xa là khu vườn Anh (English Garden). Đây là khu vườn lớn thứ hai ở châu Âu và cũng là một trong những khu vườn lớn nhất thế giới. Tôi đi bộ vào khu vườn này khi ánh nắng chiều bắt đầu núp xuống đằng sau những rặng cây cổ thụ. Buổi chiều, ở đây là nơi tập thể thao của người Munich, trên các bãi cỏ rộng người ta chơi bóng đá, trên những con đường dài thì người cưỡi ngựa và người chạy bộ nhiều vô kể. Ở bên tháp Trung Quốc, mọi người chơi nhạc và uống bia, những người lãng mạn hơn thì ngồi ven hồ ngắm cảnh. Tôi chọn một chiếc ghế băng màu xanh còn trống và thả mình vào khoảng lặng của khu vườn. Tôi không biết cảm giác của mình lúc đó là buồn hay vui sau những ngày không bình yên đã qua nhưng trong

giây phút ấy, tôi thấy được là chính mình. Tôi ru mình trong khoảng lặng đó, chẳng thấy xót xa, chẳng thấy bồi hồi. Hơn 9h tối, trời mùa hạ vẫn còn sáng, tôi lên tàu điện ngầm về và mang trong mình một cảm giác bồi hồi khó tả.

Sáng hôm sau, địa điểm đầu tiên tôi có ý định đến là Bảo tàng BMW và Công viên Olympiapark – hai địa điểm đã hấp dẫn tôi từ lâu. Chẳng biết tại sao tôi hăm hiu hay vì tính tôi không cẩn thận mà khi vừa vào bảo tàng này được 15 phút, tôi đã mất luôn ví xách tay, trong đó có toàn bộ thẻ bảo hiểm, thẻ ngân hàng, bằng lái xe hơi, hộ chiếu, tiền mặt, máy ảnh, điện thoại và đủ thứ giấy tờ linh tinh khác. Tôi thông báo ngay với nhân viên trong viện bảo tàng, khi họ hỏi tôi cố nhớ lại xem là đã để chỗ nào, tôi cũng không tài nào nhớ nổi, vẫn cái giọng thật thà: “Em đeo trên lưng, chắc nó rớt xuống lúc nào mà em không biết vì lúc đó mãi ngắm xe”. Tôi đã tự nhủ nếu mất vì thi mai khởi bay về luôn vì trong đó có hộ chiếu, nhưng ơn trời, hơn 30 phút sau người ta thông báo cho tôi rằng có người nhặt được và trả lại, tôi kiểm tra và thấy không thiếu một thứ gì.

Tòa nhà trụ sở BMW từ lâu đã trở thành biểu tượng của Munich với kiểu kiến trúc rất độc đáo. Với hình dạng chiếc bát, không gian của viện bảo tàng dường như được mở rộng đến bất tận. Tôi lang thang và ngắm các nàng BMW xinh đẹp – giấc mơ của cuộc đời tôi. Khách du lịch quốc tế tới đây rất nhiều, ở nơi trưng bày những chiếc xe BMW mới thì khách du lịch còn được phép ngồi vào bên trong và tha hồ chụp ảnh thỏa thích. Khi bước ra ngoài rồi tôi mới chợt để ý ở Munich, BMW được sử dụng rất nhiều, nhiều hơn tất cả những thành phố khác trên thế giới.

Từ nơi này, khi đứng trên cầu, người ta đã có thể nhìn thấy sân vận động Olympic Munich nằm trong khuôn viên của Công viên Olympia (còn được gọi là Công viên Olympics). Công viên này được hoàn thành vào năm 1972 khi Munich đăng cai Thế vận hội Mùa hè. Từ đó đến nay, công viên vẫn được sử dụng vào rất nhiều mục đích khác nhau. Khi tôi tới đây, công viên này đang trong thời gian nâng cấp để chuẩn bị cho Thế vận hội năm 2018.

Khi tới Munich, nhiều người bảo tôi rằng nếu tới khu vườn Anh rồi thì không cần phải vào công viên này. Nhưng rõ ràng khi đã từng đặt chân tới cả hai nơi, người ta mới nhận ra sự khác biệt rõ ràng. Có thể, khu vườn Anh rộng hơn nhưng tôi thì lại thích phong cảnh độc đáo ở Công viên Olympics hơn. Bởi vì trong này không chỉ có sân vận động mà còn có Tháp Olympics, nơi mà từ đây, người ta có thể ngắm toàn bộ thành phố với cả núi và hồ. Một màu xanh ngút ngàn, thơ mộng khác hẳn với khu vườn Anh – một vẻ đẹp mà sau này vẫn còn in đậm mãi trong kí ức của tôi.

Thưởng thức bia ngoài trời trên đường phố Munich

Nói đến Munich, cũng phải nói đến các cung điện và lâu đài mà nổi bật nhất có lẽ là Lâu đài Nymphenburg. Lâu đài này là món quà lãnh chúa Ferdinand Maria von Savoyen tặng vợ ông là Adelheid von Savoyen nhân dịp bà sinh cho ông Hoàng tử Max Emanuel vào năm 1664. Lâu đài này là sự kết hợp hài hòa độc nhất vô nhị giữa công trình kiến trúc và công viên lâu đài với hồ nước, những cây cầu bé nhỏ xinh xinh và rất nhiều cây cối. Vào mùa đông, nếu khách du lịch tới đây thì chỉ thường đi dạo trên tuyết vì nước trên các mặt hồ đều đóng băng. Vào mùa hè, đây lại là nơi lý tưởng để thả mình vào một không gian rất đẹp. Cung điện này làm tôi nhớ đến những ngày lang thang ở Vienna khi ghé vào Cung điện Schönbrunn. Tất nhiên, mỗi nơi có một vẻ đẹp khác nhau và kiến trúc cũng khác nhau, nhưng tới nơi nào tôi cũng không khỏi trầm trồ: “Đẹp quá”

Những ngày ở Munich đã để lại trong tôi những kí ức và hình ảnh đẹp dù phần lớn thời gian ở đây tôi chỉ lang thang một mình cùng chiếc bản đồ. Tôi rời Munich vào một ngày mưa tầm tã, cho tới khi đến sân bay rồi mà những cơn mưa phương Nam vẫn còn chưa dứt. Nhưng tôi vẫn yêu Munich, không phải bởi vì thành phố này giàu có mà tôi yêu vẻ đẹp của miền đất phương Nam, yêu những người bạn thân thiện ở nơi đây. Đặc biệt tôi không quên chị Thu Bình – người đã chăm sóc tôi rất cẩn thận trong những ngày ở đây chỉ để “mong em tăng thêm vài kí nữa cho chị vui”.

12. Chương 11

Hamburg và những yêu thương chưa viết hết

LÂU RỒI TRONG CUỐN Nhật kí viết về Hamburg, tôi nhớ mình từng viết: “Tôi nhớ ngày đầu tiên tới nơi này, thành phố vừa xa, vừa lạ dù trước đó tôi cũng đã đôi ba lần ‘vội vã trở về, vội vã ra đi’. Không có điều gì ở Hamburg để níu giữ bước chân tôi ở lại hay nói đúng hơn, Hamburg gắn liền với tôi bằng một kỉ niệm buồn mà mỗi lần đi ngang qua lối cũ ở sân ga, tôi vẫn không tránh khỏi cảm thấy đau nhói trong lòng. Vậy mà giờ đây, không hiểu sao trái tim tôi lại bình yên đến thế!” Những năm tháng sống và học tập ở đây, tôi đã thêm yêu thành phố này nhiều hơn. Tôi yêu những con đường dẫn ra bến cảng, yêu những buổi chiều ngồi vắt vẻo bên hồ vui đùa cùng những nàng thiên nga trắng, để rồi tự hỏi không biết trên thế gian này có mấy người hạnh phúc như mình và liệu có ai trong số họ nghĩ rằng họ đang rất giàu bởi những điều họ đang có hay không?

Tôi nhớ trước ngày rời Hamburg, tôi có nói với một người bạn của mình rằng: “Đôi khi cứ nghĩ nếu viết về Hamburg thì cảm xúc chắc cứ phải tuôn trào ra như nước mắt lúc chia tay, nhưng bây giờ tự nhiên tớ lại chẳng thể viết được điều gì cả, dù Hamburg đã trở thành một phần máu thịt trong những năm tháng tuổi trẻ của tớ. Hình như ai đến và đã từng có một khoảng thời gian dù ngắn hay dài sống ở thành phố này, đều không khỏi chạnh lòng khi quay gót bước đi...” Và tôi, cũng không là ngoại lệ.

Hamburg trong tôi là những ngày lang thang ở Blankenese và ngắm những ngôi nhà tuyệt đẹp ở trên cao, xa xa là những cánh buồm bay bay trong gió. Nắng nhảy nhót trên dòng sông Elbe và tôi nghe thấy tiếng tôi cười trên triền đê khi đi lạc ở Cranz và nhờ đi lạc đường mà lại may mắn nhìn thấy những chú cừu xinh xinh đang chơi đùa trên bờ cỏ. Hạnh phúc nhiều khi đơn giản chỉ có vậy thôi.

Đi hái dâu ở Hamburg

Hamburg trong tôi là những khoảng trời xanh với những khu vườn nổi tiếng như Botanische hay những công viên với những vẻ đẹp đa sắc màu như Pflanzen und Blumen. Tôi nhớ những buổi chiều ngồi rung đùi đánh cờ vua với các chiến hữu trên thảm cỏ xanh, vừa chơi vừa thưởng thức sô-cô-la, trái cây đủ các thể loại, là những ngày hè khi hoa bắt đầu nở, chạy vào đó hít hà mùi hương của hoa hồng và cảm nhận sự bình yên của cuộc sống.

Hamburg trong tôi là những ngày trốn mình ở Landungsbrücken khi thấy lòng không bình yên. Là những đêm Pflanzen und Blumen xem nhạc nước và lắng nghe những giai điệu ngọt ngào của cuộc sống. Là những lần đi Dom với những khoảnh khắc yêu thương bất tận khi nhìn pháo hoa rực sáng giữa trời đêm, là phút giây tôi thấy trái tim mình chết lặng khi nhìn thấy người đàn ông có đôi mắt giống hệt “người xưa”, là đôi ba lần nước mắt tôi lăn dài trên má khi nhìn những cụ già ngồi trên tàu điện ngầm với đôi mắt hoang mang, búa chặt bàn tay tôi rồi thẫn thờ quay sang hỏi: “Nơi này là đâu?”

Hamburg trong tôi là những ngày cà phê cùng bạn bè, là những bữa tối cùng nhau “góp gạo thổi cơm”, là những ngày “ăn bóng đá, ngủ bóng đá” và thao thức suốt cả mùa Euro để gào thét ở Heiligengeistfeld hay khóa cửa phòng khóc dầm dướt suốt cả đêm khi cỗ xe tăng Đức bị loại khỏi trận đấu với Ý, là những ngày nắng gió lang thang ra sân vận động cả hai ngày trời để xem bốn trận bóng đá và rồi hét lên vì sung sướng khi được nhìn thấy những đứa con cưng của Đức như Lahm, Müller, Neuer, Gomez tung hoành trên sân cỏ.

Hamburg trong tôi là những sáng ban mai lang thang cùng bạn bè ở chợ cá (Fischmarkt) lúc 5h sáng. Toàn bộ thành phố chìm trong ánh đèn, những con thuyền thường ngày chở khách đi dạo quanh cảng bây giờ cũng lặng lẽ nằm yên. Trong lúc người bạn đi cùng loay hoay chụp hình để ghi lại những “khoảnh khắc đẹp” đó vào trong những bức ảnh thì tôi bước lang thang và hít thở mùi hương của đất trời, thấy lòng nhẹ tênh, những nỗi buồn không tên cũng tự nhiên biến mất. Dòng sông Elbe đã ru tôi bằng những khúc nhạc dịu êm, tự nhiên tôi nhớ tới bài hát Ru tình của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn rồi ngêu ngao hát “Ru em tình như lá, trăm năm vẫn quay về”. Vẫn chẳng biết sẽ “quay về đâu” trong đoạn đường còn lại phía trước, nhưng sẽ phải đi, phải sống, phải tiếp tục yêu thương và cố gắng. Vì mỗi ngày đều là một ngày mới...

Hamburg trong tôi là kí ức yêu thương về một người, về một tình yêu không quá khó để bắt đầu nên cũng dễ dàng kết thúc. Chúng tôi đã đến, đã ở lại và cuối cùng là bước qua nhau. Nhẹ nhàng và sâu lắng. Để rồi sau này khi đã rời xa Hamburg, trong một lá thư viết dành cho Hamburg tôi đã viết: “Dù thế nào thì em vẫn muốn nói lời cảm ơn Hamburg, cảm ơn vì đã cho em một khoảng thời gian để thương và để nhớ, cho dù một ngày nào đó em vẫn phải rời bỏ Hamburg mà đi nhưng tất cả những gì em đã có và đang có lúc này, mãi mãi là những dấu ấn cuộc đời mà năm tháng thời gian có thể xóa mờ nhưng vĩnh viễn chẳng bao giờ tan biến trong trái tim.”

Cảng Hamburg

Hamburg trong tôi là còn nhiều lắm những nơi mà tôi chưa kịp kể, những kí ức mà tôi không thể nào viết hết ra được. Nếu có dịp tới Hamburg, tôi sẽ dẫn bạn lang thang hồ Alster – trái tim của thành phố, tôi sẽ đưa bạn tới Hafen City – một trong những dự án phát triển đô thị lớn nhất châu Âu. Với diện tích khoảng hơn 7000 héc-ta. Cảng Hamburg rộng gấp 10.000 lần sân vận động bóng đá và cũng là trụ cột kinh tế của thành phố. Tôi cũng sẽ không quên dẫn bạn đi dạo ở Speicherstadt với những khu nhà kho cũ nổi tiếng được xây dựng từ cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX (trước đây nơi này đã từng là kho lưu trữ các loại gia vị, trà, cà phê, ca cao và đặc biệt là thảm). Trên một nóc nhà kho cũ ở Speicherstadt này, công trình Elbphilharmonie đã được xây dựng nên. Nhân tiện tôi sẽ nói thêm một chút về tòa nhà gây nhiều tranh cãi này. Elbphilharmonie được bắt đầu xây dựng từ năm 2007 với ước tính ban đầu là 77 triệu euro, dự kiến sẽ đi vào hoạt động năm 2010 nhưng do nhiều mâu thuẫn xảy ra trong quá trình xây dựng giữa thành phố Hamburg và công ty xây dựng Hochtief mà tòa nhà này đã bị dừng suốt tám tháng liên tục và tổng dự toán xây dựng ước tính cho đến thời điểm hiện tại đã lên tới gần 500 triệu euro. Sau những thỏa thuận mới nhất diễn ra vào tháng Bảy năm 2012 thì Elbphilharmonie đang bắt đầu gấp rút để hoàn thành vào năm 2015 và trong rất nhiều cuốn sách viết về Hamburg, người ta bắt đầu nói tới Elbphilharmonie là biểu tượng của Hamburg trong tương lai gần. Trong thời gian thực tập cho một công ty du lịch ở Hamburg, tôi đã may mắn được vào bên trong tòa nhà này để chiêm ngưỡng “vẻ đẹp chưa hoàn hảo” của nó, để rồi khi bước ra, bản thân, tự hỏi: “Không biết đến bao giờ mình mới có đủ tiền để mua một căn hộ trong đó?”

Nét duyên dáng và quyến rũ của Hamburg dường như sẽ không bao giờ kể hết được và chắc chắn sẽ còn rất nhiều nơi ở Hamburg mà tôi không thể nhắc tới hết được trong bài viết này của mình. Có rất nhiều điều thú vị và bất ngờ về Hamburg mà có lẽ không phải ai cũng biết. Bạn có biết thành phố này là thành phố cảng lớn thứ hai của châu Âu và thứ tám của thế giới? Bạn có biết trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, Hamburg đã gần như bị phá hủy hoàn toàn và toàn bộ thành phố gần như bị chìm trong trận đại hồng thủy năm 1962 và bạn có biết Hamburg là thành phố có nhiều cây cầu nhất thế giới? Vượt qua cả Amsterdam và Venice?! Và nếu bạn tới Hamburg, ngoài những địa danh tôi nhắc đến ở trên, tôi sẽ nhắc bạn dành thời gian ghé thăm một thế giới kì diệu thu nhỏ có tên là Mininatur Wonderland. Đây cũng là một khu triển lãm trưng bày những mô hình thu nhỏ cực kì sống động – một trong những điểm đến không thể bỏ qua khi tới Hamburg. Nếu bạn yêu thích kĩ thuật, tôi sẽ bảo bạn tới thăm nhà máy sản xuất máy bay Airbus, nơi lắp đặt nội thất cabin cho các mẫu máy bay như A300 và cả A380. Bạn sẽ được chứng kiến những hình ảnh vô cùng thú vị về quy trình ra đời của một chiếc máy bay. Ngoài ra tôi cũng sẽ không quên nhắc bạn trèo lên 452 bậc thang của nhà thờ St. Michel để ngắm trọn vẹn khung cảnh thành phố, những không gian xanh và những cây cầu dài, ngắn bắc qua sông. Và còn nhiều, rất nhiều những điều khác nữa...

Tôi tới Hamburg vào những ngày cuối tháng Ba, đi dạo với một người bạn đã sống suốt tám mùa hoa nở ở Hamburg trong một buổi chiều mà thời tiết vừa có mưa, vừa có nắng, vừa có tuyết rơi và rời thành phố vào một ngày cuối tháng Chín vàng ngọt nắng yêu thương. Trên chuyến tàu về lại miền quê yêu dấu, có một người đã nắm bàn tay tôi rất chặt và trong khoảnh khắc đó tôi biết, thứ tình cảm chúng tôi đã trao, đã dành cho nhau sẽ mãi chẳng bao giờ có thể đi đến đâu. Nhưng tình yêu tôi dành cho Hamburg thì mỗi ngày lại một nhiều thêm...

Cổng thành Đen ở Trier

13. Chương 12

Trier – Thành phố cổ nhất nước Đức

SAU CHUYẾN ĐI CHƠI Ở Luxembourg cùng Jean Paul và cô em gái Quỳnh Nga, khi trở về chúng tôi dừng lại ở Trier – thành phố cổ nhất nước Đức.

Trier được người La Mã xây dựng từ hơn 2000 năm trước, dưới cái tên Augusta Treverorum. Đến thế kỉ thứ II thì thành phố này được đổi tên thành Treveris và từ đó trở thành thành phố cổ nhất nước Đức, khác hẳn những trại lính cũng do người La Mã lập ra cùng thời.

Trier là thành phố lớn thứ tư của Đức, thuộc bang Rheinland Pfalz. Tại đây có rất nhiều công trình kiến

trúc còn được lưu giữ như Cầu La Mã, Cổng thành Đen (Porta Nigra), Hội trường La Mã, nhà thờ lớn, cơ sở tắm nước nóng thời La Mã (Kaisertherme) và đây cũng là quê hương của vị lãnh tụ tài ba Karl Marx.

Chúng tôi tới Trier đúng vào ngày lễ hội nên cả thành phố từng bừng và nhộn nhịp sắc màu và âm nhạc. Tất cả mọi người đều đổ về trung tâm thành phố, chúng tôi hòa vào dòng người và cùng chung niềm vui với họ. Các cửa hàng ăn lớn nhỏ không chỉ của người dân bản xứ mà còn có cả Đức, Ý, Trung Quốc, Việt Nam, Nhật đều tập nập người ra vào. Các hoạt động văn nghệ diễn ra khắp trung tâm thành phố với các dàn nhạc ngoài trời vui nhộn khiến Trier tươi trẻ hẳn ra.

Trung tâm thành phố

Nằm giữa dòng sông Mosel với những hàng cây trải dài hai bên đường là trung tâm thành phố Trier. Từ Cổng thành Porta Nigra ở phía Bắc, chúng tôi đi qua khu phố dành cho người đi bộ để tới khu chợ chính, nơi cách đó không xa là Nhà thờ Dom sừng sững. Khu phố đi bộ được chia thành hai con đường là Simeonstraße và Fleischstraße, rồi lại gặp nhau ở đường Nagelstraße nên người ta đi dạo quanh trung tâm thành phố theo cung đường vòng tròn. Mỗi con đường chính trong khu phố dành cho người đi bộ đều mang những nét đặc trưng khác nhau. Nếu đi từ con đường Simeonstraße, người ta sẽ tới Hội trường La Mã, còn nếu đi trên con đường Fleischstraße, bạn sẽ được ngắm nhìn rất nhiều siêu thị lớn. Trên đường Nagelstraße tập trung rất nhiều cửa hàng nhỏ, còn muốn tìm đến những quán ăn thì phải kể đến con đường Neustraße – con đường rất gần với tòa nhà châu Âu và ngôi nhà đã sinh ra Karl Marx.

Chúng tôi dừng chân ở Hoàng cung La Mã, còn có tên gọi là Hoàng cung của Vua Constantine, ngày nay là Nhà thờ Phúc Âm của Trier. Hoàng cung này được xây dựng vào đầu thế kỷ thứ 4 (có lẽ là năm 310), ban đầu là nơi đặt ngai vàng của Hoàng đế Constantine và được dùng như một phòng khánh tiết. Đến giữa thế kỷ thứ XIX, đức vua Phổ Friedrich Wilhelm IV đã cho tu sửa lại công trình này thành nhà thờ phái Phúc Âm, đủ chỗ cho 1.700 người ngồi. Đứng ở phía dưới nhìn lên, chúng tôi không thể quan sát hết được toàn bộ khung cảnh của hoàng cung này vì nó quá rộng và cao (số đo bên trong là: dài 67m, rộng 27,5m và cao tới 33m). Sau này về đọc trên báo, tôi thấy người ta viết rằng ở đây có thể chứa tới hai cái cổng thành Porta Nigra. Phía nam cung điện là một khu vườn rộng lớn, được mở rộng thành một công viên chung cho tất cả mọi người từ thế kỷ XX. Chiều buông. Hoàng hôn nhuộm những ánh nắng vàng cuối ngày trên cung điện màu hồng trông thật lộng lẫy, phía bên dưới là màu xanh ngắt của cỏ và những luống hoa đủ sắc màu. Tôi như thấy mình đang đi lạc vào một thế giới cổ tích.

Đối diện với cổng vào của Hội trường La Mã, leo lên bậc thang rồi tiếp tục đi thẳng là tới cơ sở tắm nước nóng thời La Mã, còn có tên gọi tiếng Đức là Kaisertherme. Công trình này được xây dựng vào khoảng năm 300 dưới thời cai trị của vua Constantius Chlorus nhưng không được hoàn thành, chính vì thế nên cũng không bao giờ được sử dụng. Tôi đã thắc mắc rất nhiều về lý do của sự “không hoàn thành” này nhưng cho đến giờ vẫn chưa có được lời giải đáp. Ngày nay, khi tới tham quan cơ sở tắm nước nóng còn dở dang này ở Trier, người ta vẫn còn nhận ra dấu vết của kiến trúc La Mã qua những viên đá sáng và gạch đỏ.

Ở đây có một bức tường duy nhất còn sót lại không bị phá đi vì trước đây nó được chọn làm cổng thành của thành phố Trier. Từ bên ngoài, người ta có thể ngắm công trình này miễn phí nhưng nếu muốn vào trong để xem hệ thống nước và hành lang ngầm của khu cấp nước nóng thời La Mã thì phải trả thêm vài euro lệ phí. Trên bức tường dài là những ô cửa sổ lớn hình vòm cong rất đẹp. Không những thế, ở đây, vào mùa hè người ta còn sử dụng những khu đất trống làm rạp chiếu phim ngoài trời. Dù chưa tận mắt chứng kiến nhưng tôi có thể hình dung được sự sáng tạo lãng mạn của người dân Trier.

Thánh đường cổ nhất

Bằng qua con đường Simeonstraße và khu chợ chính, rẽ sang bên trái là thánh đường Hole Domkirche St. Peter zu Trier, được xây dựng từ thời Trung cổ. Khi đã tới Trier thì hầu như không du khách nào bỏ qua thánh đường này, đơn giản vì nó nằm ở vị trí hết sức thuận lợi mà người ta có thể dễ dàng nhìn thấy. Đây là nhà thờ cổ nhất của Đức, với chiều dài 112m và chiều rộng 41m, cũng là nhà thờ lớn nhất của Trier. Chúng tôi bước vào nhà thờ và cảm nhận ngay được không khí tĩnh lặng bao trùm nơi đây. Tôi đưa máy ảnh lên để chụp nhưng vì cũng xế chiều rồi nên nắng phản chiếu trên những ô cửa sổ bằng kính rất khó chụp. Tôi tranh thủ ngắm những kiến trúc chạm gỗ tuyệt đẹp bên trong nhà thờ và thấy mình thật may mắn vì đã được ghé thăm một trong những di tích lịch sử cổ nhất thế giới. Vào mùa hè, nhất là tháng Năm và tháng

Sau, ở nhà thờ này diễn ra nhiều buổi biểu diễn, đặc biệt là buổi biểu diễn đàn đại phong cầm thế giới được tổ chức hàng năm ở Trier.

Nằm cạnh thánh đường là Nhà thờ Liebfrauen, được xây dựng từ thế kỉ XIII nhưng trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai đã bị phá hủy nặng nề. Đây cũng là di sản duy nhất ở Trier không được xây dựng dưới thời La Mã nhưng cùng với các di sản khác thì nhà thờ này vẫn được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Cổng thành Porta Nigra

Từ nhà thờ Liebfrauen, chúng tôi băng qua những con đường và tới Cổng thành Porta Nigra, dịch theo tiếng Latin là Cổng thành Đen bởi toàn bộ cổng thành rộng lớn này có màu đen. Cổng thành này được xây dựng từ thời La mã (năm 180), ngày nay, nó đã trở thành biểu tượng của thành phố Trier. Thời Trung cổ, cổng thành này đã được xây thành nhà thờ nhưng đến khi quân đội của Napoleon chiếm đóng thì nó lại được chuyển trở lại thành cổng thành. Leo lên Porta, người ta có thể nhìn thấy toàn bộ thành phố và đi dạo xung quanh cổng thành ở phía trên để có thể nhìn kĩ hơn công trình kiến trúc này. Từ Porta Nigra, chúng tôi đi dọc theo dòng sông Mosel và những con đường rợp bóng cây để tới cầu La Mã. Cầu La Mã bắc qua sông Mosel là cây cầu cổ nhất nước Đức. Từ năm 1986, cây cầu này đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Cầu La Mã đầu tiên được làm bằng gỗ từ năm 17 trước Công nguyên, đến năm 45 sau Công nguyên thì được thay bằng cầu đá. Cây cầu này dù đã được tu sửa nhiều lần nhưng vẫn là một điểm đến không thể bỏ qua của Trier. Từ vị trí này, người ta có thể ngắm dòng sông Mosel xinh đẹp lúc hoàng hôn cùng những dãy nhà lấp lánh ánh đèn và hưởng trọn cảm giác được sống giữa thiên nhiên thời La Mã xa xưa.

Bên ngoài Hội trường La Mã

Tới Trier, tôi như có cảm giác được quay trở về với lịch sử. Dù không phải là điểm đến lý tưởng của những du khách thích phong cảnh hiện đại. Trier vẫn được nhiều người yêu thích vẻ đẹp cổ kính tìm đến để được nhìn thấy một thành Rome thứ hai giữa lòng nước Đức.

14. Chương 13

[HÀ LAN]

Amsterdam – Mộc mạc, trữ tình

Du thuyền ở Amsterdam

THÁNG NĂM Ở CHÂU ÂU vẫn đang là mùa xuân nên thời tiết còn se lạnh. Mặc chiếc áo khoác mỏng, tôi và cô em họ lên chiếc xe buýt tới Amsterdam. Hai đứa dựa vào nhau ngủ một giấc ngon lành cho đến khi bị đánh thức bởi tiếng xì xào của những người đi cùng. Tôi dụi mắt và nhìn ra bên ngoài, một rừng hoa tulip rực rỡ đủ màu sắc trải dài suốt một quãng đường dài.

Hà Lan từ lâu đã nổi tiếng với những cối xay gió và những rừng tulip đẹp mê hồn nhưng lần đầu tiên được chứng kiến tận mắt rừng hoa đủ sắc màu, tôi vẫn không khỏi ngỡ ngàng. Cứ đi được một đoạn tôi lại thấy những cánh đồng hoa lúc đỏ, lúc tím, lúc vàng, lúc đủ màu xen lẫn vào nhau. Những người trông coi những rừng hoa ấy chắc phải mất công lắm khi gieo mầm trên mỗi luống hoa, để cho những người “qua đường” như chúng tôi được ngắm thỏa thích.

Khi xe dừng lại ở trước cửa nhà ga Amsterdam, ấn tượng đầu tiên hiện lên trong đầu tôi là “thành phố gì mà bẩn thế, toàn rác là rác”. Không biết có phải vì đọc được nổi thất vọng trong mắt tôi hay không, mà người tài xế nhẹ nhàng giải thích rằng hôm qua là ngày cả đất nước Hà Lan ăn mừng sinh nhật Nữ Hoàng của họ nên người dân từ các tỉnh đổ về ăn uống, tiệc tùng, xả nhiều rác mà những người lao công chưa kịp dọn hết. Trên các ngôi nhà, những lá cờ Tổ quốc vẫn đang nổi đuôi nhau bay bay trong gió. Tôi liền thở phào nhẹ nhõm.

©STENT

Amsterdam làm một thành phố nhỏ nhưng rất đẹp. Có những đoạn đường cực kỳ đông đúc nhưng mọi người rất thân thiện, không ai cầu nhau hay tỏ ra khó chịu khi chẳng may va chạm vào nhau. Mọi người cùng tận hưởng một ngày nghỉ thong thả. Đi dọc theo những con kênh, tôi mới thấy có lẽ người ta không ngoa khi ví Amsterdam là Venice ở phương Bắc. Tôi không biết có mấy chục cây cầu bắc qua dòng sông Amsel và những con kênh xanh biếc nhưng cứ đi qua một cây cầu là tôi lại dừng lại và chụp một bức ảnh làm kỷ niệm. Những cây cầu nhìn xa có vẻ gần giống nhau, vì bên cạnh thành cầu nào cũng toàn xe đạp là xe đạp nhưng khi tới gần thì mỗi cây cầu lại có một vẻ đẹp riêng.

Nguồn ebooks: ww.luv-ebook.com

Trên những cây cầu, xe đạp dựng san sát nhau. Lúc đầu, tôi nghĩ người ta dựng để làm cảnh nhưng hỏi ra mới biết người dân ở đây ưa dùng xe đạp để bảo vệ môi trường. Tôi hỏi cô em gái đi cùng: “Không biết người ta khóa xe như thế này, để qua đêm có bị mất không nhỉ?” Em tôi vu vơ đáp: “Chắc chẳng ai lấy đâu!” Sau này, bạn tôi kể rằng chuyện mất xe đạp ở Amsterdam tuy không là cơm bữa, nhưng cũng là cơm tuần, lúc đó tôi mới hiểu tại sao trên đường đến nhà ga thành phố, chúng tôi lại thấy có một trụ sở trông gửi xe đạp hoành tráng như vậy.

Có thể nói rằng, đường Dam là trục đường chính với những hình ảnh được coi là không thể thiếu của Amsterdam. Tôi thấy một cảm giác thật dễ chịu khi đi bộ dọc theo những ngôi nhà và những khu phố với rất nhiều cây xanh và những con kênh bé nhỏ xinh đẹp. Những chiếc thuyền gỗ lớn nhỏ đưa du khách dạo chơi dọc theo kênh, tôi chỉ đứng trên ngắm họ thôi mà cũng thấy thật bình yên. Dường như tôi thấy Amsterdam sống thật chậm, chậm trong từng nhịp thở và chậm trong cả những bước chân của kẻ đến, người đi. Một Amsterdam bình yên như thế, có lẽ chẳng ai vội bước qua nhanh.

Ở Amsterdam, những ngôi nhà trông rất giống nhau, việc tìm nhà ở đây có lẽ sẽ rất vất vả. Nhưng nếu nhìn kĩ thì mỗi ngôi nhà đều mang một vẻ đẹp riêng, tuy nhà nào cũng có những ô cửa xinh xinh giống nhau, nhưng ban công lại được thiết kế theo nhiều kiểu khác nhau. Nhà ở Amsterdam thường cao nhưng rất nhỏ, tôi rất thích ngắm những ngôi nhà nằm sát bên bờ kênh.

Bảo tàng Madame Tussauds là nơi trưng bày các tượng sáp người nổi tiếng: từ các nhân vật lịch sử, hoàng tộc đến những người nổi tiếng, ngôi sao điện ảnh, âm nhạc, thể thao cổ đại và đương đại. Đặc điểm nổi bật là những bức tượng này đều giống y chang bản gốc. Người ta có thể mua vé vào đây tha hồ chụp hình, cứ như thể được đứng cạnh người nổi tiếng ngoài đời vậy. Tòa nhà này là phiên bản của tòa nhà Madame Tussauds ở London.

Chúng tôi dừng chân ở Nhà thờ cổ Oude Kerk. Đây là nhà thờ lâu đời nhất của Amsterdam được xây dựng từ thế kỷ XV trên cơ sở một nhà thờ nhỏ có trước đó ba thế kỷ. Nhà thờ này bây giờ chỉ để cho khách tham quan. Điểm đặc biệt của nhà thờ là những ô cửa sổ cao, những bia mộ, mái vòm và những vật dụng trang trí từ thời Trung cổ. Phía dưới sàn nhà ghép bằng những tảng đá dài 2.500 huyết mộ có khắc tên người chết hay đơn giản những con số.

Xuân về trong vườn hoa Keukenhof

Nhắc tới Amsterdam, người ta cũng không thể không nhắc đến phố đèn đỏ – nơi được cả thế giới biết đến là khu công khai hoạt động mại dâm hợp pháp, tồn tại từ thế kỷ XIV. Phố đèn đỏ được người Hà Lan gọi bằng tên: Gái bán hoa ngoài cửa sổ. Đây cũng là khu vực cổ nhất ở Amsterdam. Ban ngày, cuộc sống ở đây rất vắng vẻ, người ta không nghĩ là mình đang ở phố đèn đỏ, chỉ khi các cô gái đứng bên cửa sổ chào hàng thì họ mới nhận ra. Càng về khuya, khu phố càng náo nhiệt hơn, những tấm rèm bắt đầu được khép lại. Người ta không cho chụp hình ở đây, bởi thế nên khách du lịch chỉ có thể chụp trộm nhưng thông thường các cô gái cũng rất tinh mắt, khi họ phát hiện ra khách du lịch đưa máy ảnh lên thì họ lùi trốn sau tấm rèm, có những cô còn phản ứng bằng cách quát tháo, chửi bới.

Tôi trở lại Amsterdam một năm sau đó, cũng vào những ngày tháng Tư nắng đẹp cùng người bạn thân của mình. Amsterdam vẹn nguyên như thế, vẫn là những con kênh xanh xanh, những chiếc thuyền chở khách đi dạo, vẫn những cửa hàng lưu niệm lớn nhỏ nối đuôi nhau với những đôi guốc gỗ thật xinh xắn. Tôi cũng mua một đôi guốc nhỏ về làm quà cho cô em. Người ta kể lại rằng, khi xưa người Hà Lan đi guốc để dễ phòng bò dẫm vào khi đi vắt sữa và cũng để tránh cho đôi chân khỏi bị ướt nếu phải đi qua đầm lầy. Nhưng bây giờ thì trong bất cứ cửa hàng lưu niệm nào người ta cũng thấy những đôi guốc gỗ lớn nhỏ được trưng

bày. Thậm chí, trên những con phố lớn hay trong những vườn hoa còn có cả những đôi guốc gỗ cực kì lớn để khách du lịch có thể ngồi vào đó để chụp hình.

Cũng trong lần trở lại Amsterdam này, chúng tôi được một người bạn sống nhiều năm ở Leiden dẫn đi thăm vườn hoa Keukenhof. Từ Amsterdam, đi xe lửa tới Leiden chỉ khoảng hơn 30 phút và sau đó đi xe buýt thêm một đoạn nữa là tới vườn hoa trứ danh này. Với diện tích khá lớn nên để đi xem cả khu vườn này, người ta có thể mất đến một ngày. Những bông hoa đua sắc màu rực rỡ nhưng nổi bật nhất vẫn là những rừng tulip với đủ mọi sắc màu ngút ngàn. Khách du lịch cũng có thể đi du thuyền trên những con kênh nhỏ hay thuê xe đạp để tham quan rừng hoa ngay bên cạnh đó. Trong công viên hoa này còn có cả những ngôi nhà kính. Bạn có thể vào đó chiêm ngưỡng những bông hoa lan nhiều màu sắc hay xem cách người ta dạy cắm hoa. Thật đáng tiếc nếu bạn đến Hà Lan mà lại bỏ qua vườn hoa danh tiếng này. Đôi khi, tôi cũng hay tự hỏi: “Amsterdam sẽ thế nào nếu như không có hoa tulip?” Thật khó có câu trả lời, bởi dường như khi nhắc tới Amsterdam là người ta nghĩ ngay đến hoa tulip và ngược lại.

Rời Amsterdam vào một buổi chiều nắng đẹp, sau những ngày lang thang nơi ấy, tôi vẫn còn luyến tiếc thủ đô này vô cùng. Amsterdam in đậm trong kí ức tôi về những ngôi nhà nhỏ thấp thoáng bên những con kênh xanh xanh với những chiếc cầu thơ mộng nối đuôi nhau, những con đường với những bàn chân bước chậm và nhẹ nhàng. Amsterdam với tôi không chỉ là thủ đô của Hà Lan mà còn là một thành phố thơ mộng, lãng mạn và đầy quyến rũ.

15. Chương 14

[HUNGARY]

Tới Budapest ngắm dòng sông Danube

Dòng sông Danube nhìn từ trên cao

TUY KHÔNG CÓ LỊCH chính thức là sẽ đi Budapest trong chuyến hành trình qua Áo của mình nhưng để “chuộc tội” vì đã không làm hướng dẫn viên cho tôi trong ngày ở Áo nên anh bạn quý hóa đã mua vé đưa tôi tới Budapest – thủ đô kiêu diễm của Hungary và là viên ngọc quý của Danube, nơi có những cây cầu xinh xinh nối hai bờ Buda và Pest với nhau.

Chúng tôi tới Budapest vào một ngày nắng đẹp và trong veo, khi vừa bước chân ra nhà ga và đi thẳng trực đường chính để tới cây cầu Erzsébet, tôi đã bị hấp hồn bởi vẻ đẹp cổ kính mà lộng lẫy của những tòa nhà hai bên đường. Toàn bộ kiến trúc của thành phố là sự kết hợp hài hòa giữa các tòa nhà hiện đại của một thành phố trẻ với những dinh thự lộng lẫy, những thánh đường nguy nga và những kiến trúc La Mã còn sót lại. Những kiến trúc đẹp nhất của thành phố này đều nằm dọc theo hai bên dòng Danube. Có lẽ nhờ dòng sông xanh và những kiến trúc độc đáo này mà Budapest trở thành một điểm đến hấp dẫn nhiều du khách.

Địa điểm đầu tiên chúng tôi đến là đỉnh đồi Gellert với độ cao 235m, được gọi theo tên vị thánh tử vì đạo Gellert – người đã truyền bá đạo Thiên chúa vào Hungary ở thế kỷ X. Ở dưới chân đồi, những bức tường thành bằng đá kiên cố vẫn còn đọng lại lớp băng của những mùa đông. Đường lên đỉnh đồi có những hàng cây rất đẹp và những tảng đá lớn nằm trơ trọi khiến khung cảnh nên thơ và lòng tôi bình yên hơn bao giờ hết. Phía trên đỉnh đồi là bức tượng Nữ thần Tự do đang giơ hai tay nâng cao cành cọ, đó cũng là biểu tượng của chiến thắng và tự do. Từ phía trên cao này, người ta có thể nhìn thấy Đồi Lâu đài (Castle Hill) và toàn bộ khung cảnh phía bên dưới dòng sông Danube.

Từ phía trên đỉnh đồi Gellert đi xuống, tôi ngược nhìn lên phía trên và thấy Đồi Lâu đài thật đẹp nên lại quyết định leo lên. Đây là nơi ở của các triều đại vua chúa Hungary. Tại đây, vẫn còn những di tích cổ xưa và rất nhiều đá gạch in đậm dấu vết thời gian. Khu di tích này gồm Cung điện Hoàng gia Hungary khởi công xây dựng vào giữa thế kỷ XIII, Nhà thờ Mátyás mang tên vị vua hùng mạnh và anh minh bậc nhất trong lịch sử đất nước này. Thư viện Quốc gia Hungary cùng hàng loạt bảo tàng và khu triển lãm.

Đứng ở phía trên này, người ta có thể nhìn ra ngã rẽ của dòng sông Danube khi chia thành hai nhánh. Là con sông dài thứ hai của Châu Âu và chảy qua nhiều nước khác nhau như Đức, Slovakia, Áo... nhưng có lẽ không khúc sông nào có thể sánh với đoạn chảy qua Budapest.

Trời đã xế chiều, chúng tôi băng qua cây cầu Széchenyi với tên gọi tiếng Việt là cầu Xích. Đây cũng là cây cầu đầu tiên bắc qua sông Danube, đồng thời cũng là cây cầu nổi tiếng và đẹp nhất ở Budapest. Với những dải treo bằng sắt tựa như chuỗi xích khổng lồ, Széchenyi nối Quảng trường Roosevelt của Pest với Quảng trường Adam Clark của Buda. Ngay ở đầu cầu, người ta đã thấy bức tượng con sư tử không có lưỡi, anh chụp cho tôi bức hình làm kỉ niệm và trêu: “Sau này xem lại ảnh, xem sư tử và em, ai xinh hơn” rồi sau đó bế tôi lên trên thành cầu để chụp hình làm kỉ niệm trong khi tôi xấu hổ đỏ cả mặt khi thấy người đi đường cứ nhìn qua nhìn lại. Có lẽ trông mặt tôi lúc đó ngổ kinh khủng nhưng anh thì mặc kệ, miễn sao anh có thể chụp được những tấm hình đẹp nhất để tôi có “của hồi môn” cho con cháu sau này.

Khi đứng trên cây cầu và nhìn ra phía xa, tôi bảo anh: “Ở đây, ai muốn tự tử thì chỉ cần nhảy xuống dòng sông, dòng nước xoáy rất mạnh.” Lời nói vô tình ấy của tôi khi đó không hề có dụng ý nào, nhưng khi về và kể cho cô bạn đồng nghiệp nghe, tôi mới biết rằng, khi xưa, người khắc bức tượng sư tử ở trên cây cầu này cũng đã nhảy xuống sông Danube tự tử khi người ta chế giễu ông rằng con sư tử không có lưỡi (thật ra nếu để ý kĩ thì sư tử vẫn có lưỡi, chỉ có điều bức tượng này được đặt rất cao nên người ta khó có thể nhìn thấy lưỡi của nó).

Khi chúng tôi băng qua cây cầu, hoàng hôn đã bắt đầu buông xuống. Ngược nhìn lên tòa lâu đài và ngắm nhìn ánh đèn điện phía trên cao, tôi thấy một Budapest lung linh huyền ảo. Chúng tôi dừng lại ở Tòa nhà Quốc hội bên sông Danube. Đây là một trong những tòa nhà cổ kính nhất Châu Âu và lớn nhất thế giới với chiều dài 268m được xây theo kiến trúc Gothic. Tôi hơi ngỡ ngàng khi thấy tòa nhà này chẳng khác gì nhiều so với Tòa nhà Quốc hội ở London mà tôi đã tới cách đó vài tháng. Mãi sau này, tôi mới biết rằng tòa nhà này được phỏng theo nguyên bản của Tòa nhà Quốc hội ở London. Trên dòng sông Danube, người ta thấy bóng của tòa nhà soi trên mặt nước, nhưng lối đi chính thì không nằm ở đó mà nằm ở bên hông quảng trường. Tôi chiêm ngưỡng vẻ đẹp về đêm của một công trình kiến trúc đặc trưng của mọi thời đại và đã trở thành một trong những Di sản văn hóa của nhân loại. Chắc hẳn, người dân Hungary phải rất hạnh diện vì đã lưu giữ được một kiến trúc kiêu hãnh, hùng vĩ mà vẫn mang đậm phong cách cổ xưa như thế này.

Một góc kiến trúc của lâu đài Castle Hill

Trời đã bắt đầu tối, hai anh em đi dạo trên những đại lộ rộng lớn và sạch sẽ với những cửa hàng lớn nhỏ nằm hai bên đường. Mà nói đến phố xá Budapest, phải nhắc đến đại lộ Andrassy nằm ở trung tâm thủ đô (phía bên Pest). Hai bên đại lộ này là những quán cà phê, những viện bảo tàng, còn phía cuối đại lộ là Quảng trường “Những người anh hùng” được xây dựng đầu thế kỷ XX với những bức tượng của các thủ lĩnh lập quốc Hungary và các anh hùng, các vị vua lớn trong lịch sử đất nước này. Tôi ghé vào một cửa hiệu bán đồ lưu niệm nhỏ bên đường và được anh tặng luôn một chiếc khung ảnh một bên là hình chiếc cầu Xích và một bên tôi có thể gắn bức hình của tôi vào để làm kỉ niệm trong chuyến đi này. Chúng tôi lang thang trong cái lạnh ban đêm và những cơn gió mát lành thổi từ sông vào. Dù có lạnh đến đâu, tôi vẫn muốn ra sông để ngắm lại đồi Lâu đài và những cây cầu lung linh huyền ảo giữa màn đêm. Anh lấy chiếc máy ảnh của mình và cố chụp lại những khoảnh khắc đẹp trong đêm của Budapest nhưng những tấm hình vẫn không được ưng ý. Tôi đã nói với anh rằng có những khoảnh khắc mà người ta chỉ có thể ghi lại vào kí ức mỗi khi nhớ về nó chứ không thể lưu hết lại vào trong máy ảnh hay trong những bức hình được. Đường như hiểu được điều đó nên anh cũng buông máy và tận hưởng khoảnh khắc dịu dàng đó.

Tôi không quá khó khăn khi nói lời tạm biệt Hungary bởi tôi biết hành trang tôi mang trở về là rất nhiều kỉ niệm về một hòn ngọc của dòng sông Danube xanh ngắt, một thành phố yêu kiều mà cổ điển, mang trong mình vẻ đẹp của cả phương Đông và phương Tây. Có lẽ, người ta đã không quá lời khi gọi Budapest là Paris Phía Đông, còn tôi, tôi gọi Budapest bằng một cái tên thật triu mến: Dòng sông xanh.

Sau này trong lá thư gửi cho một nửa yêu thương của mình, tôi đã viết: “Nếu được chọn một nơi nào đó để cùng anh ngắm hoàng hôn châu Âu, em sẽ chọn Budapest. Có thể Budapest không đẹp so với Paris, London, Vienna hay bất cứ một nơi nào khác mà em đã từng đặt chân qua, nhưng Budapest đã cho em những khoảnh khắc rất riêng trong cuộc đời mà em biết có lẽ sẽ còn rất lâu sau nữa em mới có thể tìm lại được... Em yêu Budapest không phải bằng thứ ‘tình yêu sét đánh’, càng không phải bằng thứ tình yêu đã được thời gian trải nghiệm... Em yêu Budapest bằng một tình yêu không lời...”

[LUXEMBOURG]

Lang thang Luxembourg

Khu phố mua sắm trong trung tâm thành phố

KHI ĐỌC TRÊN MỘT TỜ BÁO mạng, người ta liệt kê ra 10 lý do nên đến Luxembourg, trong đó có lý do Luxembourg là thủ đô văn hóa, có lâu đài ở khắp mọi nơi, có Echternacht – thành phố cổ kính, có rượu ngon, có những nhà hàng đẳng cấp thế giới... Đọc đến đó, tôi đã dừng lại và nghĩ tới chuyến đi của mình hồi cuối tháng Sáu năm 2010.

Có lẽ, nên bắt đầu bằng việc “chê” một cái gì đó ở Đại Công Quốc này trước chẳng? Đó là lần đầu tiên Jean Paul lái xe đưa tôi và Quỳnh Nga tới Luxembourg. Xuất phát từ Cologne, đi qua Bỉ và dừng lại ở Luxembourg. Việc đầu tiên chúng tôi làm là đi ăn vì bụng đã sôi sùng sục. Nhìn thấy một nhà hàng châu Á, chúng tôi bước vào. Tôi thì tôi không phải là người nấu ăn ngon nhưng tôi cũng chưa bao giờ ăn món phở nào dở như ở đây, không có rau, chỉ có một cọng hành và ba miếng thịt lồm bồm, nước phở chắc chắn là nước luộc thịt gì đó. Nga ngửi xong liền đẩy sang trước mặt tôi và bảo: “Chị ăn đi, em không ăn đâu”, tôi nuốt mãi cũng chỉ được vài ba miếng rồi bỏ đó, anh bạn Jean Paul gọi món thịt vịt thì chủ nhà hàng mang ra món tôm. Nhìn thấy hai đĩa chúng tôi không ăn, Jean Paul bảo: “Đưa đây anh thử, có khi bọn em được ăn ngon quá rồi nên giờ chê”. Jean Paul đã về Việt Nam mấy lần và còn là dân ăn phở sành điệu hơn tôi nữa ấy chứ nên khi Nga đẩy bát phở sang, anh chàng vội vàng đẩy ra và bảo “mùi gì mà ghê thế” làm tôi đang đói và tức cũng phải cười ngất ngèo. Ông bà chủ nhà người miền Nam thấy chúng tôi bỏ mứa thì hỏi tại sao, nhưng tôi không đủ can đảm nói ra sự thật. Khi rời khỏi nhà hàng tôi thì là sẽ không bao giờ ăn đồ Châu Á ngoài tiệm nữa, sau đó tiến thẳng đến McDonalds ăn lót dạ.

Luxembourg nhỏ bé

Luxembourg là một đất nước nhỏ nhưng giàu có với thu nhập đầu người luôn ở mức cao nhất thế giới. Diện tích chỉ vền vền 2.568km², từ Bắc tới Nam chừng 80km, từ Đông sang Tây chừng 50km nhưng đất nước này lại có rất nhiều cơ quan nước ngoài đặt trụ sở và sử dụng cả hai thứ tiếng Đức và Pháp.

Chúng tôi tới Luxembourg vào một ngày đẹp trời và quyết định đi dạo quanh thành phố bằng cách... đi bộ. Bởi lẽ Luxembourg nhỏ bé nên đi bộ là cách tốt nhất để chúng tôi có thể khám phá thành phố.

Do đã đi và được ngắm khá nhiều công trình nổi tiếng ở Châu Âu rồi nên khi tới Luxembourg, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi ở ngay giữa trung tâm Luxembourg mà lúc nào cũng phải leo lên leo xuống chẳng khác gì... leo núi. Sau một ngày đi bộ rã rời, tôi mới phát hiện ra rằng thành phố này tuy nhỏ nhưng lại được chia ra tới 24 quận, trong đó có những khu vực mà khách du lịch thường xuyên lui tới là khu phố cổ Ville Haute (phố cao), Ville Basse (phố thấp) và khu phố Kirchberg. Tôi cũng bất ngờ không kém khi kiến trúc ở đây không có gì đặc sắc, từ văn phòng thủ tướng cho đến trụ sở của bộ Ngoại giao đều trang trí một cách rất bình thường. Tôi không nhận ra được sự giàu sang ở đất nước này hay bởi Luxembourg quá khiêm tốn? Bởi theo thống kê thì Luxembourg là trung tâm kinh tế của Châu Âu và luôn nằm trong danh sách những đất nước giàu nhất thế giới với tổng thu nhập bình quân đầu người là 80.000 USD mỗi năm.

Cầu đá Đại công tước Adolphe

Luxembourg dường như cố tình “giấu” vẻ đẹp của mình để khách du lịch tự kiếm tìm và khám phá. Khi đứng ở Quảng trường Guillaume nhìn xuống phía dưới, người ta có thể nhìn thấy thung lũng Petusse xanh ngắt với cây, hoa và cỏ, xen kẽ đâu đó là những giọt nắng mùa hạ lấp lánh. Bắc ngang qua thung lũng là cây cầu đá Adolphe khổng lồ với cấu trúc vòm khá đẹp. Cây cầu này nằm giữa trung tâm Luxembourg, là Di sản văn hóa thế giới và từ lâu đã trở thành niềm kiêu hãnh của người dân Luxembourg. Cầu Adolphe được xây dựng từ năm 1900 đến năm 1903, cao 84m do kiến trúc sư Séjourné (người Pháp) và Paul Rodange (người Luxembourg) thiết kế. Từ trên cây cầu này, người ta có thể thấy một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, tôi tưởng tượng ra mùa thu ở đây phải đẹp và lãng mạn lắm khi những chiếc lá xanh, vàng, đỏ hòa quyện vào nhau. Chúng tôi đi xuống phía dưới thung lũng và cảm nhận được sự yên bình toát ra từ thành phố này, cuộc sống thật mộc mạc và dịu dàng, khác xa bầu không khí ồn ào của khách du lịch ở bên trên.

Nhắc đến Luxembourg, lẽ dĩ nhiên người ta không được phép bỏ qua Place d’Armes. Đây là quảng trường chính ở Đại Công quốc Luxembourg, quảng trường này được gọi là nhà khách thành phố. Khác hẳn sự trầm lặng ở thung lũng Petusse, quảng trường này luôn nhộn nhịp bởi khách du lịch với rất nhiều nhà hàng và quán cà phê san sát nhau, người người ngồi uống bia và rượu vang, khung cảnh thành phố nhộn nhịp nhưng dường như tất cả vẫn tuân theo một trật tự vốn đã có sẵn từ lâu. Chúng tôi đến đây đứng vào dịp lễ hội

mùa hè của thành phố nên tiếng nhạc được vang lên khắp mọi nơi. Luxembourg lúc ấy trong tôi không bé nhỏ chút nào.

Lang thang ở Luxembourg trong một ngày ngắn ngủi – nơi sự giàu sang được khéo léo giấu nhem đi, tôi đã biết được nhiều điều về đất nước nhỏ bé mà không hề bé nhỏ này. Đã đôi lần, tôi tự hỏi tại sao đất nước này nhỏ bé như thế, cũng từng bị xâm chiếm suốt bao nhiêu thế kỉ, cho đến tận Chiến tranh Thế giới lần thứ hai vẫn còn bị xâm chiếm, mà lại có thể hồi phục nhanh và có một tiếng nói quan trọng không chỉ ở Châu Âu mà cả trên toàn thế giới đến vậy. Để lý giải được điều này sẽ mất rất nhiều thời gian nhưng có lẽ những quyết định đúng đắn của chính phủ Luxembourg cũng như phong cách giáo dục và làm việc chính là yếu tố đưa đất nước này đi lên từ nghèo khó. Theo một thống kê về số lượng người nói được hai ngôn ngữ ở Châu Âu thì Luxembourg bé nhỏ chiếm vị trí đầu tiên với 99%. Lúc đó tôi thầm ước: Giá như Việt Nam mình...

16. Chương 15

[PHÁP]

Paris – Thỏa niềm mơ ước

Nắng cuối ngày trên nhà thờ Đức Bà

TÔI CÓ MỘT NGƯỜI BẠN sau khi xem xong những bức hình tôi chụp ở Paris về đã nói với tôi rằng mơ ước lớn nhất của bạn ấy là được một lần đến với Paris, được một lần chạm tay vào tháp Eiffel, được đi trên Đại lộ Champs Elysee và được thưởng thức những món ẩm thực Pháp tuyệt vời. Lúc đó tôi đã mỉm cười. Bởi nhiều năm về trước, khi còn là cô nữ sinh ngồi dưới mái trường phổ thông trung học ở Đức và học tiếng Pháp suốt sáu bảy năm trời, tôi cũng mơ một ngày được đặt chân đến thành phố Paris phồn hoa và tráng lệ này. Những mãi đến mùa thu năm 2009, Mầm Tôm mới giúp tôi thực hiện được ước mơ của mình khi cùng tôi rong ruổi giữa nắng gió Paris.

Sau này khi đã đi qua hết những con đường trong những giấc mơ của mình, thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ về Paris. Tôi nhớ buổi sáng đầu tiên, khi ăn xong bữa sáng, tôi nhất định đòi Mầm Tôm dẫn ra cây cầu Mirabeau, chỉ vì năm lớp 12 trong giờ học tiếng Pháp, cô giáo cho chúng tôi đọc và phân tích bài thơ Le Pont Mirabeau của Apollinaire. Tôi đã ấn tượng với Mirabeau từ đó, ấn tượng về một mối tình buồn, ấn tượng với cách ví von về tình yêu của tác giả để rồi nhận ra rằng trên đời này thật ra chẳng có gì là tồn tại mãi mãi. Tất cả đều trôi đi theo dòng chảy của thời gian, chỉ có kỉ niệm là ở lại. Như là mối tình xưa đó của ông, dù đã qua rồi nhưng có một điều gì hình như vẫn sống.

Tôi nhớ cả những ngày lang thang ở Quảng trường Concorde nằm ở đầu đại lộ Champs Élysées có cột đá Obelisque ở giữa trung tâm. Nghe nói đó là món quà mà vương quốc Ai Cập đã tặng cho nước Pháp vào năm 1831. Từ quảng trường này, đi qua khu vườn Tuileries là đặt chân tới đại lộ Champs Élysées – con đường mà hơn 60 triệu người Pháp cho rằng đó là con đường đẹp nhất thế giới. Đại lộ này được bao bọc bởi một không gian xanh với những hàng cây nổi dài. Cái cảm giác được ngồi trong quán cà phê nhâm nhi, ngắm nhìn dòng người qua lại tạo nên một mùa thu Paris vô cùng quyến rũ.

Tôi nhớ cảm giác trèo qua mấy trăm bậc thang để leo lên Khải hoàn môn (Arc de Triomphe). Với độ cao 111m, từ phía trên này bạn có thể ngắm những kỳ quan của Paris từ nhiều hướng. Phía Bắc là thánh đường Sacre Coeur, phía Nam là điện Panthéon, phía Đông là nhà thờ Đức Bà Paris và phía Tây là tháp Eiffel. Thật khó để diễn tả được cảm giác lâng lâng khi thả lỏng mình giữa toàn cảnh Paris và tôi nhận ra rằng nơi đây cũng có những góc nhìn xuống Paris rất đẹp chứ không nhất thiết phải xếp hàng mấy tiếng đồng hồ để trèo lên tận tháp Eiffel mới có thể chiêm ngưỡng Paris như hàng trăm bạn trẻ khác ngoài kia đang làm. Khi chúng tôi chạm đến bậc thang cuối cùng, Mầm Tôm vừa đi vừa giảng giải cho tôi về lịch sử: “Khải hoàn môn này được Napoleon quyết định xây để vinh danh quân đội, ngay dưới nơi này có một vị trí nhỏ dành để tưởng niệm một chiến sỹ vô danh người Pháp đã hy sinh trong trận chiến.”

Tôi thậm chí nhớ cả cái mùi tàu điện ngầm ở Paris trong những ngày lang thang nơi đó. Kì lạ chưa! Nếu như London có một hệ thống tàu điện ngầm lâu đời nhất và Copenhagen có hệ thống tàu điện ngầm vô cùng hiện đại thì Paris lại là nơi có hệ thống tàu điện ngầm dày đặc nhất thế giới. Khi đã ngồi trong tàu điện

ngầm thì người giàu, kẻ nghèo tất cả đều như nhau. Bạn có thể gặp một người rách rưới hoặc bạn cũng có thể “chạm trán” một doanh nhân.

Và tất nhiên, tôi nhớ cả những khu vườn Paris rực rỡ sắc màu hoa với những buổi chiều cùng Mắm Tôm đi dạo. Tôi nhớ khu vườn Tuileries, nhớ cả những chiếc ghế bên cạnh vòi phun nước mà tôi đã ngồi đó cả giờ đồng hồ, không chịu nhấc mông đứng dậy đến nỗi Mắm Tôm phải thở dài ngao ngán. Tôi nhớ cả khu vườn Luxembourg đẹp ơi là đẹp, với những hàng cây xanh thẳng lối được cắt tỉa rất công phu, với những công trình điêu khắc nằm rải rác, với những vườn hoa đủ màu xanh đỏ tím vàng, thế mà trong buổi sáng sớm tinh mơ khi lang thang trong đó, tôi chỉ toàn nhìn thấy những cô gái, những cậu trai nằm trên thảm cỏ đọc sách, ôn bài. Tôi như thấy mình đang sống lại tuổi 15 thuở nào, nhớ lại những câu thơ mình từng viết trong mùa thu cũ cho một người bạn đặc biệt học cùng lớp năm xưa:

“Có phải vì anh

Hay là vì em

Mà tình yêu trở thành dang dở

Hay lỗi tại mùa thu

Đưa chúng mình cách xa?”

Từ Khải hoàn môn, chúng tôi đi theo con đường dẫn về tháp Eiffel. Trên đường đi, tôi hỏi Mắm Tôm: “Đồ anh biết tại sao tháp lại có tên là Eiffel?” Anh chàng nhìn tôi rồi buông một câu mà không buồn suy nghĩ: “Anh không biết!”. Thế là tôi thao thao: “Này nhé, tháp Eiffel được lấy tên từ người kỹ sư Gustave Eiffel bởi ông là người đã phát minh ra ý tưởng này, nhưng người biến ý tưởng này thành hiện thực lại là một người khác. Dẫu vậy người ta vẫn biết ơn người đã sáng lập ra công trình này và đặt luôn tên ông thành tên tháp.” Mắm Tôm sau khi nghe tôi “thuyết trình” xong quay sang tôi hỏi: “Em đọc khi nào và đọc ở đâu thế?” “Hi hi, đọc trên tàu hôm qua khi anh ngủ và đọc trong cuốn sách du lịch anh mua đấy.”

Khi đặt chân mình bên cạnh tháp, lòng tôi mang một cảm giác rất bồi hồi. Xung quanh là khách du lịch với đủ mọi màu da, những đôi tình nhân tay trong tay lặng lẽ trao cho nhau những nụ hôn nồng ấm. Tôi chọn cho mình một góc khuất, đứng ở đó và nguyện cầu cho mình, cho tất cả những người trên thế gian này sẽ yêu và được yêu. Vì suy cho cùng thì, như Trịnh Công Sơn nói “cuộc sống không thể thiếu tình yêu”, vì đó là thứ làm cho ta hạnh phúc nhất mà cũng đau khổ nhất. Bất chợt tôi nhớ tới mối tình mong manh như gió thoảng đã qua của mình để rồi nhận ra rằng hình như mình vẫn còn đang giữ một tình yêu không có thực.

Dòng cảm xúc trôi theo những bước chân đưa tôi tới Notre Dame, ánh nắng chiếu vàng óng hắt lên tháp đôi. Trong khi Mắm Tôm mải mê chụp ảnh, tôi chăm chú đứng nhìn dòng người qua lại, các lớp người từ trẻ đến già, từ Á đến Âu nô đùa, thư giãn, ngắm nhìn những trò thú vị trên cầu. Trẻ em thì cho chim ăn, những đàn bồ câu bay phấp phới giữa bầu trời. Tự nhiên tôi nhớ tới tuổi thơ của mình, nhớ tới tuổi thơ của những em nhỏ ở miền quê lam lũ. Có lẽ, ước mơ của chúng chẳng phải là một lần đặt chân đến Paris để cho bồ câu ăn đâu, ước mơ của chúng giản dị và bình thường lắm: Thoát khỏi đói nghèo thôi! Tôi kể cho Mắm Tôm nghe điều đó, anh quay sang nhìn tôi bảo: “Em lạ thật, đi chơi thì tận hưởng đi, sao cứ nghĩ về những điều đó. Thương chúng thì làm điều gì đó sau này cho chúng chứ không phải là nghĩ tới chúng bây giờ.” Tôi lúi thủi bước sau anh rồi “gạ” anh về quận 13 ăn phở. Nghe nói ở đó nổi tiếng với ẩm thực Việt Nam. Là một người yêu đất nước Việt Nam và cũng đã từng đến Việt Nam vài lần, rồi phải lòng với Phở, với Bún Chả nên khi nghe tôi đề nghị đi ăn tối ở quận 13, anh chàng hưởng ứng nhiệt liệt và mời tôi luôn bữa tối hôm đó. Chúng tôi đáp tàu điện ngầm tới nơi mà người Paris hay gọi là “phường Châu Á” và ghé vào một quán ăn với tấm biển là nhà hàng Việt Nam, nhưng lại không hề có một người Việt nào. Mỗi đĩa gọi một tô phở với vài ba miếng thịt và mấy lọn rau thơm. Khi người phục vụ đặt tô phở lên trước mặt mà tôi vẫn chẳng thấy mùi thơm bốc lên như hồi còn được ăn ở Việt Nam. Nhưng vì đói nên cả hai vẫn cầm cúi vào ăn, ăn xong anh chàng phàn nàn về đồ ăn ở đây, nào là anh đã ăn phở ở nhiều nơi nhưng không nơi nào có thể sánh bằng phở vỉa hè ở Việt Nam. Tôi cũng thất vọng không kém gì anh, có lẽ tôi đã quá ảo tưởng khi phải đòi hỏi rằng cái quận 13 danh tiếng ở Paris ấy phải thật hoàn hảo với những món ăn đậm chất Việt Nam và sự sạch sẽ trong nhà hàng ở Pháp. Tôi hỏi đùa Mắm Tôm rằng nếu một dịp nào đó trở lại Paris, anh có ghé lại quận 13 để ăn một tô phở Việt Nam nữa không, anh tùm tùm cười thay cho câu trả lời và tôi hiểu sự im lặng đó nói lên điều gì.

Ngày cuối cùng ở lại Paris, chúng tôi tới thánh đường Sacré Couer nằm trên đồi Montmartre. Phải leo lên mấy trăm bậc thang tôi mới lên được phía trên này, những con đường dốc trải dài, những ngôi nhà cổ kính đẹp như tranh. Sacré Couer là nhà thờ Thiên Chúa giáo nổi tiếng ở Paris với cấu trúc rất đẹp và công bằng mà nói, nơi đây mới chính là trái tim của Paris. Tôi yêu những giờ phút ngồi trên những bậc thang hay những thảm cỏ nhấm mắt và đắm chìm trong những giai điệu của những người nhạc sĩ vô danh bên đường phố hay đơn giản là lang thang đi xem những nghệ sĩ vẽ tranh đường phố ở Quảng trường Tertre nằm ngay sau Sacré Couer. Chiều tàn chúng tôi dành thời gian ngắm nhìn Paris ở một góc khác, nơi không có chỗ cho sự sành điệu nữa mà là những mảnh đời trái ngược khiến tôi thần thờ và trở nên suy tư hơn.

Tôi rời Paris vào một chiều nắng đẹp với bao ý nghĩ ngổn ngang. Cuối cùng thì tôi cũng đã thực hiện được ước mơ được đặt chân tới kinh thành ánh sáng một lần. Trong đầu tôi hiện ra câu hỏi của Mắc Tôm khi chúng tôi cùng đi dạo, anh đã hỏi tôi rằng: “Nếu được lựa chọn, em có muốn sống ở Paris không?” Tôi đã đắm chiêu rất lâu rồi bảo đùa anh: “Vút em ở đâu em cũng sống được mà.” Ừ, thì đúng là như thế nhưng nếu phải chọn một nơi để sống đến cuối đời, có lẽ tôi sẽ không chọn Paris. Bởi tôi không thích những ngày dài đi đâu cũng phải chui vào tàu điện ngầm, có những đoạn bạn có thể chiếm ba, bốn ghế cho riêng mình, có những đoạn người chen chúc nhau đến nỗi bạn không thể cựa hay nhúc nhích thêm một bước nào được nữa. Tôi không thích lắm cái hồi hải triều miên và quá nhiều những mảnh đời trái ngược nhau ấy. Khác với Berlin hay những thủ đô khác của Châu Âu, sự giàu nghèo ở Paris được phân chia một cách rõ rệt. Tôi đã từng lạc vào một khu phố giàu có với những chiếc đồng hồ giá hàng trăm nghìn euro để rồi tann ngần vì mình... nghèo kiệt xác mà cứ lần la tới đó. Nhưng rồi khi lạc vào một khu phố nghèo, nơi mà mỗi chủ nhật người ta bán đồ second hand dưới gầm cầu, thậm chí một cái áo rách hay một cái thắt lưng đã ngả màu cũng được đem ra để... bán đấu giá, để rồi lúc đó tôi chợt nhận ra rằng mình đang là một con người giàu có.

Ở Paris, mọi thứ đều có thể, người giàu sống được thì người nghèo cũng bám trụ được. Cơ hội làm giàu và được dẫn thân ở thủ đô kiêu diễm này khá cao, nhưng nếu bạn chỉ là một người bình thường hay nghèo khổ bạn cũng có thể tồn tại. Đối với nhiều người, tồn tại là được sống. Thế là đủ. Nhưng đối với tôi thì khác! Ừ thì là sống, nhưng sống như thế nào mới là điều quan trọng. Tôi sợ một cuộc sống bon chen, dặt dỏ và cũng không đành lòng nhìn những người vô gia cư nghèo khổ mà ở bất cứ ngõ ngách nào ở Paris mà mình cũng có thể nhìn thấy. Nhưng tôi vẫn thích được trở lại Paris, được thả mình trong những khu vườn, được đứng trên những cây cầu bắc qua dòng sông Seine hiền hòa để cảm nhận được sự yên bình toát ra trong tâm hồn bé nhỏ. Nhiều người bảo tôi yêu văn thơ nên tâm hồn lúc nào cũng treo ngược ở trên mây. Biết làm sao được, miễn biết chân mình đang chạm ở dưới đất là được mà, có phải không Paris?

17. Chương 16

[PHẦN LAN]

Helsinki – Đi rồi nhớ

Bình yên trên đảo Suomenlinna

TÔI CÓ MẤY NGƯỜI ĐỒNG nghiệp Đức đi Bắc Âu về khen lấy khen để Stockholm và Oslo, nhưng khi tôi hỏi về Helsinki họ đều lắc đầu và bảo chưa đi vì “thành phố đó không có gì đặc biệt.” Thật ra nếu chưa đi mà đánh giá như vậy thì tôi thấy oan và tội nghiệp cho Helsinki quá, vì mỗi người đều có tiêu chuẩn riêng cho những điều mà họ cho là đặc biệt. Dẫu vậy, tôi vẫn không dám kì vọng quá nhiều vào thành phố này và tới Helsinki không bằng tất cả niềm háo hức, nhưng khi trở về, lại da diết nhớ mong.

Helsinki vào những đầu tháng Chín, thời tiết rất đẹp và vô cùng dễ chịu. Nắng trải dài trên những vòm cây và nước lóng lánh một màu óng ả. Helsinki đẹp, cái đẹp dịu dàng của một cô thôn nữ, không kiêu sa mà vẫn nồng nàn. Những ngày ở đây, tôi may mắn có được sự quan tâm, yêu thương và quý mến của Sara, Thảo và Dung. Dù mới chỉ gặp tôi lần đầu nhưng những cô gái Hải Phòng tốt bụng ấy đã đón tiếp tôi bằng tất cả sự chân thành. Sara thậm chí còn xin nghỉ việc suốt cả một tuần để đưa tôi đi chơi, nào là Helsinki, Tampere, Turku, Tallinn... Sau này khi về lại Đức, thỉnh thoảng tôi vẫn thường hay ngồi một mình, nhớ lại và mỉm cười về những ngày tươi đẹp ở đất nước phương Bắc ấy.

Tôi nhớ những buổi chiều cùng Sara hẹn hò với Vy và Nhân rồi cùng nhau lang thang trên những con phố

trải dài ở Helsinki, ghé thăm Nhà thờ Trắng – biểu tượng của thành phố, được thiết kế bởi kiến trúc sư người Đức Carl Ludwig Engel. Bên trong nhà thờ tương đối giản dị và không có nhiều bố cục đặc biệt như những nhà thờ mà tôi thường thấy ở các thành phố Châu Âu khác nhưng màu trắng phía bên ngoài đã tạo nên nét nổi bật của nhà thờ này. Ngay cạnh nhà thờ là Quảng trường Senaatintori, vào những ngày nắng đẹp mọi người tập trung ở đây khá nhiều. Đường như từ lâu nơi này đã là điểm hẹn của khách thập phương, ngay giữa quảng trường là Đài tưởng niệm Sa hoàng Alexander II, người có công rất lớn đối với Phần Lan. Bằng những cải cách của mình, ông là người đã cho ra đời tiền tệ riêng cho đất nước Phần Lan cũng như đưa tiếng Phần Lan thành ngôn ngữ quốc gia ngang hàng với Thụy Điển. Để tỏ lòng biết ơn ông, người Phần Lan đã cho xây dựng đài tưởng niệm ngay ở quảng trường Senaatintori vào năm 1894 – 13 năm sau ngày ông bị ám sát.

Cách Nhà thờ Trắng không xa là Nhà thờ Đỏ (vì được xây bằng gạch đỏ) có kiến trúc bên trong tuyệt vời với những trụ cột đá được làm bằng đá granite vàng. Vào thời điểm xây dựng nhà thờ này, nó là biểu tượng về sự thống trị của Nga trên đất nước Phần Lan và đây cũng là nhà thờ Thiên Chúa giáo lớn nhất Tây Âu. Chúng tôi đi dạo dọc quanh Nhà thờ Đỏ, nhìn xuống bến cảng với những chiếc thuyền bé nhỏ xinh xinh nằm phơi mình trong nắng rồi rẽ vào khu chợ trời, thưởng thức món Kalalautanen. Đây là một trong những đặc sản phổ biến ở Helsinki, có rau, khoai tây chiên ăn kèm với hai món cá Muikku và Lohi. Sara và tôi gọi chung một đĩa mà vẫn ăn không hết mặc dù rất ngon. Lúc đó tôi không hiểu tại sao ngày xưa ông Tổng thống Pháp Jaques Chirac lại “hết lòng” chê ẩm thực của Phần Lan đến nỗi người Phần Lan tự ái và “không thèm” bỏ phiếu cho Pháp trong cuộc tranh cử quyền đăng cai sự kiện thể thao lớn nhất hành tinh năm 2012 và Anh đã thắng cuộc trong lần tranh cử ấy.

Có một điều ở Helsinki khiến tôi rất thích đó là thành phố này có rất nhiều đảo, mỗi một hòn đảo đều mang một vẻ đẹp riêng nhưng nổi bật nhất vẫn là đảo Suomenlinna. Chỉ cách Helsinki 15 phút đi thuyền, Suomenlinna là một pháo đài rất lớn do người Thụy Điển xây dựng từ năm 1784 để bảo vệ trước sự tấn công của Nga vì lúc đó Phần Lan vẫn còn là một phần của Thụy Điển. Khắp quần đảo đều tràn ngập màu xanh của cây cối, mọi người có thể cắm trại, nướng thịt, tắm nắng hay chỉ đơn giản là nằm thư giãn đọc sách trong không gian thơ mộng. Ngoài những căn hầm còn sót lại ở đây, Suomenlinna còn là nơi lý tưởng để chụp ảnh cưới của các bạn trẻ.

©STENT

Những giọt nắng đầu tháng Chín ở Suomenlinna không quá gay gắt, tôi thả lỏng mình trôi theo những dòng nước đang cuộn chảy phía dưới rồi trôi lên những móm đá hoang sơ. Những bông hoa vàng nằm sát trên triền cỏ dường như cũng đang cố khoe vẻ đẹp của mình trước biển. Phía dưới chân tôi, sóng lặng lẽ vỗ về bên triền cát, tôi khẽ mỉm cười, chợt nhớ tới bài thơ viết hồi 23 tuổi khi ví mình là cát, còn người yêu là sóng với lời nhắn nhủ thiết tha, chân thành:

“Biển chiều vẫn hát

Khúc nhạc đồng giao

Ơi sóng dạt dào

Chớ đừng tan nhé...”

Nhà thờ Trắng

Nhưng cuối cùng anh vẫn tan và trôi về với biển, để lại tôi – một hạt cát mong manh, bé nhỏ giữa đời...

Nếu Suomenlinna là hòn đảo được cho là hấp dẫn nhất Helsinki thì Seurasaari cũng khoác lên mình một vẻ đẹp cũng không kém phần sang trọng. Đảo này nối với đất liền bằng một cây cầu trắng dài 200m và chỉ có chuyến xe buýt thứ 24 đi từ trung tâm tới nơi này. Khi dạo trên hòn đảo này tôi có cảm giác như mình đang đi trong một cánh rừng thu nhỏ vì cây cối ở đây khá nhiều và chỉ có hai bãi tắm. Người dân ở Helsinki tới đây chạy bộ nhiều, khách du lịch hầu như là rất ít nên đôi khi tôi có cảm giác Seurasaari giống như một hòn đảo hoang sơ, nhưng nó lại là chốn bình yên cho những ai thích lặng lẽ giữa biển trời thiên nhiên.

Có một điều không chỉ ở Helsinki nói riêng mà cả Phần Lan nói chung, đó là đất nước này luôn luôn sử dụng song hành hai thứ ngôn ngữ là tiếng Phần Lan và tiếng Thụy Điển. Trong trường học, học sinh Phần Lan học tiếng Thụy Điển, trên đường phố thì các biển chỉ dẫn cũng đều bắt buộc phải có tiếng Thụy Điển

ngay bên dưới tiếng Phần Lan mặc dù chỉ có 5% số lượng người Phần Lan sử dụng ngôn ngữ này. Trong khi đó ở Thụy Điển thì họ chỉ sử dụng ngôn ngữ của đất nước họ mà thôi. Tôi đem thắc mắc này ra hỏi Sara thì được cô bé trả lời rằng trước đây một phần của Phần Lan bị lệ thuộc vào Thụy Điển, tiếng Phần Lan khi đó chỉ là ngôn ngữ thứ hai, rất nhiều trẻ em Phần Lan sinh ra và lớn lên ở đó đều phải học tiếng Thụy Điển, sau này khi Phần Lan giành được độc lập, người Phần Lan vẫn muốn tiếp tục sử dụng tiếng Thụy Điển để nếu các em ấy có “tìm về cội nguồn” thì cũng sẽ đỡ vất vả.

Những ngày ở Helsinki là những ngày thú vị trong chuyến đi Bắc Âu của tôi, tôi sẽ không quên những ngày lang thang trên đảo, những chuyến tàu giữa Tampere – Helsinki – Turku. Nói đến Tampere và Turku, đó là hai thành phố tương đối lớn ở Phần Lan nhưng tôi chưa thấy cái sân bay nào bé như sân bay Tampere đến nỗi tôi nói đùa với Sara rằng nếu ai sợ lạc ở sân bay thì phải đến Tampere. Còn Turku là thành phố nằm bên bờ sông Aura trước đây là thủ đô của Phần Lan và cũng là thành phố cổ nhất đất nước này, được mệnh danh là thành phố văn hóa Châu Âu năm 2011 nhưng không hiểu sao, tôi vẫn thấy Helsinki là đẹp nhất.

Ngày cuối cùng trước khi tạm biệt Helsinki, Sara dẫn tôi đi tắm hơi. Đây là điều bắt buộc làm khi tới Phần Lan. Thật ra trong khu nhà của Sara cũng có một phòng tắm hơi dành cho những người dân sống trong khu nhà trọ đó, nhưng do phải đăng kí giờ trước nên Sara đưa tôi ra trung tâm luôn vì sau đó chúng tôi có hẹn với gia đình Việt. Người con dâu xứ Thanh ấy đã đãi chúng tôi món phở Nam Định ngon tuyệt vời mà sau này mỗi lần nghĩ lại tôi vẫn nhớ. Đôi khi người ta yêu một mảnh đất nào đó không nhất thiết vì phong cảnh, mà có khi là tình người ấm áp, và đó cũng là một trong những lý do khiến tôi thấy Helsinki luôn xa mà gần trong kí ức.

Nhà thờ Đỏ

Tôi rời Helsinki vào lúc 6h sáng để kịp cho chuyến tàu sang Tallinn, ngồi trên chuyến xe buýt về bến cảng, nhìn những sợi nắng ban mai phủ trên những ngôi nhà và lấp lánh trên biển, tôi thấy nhớ Helsinki còn cào dù thời điểm ấy tôi vẫn chưa thực sự rời xa Helsinki. Trước khi tới Helsinki, bạn tôi bảo: “Hết chỗ đi rồi hay sao mà qua xứ ấy?” nhưng qua Helsinki rồi, tôi mới biết mình đã không sai khi đặt chân tới nơi này. Nắng, gió và mùi hương của biển cùng những tiếng cười trong vắt của những người bạn nơi này sẽ còn in đậm mãi trong kí ức của tôi.

18. Chương 17

[SEC]

Praha – Xứ sở tình yêu

Thành cổ Praha nhìn từ chân cầu thành phố

KHI TÔI NÓI VỚI KRISTINA – cô bạn người Đức của mình rằng tôi sẽ qua Praha trong kì nghỉ, Kristina đã trầm trồ khen: “Praha cổ, đẹp và thơ mộng lắm đó. Nhớ ghé thăm Cầu Tình nữa nha.” Tôi mỉm cười, bởi đã từ lâu tôi luôn kì vọng một Praha như thế, nơi mà lẽ ra tám năm về trước tôi đã đặt chân tới đó nếu không quá sợ say xe trong những ngày đầu ở Châu Âu.

Là thủ đô và cũng là thành phố lớn nhất của Cộng hòa Séc, Praha được biết đến như một thành phố vàng với cây Cầu Tình Charles mộng mơ bên dòng sông Vltava. Thành phố này vẫn giữ được nguyên vẻ đẹp cổ xưa với những công trình kiến trúc độc đáo và được công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1992. Khi tới Praha, điều đầu tiên khiến tôi ngạc nhiên là thành phố này có nhiều người Việt nhất trong tất cả những thành phố châu Âu tôi từng đặt chân đến. Anh bạn người Việt tôi gặp ở Munich hiện đang sống ở Praha cũng nói cho tôi biết rằng có lẽ ở Châu Âu, cộng đồng người Việt tập trung nhiều nhất ở Séc và Praha chỉ là một ví dụ điển hình. Người Việt ở bên này phần lớn kinh doanh và buôn bán, chợ Sapa ở Praha và các chợ vùng ven biên giới Đức từ lâu đã trở thành “mảnh đất của người Việt” ở đây.

Quảng trường Wenceslas

Quảng trường Wenceslas còn có tên gọi khác là Quảng trường Dân chủ. Quảng trường này được đặt theo tên của vị thánh đỡ đầu của xứ Bohemia – Saint Wenceslas và nằm ngay ở trung tâm Praha, đây là nơi chứng kiến những thăng trầm lịch sử của Séc. Nằm trên quảng trường là tượng thánh Wenceslas và bia đá

của hai người thanh niên trẻ mà mãi sau này khi trở lại Đức tôi mới biết đó là hai chàng sinh viên đã hi sinh cuộc đời mình để chống lại Chủ nghĩa Cộng sản Liên bang Xô Viết.

Từ quảng trường này, người ta có thể nhìn thẳng xuống đại lộ Václavské Náměstí với rất nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm, đặc biệt là pha lê, các quán bar, các tiệm ăn, khách sạn. Chúng tôi tới Praha đúng vào ngày tổ chức trình diễn nhạc dân ca thế giới và tất nhiên chúng tôi đã không bỏ lỡ cơ hội này dừng chân lại cùng những du khách nước ngoài khác, lắng nghe những giai điệu dân ca từ Ba Lan, Áo, Đức...

Nằm ngay ở quảng trường này là tòa thị chính nổi tiếng với chiếc đồng hồ thiên văn được chế tạo từ năm 1410. Điểm nổi bật thu hút khách du lịch ở đây là mỗi một giờ, các bức tượng sẽ cử động và khi tới 12h thì sẽ có 12 vị tông đồ nổi nhau đi từ hai cửa ra phía trước. Ngoài ra, trong trung tâm này còn có đài tưởng niệm của một vị anh hùng người Séc có tên là Jan Hus – người đã bị thiêu sống khi không chịu bỏ tư tưởng tôn giáo cấp tiến của mình.

Cầu Tình Charles

Đi qua những khu phố cổ, dần dần chúng tôi cũng tới được cây cầu Charles mà người Việt Nam vẫn hay gọi là Cầu Tình. Ở Praha có rất nhiều cầu bắc qua dòng sông Vltava nhưng Cầu Tình vẫn là nơi thu hút nhiều du khách nhất. Riêng tôi lại thích ngắm Cầu Tình từ những cây cầu khác hơn.

Cầu Tình là cây cầu bằng đá lâu đời nhất châu Âu bắc qua dòng sông Vltava, nối hai quận Malá Strana và Staré Město với nhau và được xây dựng từ thế kỷ XIV mang tên Hoàng đế Kar IV. Cầu Charles dài chừng hơn 500m và rộng khoảng 9m, cầu này chỉ dành cho người đi bộ, bởi thế nên khách du lịch kéo tới đây nườm nượp. Tôi không đếm hết được những bức tượng ở trên cầu nhưng ngó qua cũng phải cỡ 30 bức tượng lớn nhỏ khác nhau của những danh nhân Séc gắn liền với từng giai đoạn lịch sử của đất nước này. Nổi bật nhất vẫn là bức tượng của Thánh Nepomuck mà người ta vẫn truyền miệng rằng nếu chạm vào chân bức tượng đó, bạn sẽ có cơ hội quay trở lại Praha. Không chỉ có vậy, dọc hai bên đường có vô số những sạp bán đồ lưu niệm, tranh ảnh, đồ trang sức và những món quà bằng gỗ, bằng đá rất dễ thương. Những người họa sĩ và nhạc sĩ đường phố cũng có dịp trở tài ở đây. Cứ đi được một đoạn lại có một “người mẫu” làm dáng trước những nét vẽ mềm mại, tôi cũng đã định bỏ ra 30 euro để lưu lại bức chân dung của mình nhưng vì phải đợi quá lâu, mà bàn chân thì cứ muốn bước tiếp nên đành lỡ hẹn với người họa sĩ đường phố nơi đây.

Cầu Charles đẹp và lãng mạn nên cũng dễ hiểu khi nhiều đôi tình nhân chọn nơi này để chụp ảnh cưới. Từ trên cầu, người ta có thể ngắm nhìn Cung điện Hoàng Gia, Nhà thờ thánh Vitus và cả những ngôi nhà mái đỏ nhấp nhô phía xa xa. Dòng sông Vltava lặng lẽ trôi, những đàn chim cứ sải cánh, những chú vịt trời cũng lang thang như đã quen với sự có mặt của du khách, những công trình kiến trúc soi mình dưới bóng nước. Lướt nhìn xung quanh, tôi thấy nhiều đôi uyên ương đang đứng hôn nhau. Tôi không ghen tị với hạnh phúc của họ, bởi phút giây đó tôi cũng hạnh phúc. Có phải vì thế mà nơi đây đã được gọi là cầu Tình.

Thành cổ Praha

Rời cầu Charles, chúng tôi rảo bước tới thành cổ Praha. Những con đường ở đây khá dốc. Thành cổ nằm trên một khu đồi cao nên khi lên tới đây, người ta có thể nhìn thấy xuống toàn bộ phía dưới. Khung cảnh Praha lúc xế chiều đẹp vô cùng.

Thành cổ là công trình kiến trúc đẹp và cổ kính nhất Praha và cũng là cái nôi của lịch sử thủ đô, bởi đây từng là nơi trú ngụ của hầu hết các vị vua ở đất nước này. Ngày này, thành cổ vẫn là nơi diễn ra những hoạt động kinh tế, xã hội và chính trị ở Séc. Lâu đài Praha nằm ở trong khu thành cổ là biểu tượng của thành phố và cũng là tòa lâu đài vĩ đại của châu Âu. Đó là một quần thể kiến trúc rộng tới 45 ha với nhiều tháp, nhiều công trình như Nhà thờ St. Vitus, St. George, Cung điện Tây Ban Nha, Vườn hoa mùa hè Hoàng Gia... Mỗi công trình đều có vẻ đẹp và những câu chuyện lịch sử riêng. Tôi không biết nhiều về lịch sử Séc, chỉ nhớ là đã từng đọc trong một cuốn sách rằng: Công tước Borivoj I là người đã cho khởi công xây dựng những công trình đầu tiên trong khu thành cổ này, từ cung điện cho đến nhà thờ và rất nhiều công trình khác. Một thời gian sau, cung điện bị cháy, hơn một thế kỷ sau vua Karl IV mới cho tu sửa lại và xây dựng thêm cả Nhà thờ thánh Vít. Hiện nay, lâu đài là nơi ở của các vị Tổng thống của Cộng hòa Séc. Bên ngoài cổng chính lâu đài bao giờ cũng có rất nhiều người tập trung để nhìn thấy Tổng thống. Các tòa nhà trong lâu đài đại diện cho hầu như tất cả các phong cách kiến trúc của thiên nhiên kỳ quan.

Chúng tôi dạo bước trên những con phố ở thành cổ Praha và bắt gặp những người lính đứng gác ngoài cổng

thành. Khách du lịch thay phiên nhau đứng cạnh để chụp hình, dĩ nhiên người bạn đồng hành cũng chụp cho tôi được một tấm hình làm kỉ niệm. Mặc cho khách du lịch đứng làm trò cười và cố tình chọc ghẹo, những người lính vẫn đứng sừng sững như những pho tượng.

Khi đêm đến, Lâu đài Prague tỏa sáng với ánh đèn rực rỡ, lung linh và huyền ảo. Như ai đó đã từng nói về thành phố này: “Nếu Praha là một bức tranh thì đó là bức tranh mà các nghệ nhân đã chuyển tay nhau tô vẽ, hoàn thiện trong suốt chiều dài lịch sử ngàn năm”.

Phiên đổi gác diễn ra trong khu thành cổ

Rời khu thành cổ, chúng tôi men theo những con đường dốc lát đá nhỏ với những vườn nho trĩu quả và xuống phố. Chiều Praha thật bình yên. Có lẽ bởi nơi đây là một trong những thành phố hiếm hoi của Đông Âu không bị tàn phá bởi chiến tranh nên các công trình cổ kính vẫn nguyên vẹn. Phố xá ở đây hẹp và dài, với những con đường chạy ngoằn ngoèo theo các triền đồi, trong đó rất nhiều con đường vẫn còn được lát đá. Tôi thích cách bài trí của người dân Praha khi thiên nhiên đã ưu đãi họ một phong cảnh hữu tình và họ cũng biết tận dụng tối đa vẻ đẹp ấy để làm hài lòng du khách. Men theo những con đường lát đá là những quán cà phê phủ đầy hoa, từ đây khách du lịch vừa có thể thưởng thức bia Séc, vừa có thể nhìn xuống thung lũng với những vườn nho xanh ngắt.

Mới là tháng Tám nên ngày ở Praha vẫn còn dài, sau khi ăn bữa tối trong một quán ăn ở dưới hầm, chúng tôi lại băng qua những cây cầu nhỏ và ngắm thành phố ở một góc khác. Trong không khí trong lành và sạch sẽ, chúng tôi men theo những con đường và bước vào thiên đường của những món quà lưu niệm. Séc từ lâu đã nổi tiếng với pha lê, những cửa hàng bán pha lê ở đây rất nhiều và sang trọng với những lọ hoa, những sợi dây chuyền, những chiếc vòng luôn lấp lánh sắc màu rực rỡ.

©STENT: .luv-ebook.com

Khi những giọt nắng cuối ngày bắt đầu tắt, chúng tôi quay về khách sạn và bắt đầu leo lên những con dốc nhỏ với xung quanh toàn là màu xanh của cây cối và hoa lá. Ven đường là những vườn táo, vườn nho, quả còn nhỏ nhưng tiện tay nên chúng tôi vẫn... hái ăn thử. Đi được một đoạn, tôi sững sờ khi thấy một đồi cherry, những quả cherry màu đỏ treo lơ lửng phía trên cao khiến tôi không thể nào với tới được. Tôi quay ra phía sau thì thấy mình đã leo được một đoạn khá cao, từ trên này người ta có thể ngắm mặt trời đang từ từ lặn xuống. Praha thanh bình và đẹp như một bức tranh dù tôi biết những gì mình đang nhìn thấy hoàn toàn có thực. Cách chỗ chúng tôi đứng không xa là ngọn tháp Petřín, người ta gọi đó là Tháp Eiffel của Praha.

Niềm tự hào của Praha không chỉ có Cầu Tình, Thành cổ, Quảng trường Wenceslas mà còn rất nhiều công trình kiến trúc đặc sắc khác nữa như Nhà hát Quốc gia, Ngôi nhà Nhảy múa (Dancing House), Đền Thánh Đức Mẹ Loreto, Thính phòng Rudolfinum... Để khám phá được hết những nét đẹp của thành phố này, có lẽ người ta cần nhiều hơn là những ngày cuối tuần ngắn ngủi. Những thung lũng, những ngọn đồi, những ngôi nhà mái đỏ, những cây cầu và dòng sông Vltava còn theo mãi dấu chân tôi...

19. Chương 18

[TÂY BAN NHA]

Sevilla – Chưa xa đã nhớ

Những chú chim bồ câu ở Plaza de America

ĐẶT CHÂN TỚI TÂY BAN NHA lần đầu tiên vào những ngày giữa tháng Sáu năm 2009, tôi đã bị sốc bởi thời tiết khắc nghiệt của xứ sở này. Sau gần ba tiếng bay từ Đức, cô bạn thân Nienke đón tôi ở sân bay Sevilla. Khi xuống máy bay, câu đầu tiên tôi thốt ra là: “Trời ơi, nóng quá!” Trước đó một tháng, Nienke nhắn tin dặn tôi: “Bên này khoảng 38 độ, nhớ mang váy và quần áo mát mẻ nhé, thời tiết bên này không như ở Đức đâu.” Nhưng khi lái xe đưa tôi về nhà, Nienke bảo tôi: “Hiện tại bây giờ ở Sevilla là 44 độ.” Tôi chỉ còn biết lau mồ hôi và nói: “Chẳng trách...”

Sevilla nằm ở phía Tây Nam của Tây Ban Nha và cũng là thủ phủ của bang Andalusien. Lần đầu đến Tây Ban Nha, tôi không chỉ bị choáng bởi thời tiết mà còn bởi Tây Ban Nha khác Đức nhiều quá. Cùng nằm

trong châu Âu và cũng chỉ cách nhau ba giờ bay nhưng quả thật có quá nhiều khác biệt giữa hai đất nước này. “Tây Ban Nha có nền văn hóa giống với những nước Nam Mỹ nhiều hơn”, Nienke vừa lái xe vừa tranh thủ kể cho tôi về đất nước mà cô đã ở trong vòng một năm qua. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, dù học rất giỏi nhưng cũng như rất nhiều những bạn trẻ khác ở Đức, Nienke không chọn ngay con đường vào đại học mà quyết định sẽ đi làm aupair[1] một năm vì cô nàng đã dành tình yêu cho đất nước Tây Ban Nha từ lâu. “Từ ngày đi làm aupair, cuộc sống của tớ cũng thay đổi rất nhiều, nhưng theo chiều hướng tích cực. Tớ học được rất nhiều điều và có những trải nghiệm rất quý báu”. Lời tâm sự của Nienke làm tôi thấy tiếc nuối cho quyết định của mình ngày xưa, bởi ngày đó tôi cũng đang làm giấy tờ sang Pháp một năm theo diện aupair, nhưng rồi sau đó lại đầu quân cho công ty nội thất của Đức và bỏ dở luôn kế hoạch của mình.

[1] Aupair là cụm từ Anh ngữ hóa từ tiếng Pháp có nghĩa là “đôi cặp” hoặc “ngang hàng”, để chỉ một bạn trẻ (thường là nữ) sống với một gia đình nuôi ở nước ngoài dựa trên cơ sở bình đẳng. Những người làm công việc aupair sẽ giúp đỡ gia đình đó chăm sóc trẻ, làm việc nhà hoặc cả hai trong thời gian sống như một người khách của gia đình và thông thường nhận được một khoản tiền tiêu vặt.

Nienke dẫn tôi về nhà chào gia đình bố mẹ nuôi của cô. Mẹ nuôi cô là người Đức và hiện đang giảng dạy ở trường đại học Sevilla và bố nuôi cô là bác sỹ người Tây Ban Nha. Họ có với nhau ba đứa con, hai cô con gái thì quá lém lỉnh, còn cậu út thì lại rất hiền. Vì không muốn làm phiền tới gia đình bạn nên tôi thuê hostel và ở cùng phòng với một cô gái người Pháp, nhưng hầu như ngày nào Nienke cũng ghé qua đón tôi về nhà cô ấy. Khi thì đi bơi với bọn trẻ, khi thì được bố mẹ cô mời qua ăn trưa với những món Tây Ban Nha do cô giúp việc người Maroko chế biến, khi thì cùng gia đình bố mẹ nuôi cô đi dự một buổi biểu diễn văn nghệ ngoài trời. Thời gian còn lại Nienke đưa tôi đi chơi suốt mọi ngõ đường Sevilla. Do thời tiết quá nóng nên tôi chọn phương án dậy sớm và đi chơi đêm vì đó là hai thời điểm đẹp và mát mẻ nhất trong ngày.

Sáng sớm cô nàng đến đón tôi ở Hostel rồi hai đứa lên la đi xem những kỳ quan của Sevilla gần đó như quần của người Do Thái, vườn cam, và những khu phố đông kịt người khi trời bắt nắng. Tầm đầu giờ chiều cho đến 4h chiều thì ở ngoài phố hầu như rất vắng người vì họ bận nghỉ trưa hoặc ra hồ bơi (Sevilla là thành phố có nhiều bể bơi nhất tiểu bang, trung bình ở những khu nhà giàu thì hầu như cứ ba nhà thì một nhà có bể bơi riêng). Nienke bảo tôi: “Thời tiết như thế này vẫn còn nhiều du khách đến thăm, nhưng vào cuối tháng Bảy đầu tháng Tám thì hầu như ở Sevilla luôn vắng người vì thời tiết quá nóng, có thể lên tới 48 độ. Ngoại trừ những công ty nhà nước và các siêu thị buộc phải mở cửa thì hầu hết tất cả mọi người đều ra biển hết.” Sau đó cô bạn còn nói thêm rằng người Tây Ban Nha “lười” lắm vì họ nghỉ trưa rất lâu. Giờ nghỉ trưa của họ thường kéo dài tới 2-3 giờ đồng hồ và nó đã thành tập tục không thể bỏ qua ở đất nước này. Tây Ban Nha có một nửa đất nước giáp với biển, nên vào mùa hè, người ta thường đổ về những thành phố biển hay những hòn đảo nhỏ xinh xắn để tránh nắng.

Thánh đường Sevilla

Tôi nhớ buổi tối đầu tiên, dù mệt nhưng tôi vẫn nhất định phải đi dạo một vòng quanh phố. Sevilla rực rỡ trong những ánh đèn. Những tòa nhà sáng lấp lánh, bên những quán cà phê, mọi người thong thả ngồi nói chuyện, trẻ em nô đùa ngoài đường phố. Một ngày ở Sevilla thường bắt đầu rất muộn nên kết thúc cũng rất muộn, tôi đã không còn bờ ngõ và thắc mắc tại sao hơn 10h tối rồi mà trẻ con vẫn tụ tập chơi và hò hét ngoài đường và quảng trường. Bởi cuộc sống của người Tây Ban Nha thiên về đêm, buổi tối là thời điểm lý tưởng nhất để trẻ em ở Sevilla có thể nô đùa sau khi kết thúc một ngày học ở trường. Tôi để những bước chân dẫn mình đi trên những con phố nhỏ, mơ màng nhìn về phía dòng sông, ngắm Tháp chuông Giralda và những vì sao lấp lánh phía trên trời.

Chiều hôm sau, hai đứa chúng tôi rủ nhau đi dạo dọc dòng sông Guadalquivir và ngắm hoàng hôn từ từ buông xuống, tôi thấy mình như vừa trút bỏ được những bộn bề cuộc sống ngoài kia và ngắm những giọt nắng từ từ buông trên dòng nước bằng tất cả say mê. Tự nhiên tôi nhớ tới cô giáo dạy tiếng Tây Ban Nha của mình, nhớ những bài thơ cô từng đọc cho cả lớp nghe, nhớ lời cô từng kể rằng người dân Sevilla luôn tự hào về thành phố của họ vì nơi đây là nơi Christopher Columbus bắt đầu cho chuyến đi kiếm tìm thế giới của mình, nhớ những ngày hè trước khi năm học kết thúc, tôi và các bạn luôn đòi cô tổ chức nấu một bữa ăn Tây Ban Nha. Nỗi nhớ vô tình gợi lại kỷ niệm khiến tôi khẽ mỉm cười. Có ai ngờ được rằng sau khi thôi học tiếng Tây Ban Nha, tôi lại đặt chân đến mảnh đất này đâu. Âu có lẽ cũng là cái duyên của cuộc sống.

Những ngày ở Sevilla, Nienke đã là một cô hướng dẫn viên thật tuyệt vời, đưa tôi thăm thú Sevilla. Cô

nàng dẫn tôi đi tới Thánh đường Sevilla và Cung điện Real Alcazares. Hai công trình kiến trúc nằm giữa trung tâm này có thể được xem là biểu tượng của thành phố và thu hút khách du lịch nhiều nhất.

Xe ngựa ở Sevilla

Từ trên đỉnh của thánh đường bạn có thể ngắm nhìn toàn bộ thành phố và dễ dàng thấy một khu vườn với rất nhiều cam. Ở Sevilla vào khoảng tháng Tư và tháng Năm khi mùa cam bắt đầu, trên khắp các thành phố hay những công viên người ta có thể thấy hàng loạt những cây cam nặng trĩu cành. Khi chúng tôi đi dạo trong công viên, vẫn còn những cây cam cuối mùa còn sót lại. Tôi nhắm mắt và tận hưởng mùi hương của nó. Nienke quay sang dặn: “Cẩn thận kẻo vấp phải quả cam đấy” bởi dưới chân tôi những quả cam lăn tròn long lóc. Tôi vừa đi vừa bảo: “Sao cam ở đây rụng nhiều thế mà không ai nhặt nhỉ?” Cô bạn phá lên cười: “Đáng lắm làm sao mà nuốt nổi, cậu thích ăn thì gom lại đi, mang về Đức mà làm mứt”. Tính tôi xưa nay vẫn vậy, rất thường hay tiếc vật, dù đôi khi có những thứ chẳng liên quan gì tới mình.

Thánh đường Sevilla được thiết kế theo kiến trúc Gothic và cũng là một trong những thánh đường cao nhất thế giới, Thánh đường này có chiều dài gần 115m và rộng 76m, ở bên trong được trang trí rất cầu kỳ và cũng tốn kém rất nhiều, bởi phần lớn các hình ảnh được tái hiện ở thánh đường này đều mô tả cuộc đời của Chúa Giêsu. Ở Tây Ban Nha, 90% dân số theo đạo Thiên Chúa giáo bởi vậy nên họ rất tự hào gìn giữ nét đẹp cổ truyền. Những bức tranh quý giá của Murillo, Valázquez hay Zurbarán[2] cũng được lưu giữ ở trong này. Nienke dẫn tôi tới bàn thờ chính, nơi cất giữ mộ của Columbus, người đã phát hiện ra châu Mỹ. Thi hài ông ban đầu được chôn ở Santo Domingo rồi sau đó đã được cải táng ở Cuba và cho đến khi Cuba độc lập thì người ta mang thi hài ông về và chôn ở Sevilla. Cho đến bây giờ thì vẫn có nhiều giả thuyết cho rằng mộ của Columbus ở Sevilla chỉ là mộ giả, còn mộ thật thì vẫn được chôn ở Santo Domingo và cuộc tranh chấp giữa Sevilla và Santo Domingo vẫn diễn ra. Dạo quanh ở bên trong thánh đường, chúng tôi trèo hơn mấy trăm bậc thang để leo lên Tháp chuông Giralda. Từ tháp chuông này, bạn có thể nhìn toàn bộ thành phố từ phía trên cao, rất đẹp!

[2] Các họa sĩ nổi tiếng người Tây Ban Nha.

Từ thánh đường Sevilla, chúng tôi đến thăm cung điện của Vua Reales Alcazares, cũng là một công trình kiến trúc rất kì công. Từng viên gạch trên tường, từng cột nhà đều được làm rất công phu. Khi bước chân vào đây, tôi như thấy mình đi lạc vào một thế giới cổ tích với những khu vườn rất đẹp, những căn phòng được trang trí lộng lẫy. Trên các tường nhà, trần nhà là hàng trăm các bức chạm khắc vô cùng tuyệt vời, thậm chí có những vòm trần còn được dát vàng trông vô cùng rực rỡ. Tôi chẳng nhớ mình đã đi qua bao nhiêu căn phòng, bao nhiêu hành lang rộng lớn được trang trí cầu kỳ, phức tạp, để rồi cứ vừa đi vừa trầm trồ, chẳng biết có khi nào trong đời mình lại được chiêm ngưỡng những tác phẩm nghệ thuật có một không hai này không nữa, dù có phải giá trị nghệ thuật nào tôi cũng hiểu hết được đâu. Nhưng chính những cái lạ đó đã khiến tôi thích thú, tò mò và tin chắc một điều rằng khi đã lạc vào chốn này, bạn cũng sẽ có những cảm giác như tôi.

Chúng tôi đi bộ trên những con phố dài với những dãy cửa hàng bán quần áo, bán đồ lưu niệm, tranh ảnh và những thứ làm bằng tay của người dân Sevilla. Thỉnh thoảng khi đi dạo trên đường, tôi lại bắt gặp tiếng nhạc rộn rã phát ra từ những người nghệ sĩ đường phố hay những cô nàng diện trên mình chiếc váy Flamenco trông thật yểu điệu và quyến rũ. Mỗi con đường, mỗi góc phố đều mang một vẻ đẹp riêng, nhưng tôi vẫn thích nhất là được đi trên những con phố hẹp với những ngôi nhà nhỏ nhỏ được trang trí bằng những giàn dây leo màu xanh và những giỏ hoa treo lơ lửng bên cửa sổ. Phố hẹp nên chỉ có những người đi bộ hoặc đi xe đạp mới có thể vào được, tha hồ được tận hưởng sự yên tĩnh và hít hà mùi hương hoa tỏa ra trên khu phố. Khi ngồi gõ những dòng chữ này, tôi không tài nào nhớ nổi tên những con phố mà mình đã bước qua, nhưng khi nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy trước mắt mình là một bức tranh Sevilla thơ mộng. Không biết bây giờ, nếu có dịp đi lại trên những con đường đó, tôi có còn nhận ra không nữa. Những con phố có bao giờ đổi thay?

Một buổi sáng đẹp trời, chúng tôi dừng chân ở công viên Maria Luisa. Đây là một trong những công viên đẹp nhất Tây Ban Nha với hàng ngàn cây xanh và rất nhiều vườn hoa lộng lẫy. Tôi và Nienke làm một cuộc picnic nhỏ trên thảm cỏ, vừa ăn vừa nói chuyện về những tháng ngày cùng nhau đi học, những đổi thay kể từ ngày cô rời nước Đức và nằm nghe tiếng ve sầu kêu. Cho đến tận bây giờ tôi vẫn chẳng biết đó có phải là tiếng ve sầu không nữa, nhưng tiếng kêu của nó hết như tiếng ve sầu mà thuở còn đi học ở Việt Nam

tôi vẫn thường được nghe. Đã lâu lắm rồi kể từ ngày rời quê hương, tôi cứ ngỡ sẽ không bao giờ được nghe tiếng ve sầu kêu vào những ngày mùa hạ nữa, nhưng Sevilla đã cho tôi được sống lại cái cảm giác của ngày xưa.

Khi đã xế trưa, Anne gọi điện rủ chúng tôi đi uống cà phê ở Quảng trường Plaza de América. Anne cũng đang làm aupair ở Sevilla và tôi thực sự phục cái sự đi của cô gái người Đức này. Sau khi tôi đã trở về Đức, Anne vẫn giữ liên lạc với tôi và qua Facebook, tôi cũng biết được rằng cô cũng vừa có một chuyến đi bụi thú vị ở Việt Nam. Chúng tôi ngồi trong quán cà phê tán gẫu và ngắm những chú chim bồ câu rồi sau đó cả bọn rủ nhau đi ăn trưa trong một nhà hàng mà theo lời Nienke nói là “ngon nhất Sevilla”. Họ bắt tôi thử món Tapas, một món ăn nhẹ truyền thống của Tây Ban Nha, có thể ví như món khai vị thường là mực chiên, khoai tây chiên, các loại thịt, ô liu, cà rốt, rau quả trông rất hấp dẫn và ngon miệng, để rồi sau này dù đã rời Sevilla, tôi vẫn nhớ mãi mùi hương tuyệt vời đó.

Đêm cuối trước khi trở về Hostel sửa soạn vali cho chuyến bay ngày hôm sau, Nienke dẫn tôi đi thăm Quảng trường Plaza de Espana (Spain Square). Quảng trường này là biểu tượng chính của thành phố từ khi ra đời vào năm 1929. Khung cảnh buổi đêm với tòa nhà dài 200m trải dài hai bên chân tháp cùng những cây cầu trong ánh đèn mờ mờ ảo ảo đã tạo nên một bầu không khí thật sự yên bình và lãng mạn. Phía dưới chân tường được trang trí bằng những bức tranh vẽ hình phong cảnh của những thành phố khác nhau của Tây Ban Nha. Tôi chọn Barcelona với hy vọng trong chuyến đi Tây Ban Nha tới của mình, sẽ được đặt chân ở thành phố đó. Đến tận lúc này, trong tôi Sevilla có một cái gì đó vừa cổ điển, vừa hiện đại, vừa nồng nhiệt nhưng cũng rất kiêu kì. Vẻ đẹp của thành phố phương Nam này đã được dung hòa như thế, nhưng thật tiếc, chuyến đi nào rồi cũng phải trở về, cho dù có phải khó khăn để nói lời tạm biệt. Tôi biết rồi tôi sẽ nhớ lắm một Sevilla với những nụ cười trong trẻo của người dân nơi đây, đã làm tôi quên đi cái nắng nóng tới hơn 40 độ của xứ sở này. Tôi sẽ nhớ lắm mùi cam thơm ngậy ngất mà có thể ngửi được từ bất cứ con đường nào trong thành phố. Nhớ một sáng tinh mơ nằm dài trên bãi cỏ trong tiếng gió đu đưa và ve kêu của mùa hè, nghe tiếng nhạc du dương và những vũ điệu nhảy Flamenco của những cô nàng Sevilla xinh đẹp. Nhớ một thành phố phương Nam nồng nàn và quyến rũ...

Tạm biệt Sevilla – thành phố yêu thương đầy thơ mộng, nơi đã cho tôi những ngày rất đẹp. Và tôi biết nếu bất kỳ ai đã từng nghe đến cái tên Anda-Louise Bogza thì chắc chắn họ sẽ biết tới thủ đô Sevilla yêu dấu của bang này. Cái thành phố nhìn bề ngoài có vẻ tĩnh lặng và cổ điển nhưng lại chứa chất rất nhiều điều kì thú để bất cứ du khách nào đến đây đều háo hức khám phá và không hề ân hận khi trở về. Khi lái xe đưa tôi ra sân bay, trên Radio đang chạy bản nhạc Time to say Goodbye, tự nhiên tôi thấy lòng mình trùng xuống. Nienke quay sang nhìn tôi rồi nói khẽ: “Hai tuần nữa tớ cũng sẽ theo chân nàng về Đức, đến bây giờ tớ vẫn chưa định hình được cảm xúc của mình nữa. Chỉ biết là sẽ rất nhớ thôi.” Tôi im lặng một hồi, mãi sau mới nói: “Ừ, Sevilla là vậy đó, chưa xa mà đã nhớ...”

20. Chương 19

[THỤY SĨ]

Lucerne thơ mộng

Hồ của bốn vùng đất rừng – chiếc nôi cội nguồn của Thụy Sĩ

TÔI CÓ THÓI QUEN LÀ TRƯỚC mỗi lần đi đâu đều lên mạng tìm thông tin hoặc đọc các cuốn sách hướng dẫn du lịch để khỏi ngỡ ngàng và tiết kiệm thời gian khi đến đó. Nhân có Hoa – cô bạn đang học ở Lucerne, tôi quyết định sẽ dùng mấy ngày nghỉ phép cuối cùng trong năm để ghé thăm đất nước Thụy Sĩ.

Trong chuyến tàu đêm từ Zurich về Weggis, tôi phải đi qua Lucerne. Khi tàu chạy dọc trên đường ray ven hồ Lucerne, tôi đã ồ lên vì bất ngờ. Lucerne về đêm đẹp đến nỗi tôi đã nghĩ rằng nếu có trở thành họa sĩ, tôi cũng không bao giờ có thể vẽ lại được một bức tranh hoàn hảo như thế. Những căn nhà, những ngọn đèn lung linh soi bóng xuống mặt hồ khiến Lucerne không khác gì một nữ hoàng kiêu sa của Thụy Sĩ. Giây phút đó, tôi biết mình có cảm tình với thành phố này.

Núi Pilatus

Sáng hôm sau, tôi và Hoa tới Lucerne từ sáng sớm, thời tiết rất đẹp nên chúng tôi quyết định leo núi Pilatus thuộc Lucerne với độ cao 2132m. Từ chân núi lên đến đỉnh, bạn có thể đi cáp treo hoặc tàu, mất khoảng 40 phút. Lúc lên chúng tôi đi bằng cáp treo và lúc xuống thì đi tàu để có thể nhìn thấy thành phố Lucerne từ hai góc nhìn khác nhau. Đi bằng cáp treo, người ta có cảm giác như đang lơ lửng giữa bầu trời, nhìn xuống phía dưới là hồ, là những ngọn đồi nhấp nhô, còn nếu đi tàu bạn sẽ được ngồi trên đoạn đường ray dốc nhất Châu Âu với độ dốc 48%. Do độ dốc cao nên tuyến tàu lên núi Pilatus phải sử dụng công nghệ bánh răng hỗ trợ. Bình thường nếu đi vào mùa đông thì thời tiết xấu, có lên được đỉnh núi cũng khó có thể nhìn xuống vì những lớp sương mù dày đặc nhưng không hiểu sao hôm chúng tôi đi, bầu trời lại xanh ngắt. Tôi và Hoa chọn một góc đẹp nhất trên núi và nhìn xuống hồ Lucerne, hít thở không khí trong lành của thiên nhiên. Trên những mỏm đá, những mảng tuyết dày đặc vẫn chưa kịp tan ra, mà tôi cũng không biết nó có còn cơ hội để tan nữa hay không khi mùa đông đang bắt đầu đến. Tôi nằm dài trên một tảng đá lớn, nhắm mắt lại và nghe những bản tình ca của Trịnh Công Sơn từ máy nghe nhạc. Đối với tôi, đó là một thú vui, một cách tận hưởng cuộc sống hết sức bình dị.

Trên núi Pilatus

Rời núi Pilatus, chúng tôi vào trung tâm thành phố Lucerne – một trong những thành phố đẹp và thơ mộng nhất Thụy Sĩ. Có rất nhiều những tấm bưu ảnh quảng cáo Thụy Sĩ đã chọn Lucerne bởi thành phố này có một địa hình hết sức thuận lợi, được bao bọc bởi hồ và phía sau hồ là những dãy núi trùng điệp. Lucerne không phải là thành phố lớn của Thụy Sĩ nhưng sẽ thật đáng tiếc cho những ai tới Thụy Sĩ mà không dừng chân lại nơi này.

Cầu gỗ cổ nhất Châu Âu

Từ ga Lucerne, tôi và Hoa tới thẳng chiếc cầu Nhà thờ nhỏ (tiếng Đức là Kappelbrücke). Đây là cầu gỗ có mái che cổ nhất Châu Âu được xây dựng từ thế kỷ XIV, dài 204m với những bức tranh mô tả phần nào lịch sử của Lucerne. Theo một cuốn sách hướng dẫn du lịch thì “Đây là thành phố đầu tiên nhập vào khối liên minh ba thung lũng thuộc vùng núi Alpes. Hồ Lucerne nằm giữa ba thung lũng thuộc vùng núi Alpes và Lucerne mang tên Vierwaldstättersee, có nghĩa là hồ của bốn vùng đất rừng. Nơi đây được coi là cội nguồn của đất nước Thụy Sĩ.” Đứng trên cầu, người ta có thể ngắm dọc khu phố đi bộ với những quán cà phê treo đầy cờ Thụy Sĩ. Dưới chân cầu, những chú thiên nga trắng muốt thi nhau khoe vẻ đẹp kiêu sa của mình. Khách du lịch có thể ngồi ven hồ và tận hưởng những giây phút bình yên giữa lòng thành phố xinh đẹp này.

Cận cảnh cầu Kappelbrücke

Từ đây, chúng tôi đi dạo dọc quanh hồ, ánh nắng chiều yếu ớt của những ngày tháng Mười một vẫn lóng lánh trên những mái nhà. Phía bên kia hồ những dãy núi còn phủ màu tuyết trắng, tôi ngồi bệt xuống bên cạnh một bé gái Thụy Sĩ đang cho thiên nga ăn và ngắm nhìn mặt hồ đang gợn sóng. Xung quanh tôi là bầu trời, là núi, là hồ và những người khách du lịch thân thiện. Chao ôi, Lucerne đẹp biết bao!

Tượng sư tử buồn khắc trong núi

Say khi đi dọc một đoạn dài bên hồ và đắm mình trong thiên nhiên, tôi quyết định ghé thăm bức tượng sư tử. Hình ảnh chú sư tử khắc trên núi với đôi mắt buồn bi thảm đã gây xúc động mạnh mẽ cho tôi. Hình ảnh con sư tử nằm chết oai hùng đã được nhà điêu khắc người Đan Mạch Bertel Thorvaldsen tạc vào năm 1810 để tưởng niệm hơn 800 người lính Thụy Sĩ đã hi sinh thân mình để bảo vệ Hoàng gia Pháp, bởi đội quân Thụy Sĩ này trước đây đã được thuê để bảo vệ vua Louis XVI trong cuộc cách mạng Pháp. Bên cạnh bức tượng in hình hoa lưu ly biểu tượng cho sự kết thúc của triều đại Louis XVI và hình dấu thập tượng trưng cho sự trung thành và dũng cảm của những người lính Thụy Sĩ.

Điều khiến bức tượng sư tử trở nên sống động là dáng nằm oai phong, khi chết vẫn rất kiêu hãnh. Đó có lẽ cũng là lý do vì sao Mark Twain đã thốt lên “Tượng như một khối đá biết chuyển động và toát lên sự thương cảm đau buồn!” khi đứng trước bức tượng này.

Dừng chân ở đây chừng 30 phút, tôi và Hoa quay trở lại khu phố cổ. Vì là Chủ nhật nên phố cổ có phần vắng vẻ, nhưng đâu đâu cũng là những cửa hiệu bán đồng hồ và sô-cô-la vì đây cũng chính là “đặc sản” của đất nước Thụy Sĩ. Chúng tôi thong thả đi dạo trên những con phố cổ lát đá dành cho người đi bộ và trở về ga. Tạm biệt Lucerne với núi Pilatus, tôi biết mình sẽ còn lưu giữ mãi những hình ảnh đẹp này về sau.

Chiếc cáp treo đưa khách lên xuống núi Pilatus

21. Chương 20

[Ý]

Tối Trieste nhớ về Hà Nội

Những con thuyền xếp hàng trên bến cảng Trieste

Hôm trước tình cờ đọc được tờ báo 10 thành phố đẹp bị phớt lờ trên thế giới có nhắc tới Trieste, tôi quay sang bảo với cô bạn cùng nhà trọ: “Tự nhiên tao nhớ Trieste quá mày ạ, nhớ những chiều hoàng hôn vương trên biển, nhớ những con đường chạy dài bên Grande Canal (Kênh Lớn) với những quán cà phê thơm mùi quế.” Cho đến tận bây giờ tôi vẫn không ngừng thắc mắc tại sao một thành phố đẹp và thơ mộng như Trieste lại bị lãng quên một cách vô tình như thế, dù dưới con mắt nhìn của tôi, nhan sắc của Trieste chẳng hề thua kém gì với cô nàng Venice kiều diễm. Trước khi tới Trieste, tôi thấy Venice đẹp lắm, cái đẹp mà tôi cứ ngỡ sẽ khó có nơi nào có thể sánh được, nhưng tới Trieste rồi tôi mới biết, hình như mình đã nhầm.

Tôi đã yêu Trieste ngay từ trên đoạn đường từ sân bay về thành phố, khi xe chạy dọc bờ biển tôi đã không tin vào mắt mình dù lúc đó đã thấm mệt. Những ngày ở đó, tôi được khám phá một miền đất đẹp như mơ mà có lẽ nếu không có bạn mình ở đó, có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ có cơ hội được đặt chân tới. Bởi trong các cuốn sách nói về du lịch châu Âu, Trieste hầu như không được nhắc tới hoặc nếu có, chỉ là một thước phim ngắn hay một vài dòng giới thiệu. Dường như vẻ đẹp của Venice đã làm mờ mắt những du khách tới tới Ý và Trieste bỗng nhiên bị phớt lờ. Nhưng nếu ai đã từng đặt chân tới nơi này, tôi tin rằng họ cũng như tôi, còn muốn quay trở lại đây, không chỉ một mà còn nhiều lần nữa.

Trieste là thành phố nằm ở miền Đông Bắc của nước Ý, nằm giữa biển Adriatic và biên giới Ý, giáp với Slovenia. Trong quá trình lịch sử, Trieste chịu ảnh hưởng rất nhiều từ nền văn hóa Slav và Áo, trước đây thành phố này nằm trong sự quản lý của triều đại Habsburg, cho đến khi Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất kết thúc thì Trieste mới thuộc về Ý. Vì công việc và cơ hội phát triển ở đây chưa cao nên phần lớn lớp trẻ ở Trieste đều di cư đi nơi khác làm việc thế nên ở Trieste có tới 60% dân số là người già, số còn lại có thể là khách du lịch hoặc là các bạn trẻ ở vùng khác tới đây học.

Grande Canal vào một sớm ban mai

Lần đầu tiên tới Trieste tôi có cảm giác như mình đang ở Hà Nội và tôi đã không ngần ngại gọi thành phố này là Hà Nội thứ hai của tôi. Đã dừng chân qua rất nhiều thành phố ở châu Âu nhưng chưa có thành phố nào gọi cho tôi nhớ về Hà Nội nhiều như Trieste. Cuộc sống ở đây dù là ngày hay đêm lúc nào cũng nhộn nhịp và tấp nập nhưng vẫn không hề mất đi cái hồn của một thành phố cổ. Tôi nhớ có một lần Thảo dẫn tôi tới Muggia – một thị trấn nằm ven biển ở Đông Nam Trieste giáp với Slovenia và cách trung tâm Trieste chừng 30 phút đi xe buýt. Đó là lần đầu tiên tôi thực sự nhớ Hà Nội da diết. Cuộc sống ở đây chẳng khác gì một Hà Nội thu nhỏ, có khác chẳng một chút là có biển. Buổi chiều khi nắng đã bắt đầu nhạt, mọi người tập trung ở nhà thờ lớn bên quảng trường. Trẻ con thì nô đùa, hò hét, đá bóng, chơi cầu lông. Người lớn thì ngồi uống cà phê, tán dóc hay dẫn con đi dạo. Những con ngõ nhỏ nối dài, sâu hun hút với những ô cửa sổ đã bị bạc màu bởi thời gian. Những ngôi nhà từ xanh đến đỏ bên những chiếc ban công với những chiếc dây phơi quần áo bay bay trong gió. Tất cả những thứ đó dường như đều mang hơi thở của một Hà Nội mà mười năm về trước tôi đã thầm mang theo trong kí ức sang trời Âu. Bất chợt tôi nhớ tới bài hát Hà Nội ngày trở về của nhạc sỹ Phú Quang với những ca từ thật sâu lắng, cho dù Hà Nội không phải là nơi tôi sinh ra và lớn lên, nhưng có một cái gì đó như sợi dây tình yêu kết nối tôi và Hà Nội:

“... Tôi bồi hồi khi chạm bóng cửa ô

Như ngày xưa mỗi lần chạm vai gầy áo mẹ

Ôi nỗi nhớ muôn đời vẫn thế

Như dòng sông Hồng cuộn đỏ mãi trong tôi...”

Có khác chăng bên cạnh tôi bây giờ không phải là dòng sông Hồng cuộn đỏ mà là bờ biển dài xanh thăm bao la. Tôi không hiểu tại sao khi đứng ở nơi này mà lòng lại khắc khoải nhớ về Hà Nội một cách ồn ào và da diết đến thế. Có bao giờ bạn có cảm giác đó như tôi, đứng giữa một miền xa lạ mà cứ ngỡ, mình đang ở một nơi rất thân thương mà một thời bạn đã từng sống, từng đi qua?

Tới Trieste thì nhất định không thể bỏ qua Lâu đài Miramare – một trong những nơi nghỉ mùa hè của dòng họ Habsburg, nằm trên vách núi đá, được xây dựng trong thế kỷ XIX bởi Đại công tước Ferdinand Maximilian của Áo. Điều khiến tôi ấn tượng trong các căn phòng này không phải vì chúng được trang trí lộng lẫy mà tất cả đều hướng ra mặt biển, nhất là phòng ngủ. Chỉ cần mở mắt ra là đã thấy ánh mặt trời rọi qua khung cửa sổ, phía xa xa là biển trời xanh thẳm. Thật tuyệt vời khi mỗi sáng ban mai được thức dậy trong một khung cảnh đẹp đến thế. Không chỉ có vậy, phía bên ngoài lâu đài là một công viên khá rộng. Chúng tôi dạo bước trên con đường phủ đầy cây, nhìn ra biển và toàn bộ thành phố Trieste mà ngỡ ngàng bởi vẻ đẹp của thành phố.

Cũng nằm sát ven biển và đẹp không thua kém gì Miramare là Lâu đài Duino, cách trung tâm thành phố một giờ đi xe buýt. Đường tới Duino khá dốc và ngoằn ngoèo nhưng cảm giác đi trên một con đường với một bên là đồi, một bên là biển thật thú vị – điều mà trước đây tôi chỉ thấy trong những bộ phim thì hôm nay được tận hưởng nó bằng những cảm xúc thật của mình. Lâu đài này được xây dựng từ thế kỷ thứ XIV và hiện đang dưới quyền sở hữu của Hoàng tử Thurn và Taxis – người mà nhiều năm về trước đã quyết định mở một phần lâu đài cho công chúng vào tham quan, tổ chức các buổi hòa nhạc hay đám cưới. Sau khi “dạo quanh” một vòng phía bên trong, tôi và Thảo ra ngoài công viên ngắm biển và chụp lại những khoảnh khắc tuyệt vời này và trèo ra phía ngoài ở bên dưới. Trong lúc hai đứa đang thay nhau “tạo mẫu” thì ở phía trên, hai anh chàng quản lý đẹp trai người Ý vẫy tay ra hiệu và đề nghị chúng tôi quay trở lại, Thảo đáp lại một câu khiến tôi không nhịn nổi cười: “Nhưng ở đây đâu có treo biển cấm.”

©STE.NT

Thời tiết Ý vào tháng Chín khá dễ chịu vào sáng sớm, tầm khoảng 26 độ nhưng bắt đầu vào trưa thì nhiệt độ có thể lên tới 35 độ và khá nóng. Có điều Trieste là thành phố biển nên nhiều gió và điều đó khiến người ta không có cảm giác ngột ngạt khi đi trong thành phố, mặc dù mật độ giao thông ở đây cũng không kém gì so với ở Việt Nam. Tôi thích nhất là những buổi chiều khi nắng đã bắt đầu dịu nhẹ, cùng Thảo dạo phố rồi đi lên những đoạn đường với những ngôi nhà rất cũ mà tôi đoán nếu chỉ tới Trieste một mình, tôi sẽ không bao giờ có thể biết tới những con đường này. Càng đi sâu vào khám phá cuộc sống và đất nước con người Ý, tôi càng nhận ra rằng so với các nước châu Âu khác, Ý không giàu về kinh tế nhưng lại có nền du lịch khá phát triển. Đời sống ở đây so với Đức có phần đắt đỏ hơn, người giàu vẫn cứ giàu, còn người nghèo thì vẫn cứ mãi luẩn quẩn trong vòng quay cuộc sống của mình. Tôi nhớ có một bài báo mình đã đọc được ở đâu đó có nói rằng phụ nữ Ý là những người phụ nữ khốn khổ nhất châu Âu, mặc dù người Ý nổi tiếng là luôn có cuộc sống tươi đẹp (la dolce vita). Trong bài báo đó có nhắc đến việc hai phần ba phụ nữ nước này hối tiếc vì đã lập gia đình và có con, ngoài ra họ cho rằng ở đất nước này vẫn còn tình trạng trọng nam khinh nữ và phụ nữ suốt ngày phải lo việc nhà, trong khi các ông chồng chẳng bao giờ muốn dính tay vào chuyện bếp núc.

Khi mặt trời đã bắt đầu lặn cũng là lúc Trieste ngập tràn trong ánh đèn, những quán bar, những cửa hàng ăn uống lại bắt đầu nhộn nhịp. Ý là nước có nền ẩm thực khá phong phú nên khi tới đây tôi cũng không bỏ lỡ cơ hội thưởng thức những món ăn của đất nước này, khi thì Pizza, khi thì spaghetti được chế biến 100% theo kiểu Ý. Sau bữa ăn, chúng tôi thường đi dạo quanh những khu phố mua sắm rồi ra Quảng trường Thống Nhất Ý (Piazza dell' Unità d'Italia). Quảng trường này thực sự là trái tim của thành phố với tòa thị chính rực rỡ ánh đèn. Từ quảng trường này, chỉ cần băng qua phía bên kia con đường là đã tới biển. Lần đầu tiên tới đây tôi đã thực sự ngỡ ngàng trước khung cảnh tuyệt đẹp này. Ngồi bên Molo Audace hít thở gió biển, ngắm hoàng hôn và nhìn lên những ngôi nhà nằm nép mình trên những ngọn đồi phía trên cao, tôi có cảm giác như mình đang ở một giấc mơ nào đó mà rất nhiều năm trước đây đã có lần mơ thấy. Có khác chăng những gì đang hiện hữu trước mắt tôi bây giờ là một không gian hoàn toàn có thật.

Chúng tôi ngồi bên bờ biển và nói về những buồn vui trong cuộc sống cho đến khi gió đêm đã bắt đầu se lạnh rồi mới bắt đầu đứng dậy và tới Canal Grande nhâm nhi ly cappuccino. Kênh này trước đây được xây dựng cho tàu của thương gia giao và nhận hàng trong trung tâm thành phố nhưng bây giờ nó đã không thể đáp ứng được những chức năng ban đầu của mình, tàu lớn không thể vào được nữa nên chỉ có những chiếc

thuyền đánh cá mới có thể đi vào được.

Trieste cũng có một quán cà phê khá nổi tiếng nằm cách Quảng trường Thống nhất Ý chừng 150m với cái tên Caffè Tommaseo. Đây là quán cà phê lâu đời nhất ở Trieste được khai trương vào năm 1830. Đêm cuối ở Trieste, thay vì uống cappuccino ở Canal Grande, tôi và Thảo ghé vào đây thưởng thức đồ uống đúng theo phong cách từ ngàn xưa của Ý rồi đi dạo về ký túc xá. Hơn 11h đêm, đường phố có phần vắng vẻ hơn, nhưng thời tiết khá dễ chịu và mát mẻ. So với các thành phố khác ở Ý thì Trieste khá an toàn, bởi vậy nên Thảo bảo tôi: “Chị em mình có thể đi tới một hai giờ sáng thì cũng sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra ở đây đâu.” Thật không ngoa chút nào khi thành phố này đã được bình chọn là thành phố hòa bình năm 2009 ở Ý.

Tôi không thể viết hết được những kỉ niệm trong suốt bốn ngày ngắn ngủi ở nơi đây, nhưng chắc chắn nó thực sự là những ngày đáng nhớ. Tôi có cơ hội được biết hơn, hiểu hơn về nước Ý xinh đẹp. Không chỉ có vậy, thành phố này đã làm cho tôi thấy nhớ và yêu Hà Nội nhiều hơn, thứ tình yêu đã ngủ yên nay bất chợt bị đánh thức bằng những ngọt ngào say đắm. Tôi sẽ không quên cô gái Hà Nội tốt bụng đã nhiệt tình làm hướng dẫn viên cho tôi suốt những ngày ở đây và nhường giường cho tôi ngủ. Tôi cũng sẽ không quên bữa cơm sinh viên giản dị với vài miếng thịt và nồi canh mướp đắng do em Quân nấu, mà sau này tôi vẫn nói là món canh mướp đắng ngon nhất từ trước tới nay mà tôi được thưởng thức.

9h tối, chiếc máy bay của hãng hàng không Ryanair đưa tôi trở về Đức. Không biết vì lý do gì mà máy bay mãi mới hạ cánh được. Kéo vali về nhà nghỉ của sân bay nằm khuất trong rừng lúc 12h đêm, tôi khẽ run vì lạnh, chợt nhớ tới những giọt nắng vàng của Trieste biết bao nhiêu. Thảo nhắn tin cho tôi và nói: “Hội ngộ rồi chia ly, nhưng em tin mình sẽ gặp lại nhau ở một bầu trời nào đó.” Tôi cũng tin là như thế, biết đâu sẽ lại là Trieste nữa thì sao. Ai mà biết được!? Sau này khi ngồi lật lại những bức hình đã chụp ở Trieste, tôi vẫn không quên cái cảm giác mỗi đêm đi dạo ra quảng trường Thống Nhất Ý, băng qua một con đường rồi ngồi bên Molo Audace hít thở gió biển cho đến khi bắt đầu thấy lạnh lạnh thì đi về Grande Canal uống cappuccino. Tôi nhớ cả buổi chiều lang thang ở thị trấn Muggia ngắm nhìn hoàng hôn buông trên biển để rồi sau này trong những giấc mơ về châu Âu của tôi Trieste hiện về như một cô gái nhỏ với vẻ đẹp dịu dàng và đậm thắm, khiến cho những ai đã từng tới nơi này đều thấy trái tim mình rộn rã những bình yên.

Tượng James Joyce trên đường phố Trieste

22. Chương 21

Duyên dáng Verona

Những ngôi nhà nằm nhấp nhô bên dòng sông Adige thơ mộng.

NHẮC TỚI Ý, TÔI THƯỜNG mơ tới một Venice xinh đẹp bên những con kênh xanh xanh, một Pisa nổi tiếng với tháp nghiêng hay một Milan thời trang lộng lẫy. Verona ít được người ta nhắc đến hơn. Nhưng có lẽ tôi có duyên với thành phố này nên sau những ngày “vừa học vừa chơi” ở vùng Hồ Garda, tôi và một cô bạn người Đức đã tìm đến Verona.

Nằm ở miền Bắc của Ý, Verona là thành phố du lịch được nhiều người biết đến, chỉ sau Venice là Hồ Garda. Người ta thường gọi Verona là thành phố màu hồng bởi ở đây có rất nhiều ngôi nhà được quét màu hồng. Đây còn là thành phố tình yêu vì nơi đây chính là quê hương của câu chuyện tình huyền thoại Romeo và Juliet.

Chúng tôi đến Verona vào một sớm tinh mơ giữa tháng Sáu, thời tiết rất dễ chịu và mát mẻ. Ấn tượng đầu tiên của tôi về Verona là những ngôi nhà cao bốn, năm tầng với ban công phủ đầy hoa. Thành phố trong mắt tôi bỗng trở nên đẹp một cách diệu kì. Hít thật sâu không khí trong lành của buổi ban mai, tôi bách bộ trên những khu phố nhỏ, ngắm nhìn những ngôi nhà được trang trí bắt mắt và những giỏ hoa treo lơ lửng bên thềm.

Trước khi tới Verona, người thầy của tôi đã dặn tôi phải mua giày tốt để đi vì những con đường ở đó được lát đá rất cứng. Nhưng khi đến Verona, tôi không chỉ thấy những con đường lát bằng đá mà đá còn được trưng bày khắp nơi, từ những tòa thành cho đến các ngôi nhà.

Verona có những con phố hẹp rất đáng yêu, những con phố mà tôi hay gọi đùa là “phố tránh nắng” vì mùa hè ở đây rất nóng và khi lang thang vào những con phố này, người ta dễ có cảm giác mình đang lạc vào một khu rừng râm mát. Tôi thích nhất là được dừng chân ở một quán cà phê nào đó, nhâm nhi ly cappuccino và ngắm nhìn dòng người qua lại. Sự hót hủi và nhộn nhịp đời thường đã nhường chỗ cho vẻ đẹp của sự thanh bình. Phía trước quán cà phê hay trên ban công của những ngôi nhà, những bông hoa nhỏ li ti cũng vươn mình khoe sắc, những anh chàng bánh trai người Ý ra trước cửa tận tình mời khách vào uống cà phê. Tất cả tạo nên một bức tranh Verona dịu dàng và thơ mộng.

Đường phố Verona với những cà phê trải dài

Cầm tấm bản đồ thành phố trên tay, chúng tôi loay hoay tới Roma Arena – Đấu trường La Mã thời xưa. Đây là công trình khá nổi tiếng ở châu Âu, được xây dựng từ thế kỷ đầu tiên sau Công Nguyên với chiều dài chừng hơn 150m, rộng 123m, phía bên ngoài được bao bọc bởi đá vôi màu trắng và hồng. Hồi học lịch sử về Rome, chúng tôi được xem bộ phim Võ sĩ giác đấu (Gladiator) và biết nơi đây ngày xưa đã diễn ra các trận chiến của các dũng sĩ, Roma Arena có sức chứa tới hơn 30.000 người. Trận động đất vào năm 1117 đã khiến một phần bên ngoài của công trình bị hỏng. Vào thời kỳ Phục Hưng, người ta đã có ý định sử dụng đấu trường này làm nhà hát, nhưng mãi đến năm 1913, ý tưởng này mới trở thành hiện thực. Ngày nay, Roma Arena là nơi diễn ra các buổi hòa nhạc nổi tiếng, tập trung chủ yếu vào các tháng Sáu, Bảy và Tám.

Người tìm đến Roma Arena vì tò mò, người đến vì muốn ngắm công trình vĩ đại này một lần trong đời, người đến vì vô tình bước qua, nhưng mọi bước chân đều dừng lại ở đó. Trước đấu trường Arena, người ta có thể nhìn thấy khách du lịch từ nhiều nước khác nhau đứng thành từng đoàn, họ chiêm ngưỡng và bàn tán về công trình tuyệt vời này. Vào những ngày cuối tuần, khi chiều xuống, khung cảnh nơi đây càng trở nên tuyệt vời khi ánh nắng nhạt màu phủ lên bức tường màu hồng tạo nên một bức tranh Verona diệu kì. Đường phố châu Âu khá sạch sẽ nên chúng tôi cũng không ngần ngại ngã lưng xuống nghỉ ngơi một chút trước khi tìm đến căn nhà của Juliet.

Căn nhà của Juliet có tên gọi tiếng Ý là Casa di Giulietta. Đây là ngôi nhà bắt đầu tình yêu huyền thoại của Romeo và Juliet. Nhưng mãi đến thế kỷ XVII, nhà soạn kịch nổi tiếng người Anh William Shakespeare mới cho ra đời tác phẩm lừng danh Romeo và Juliet. Tôi đến căn nhà với một cảm xúc bồi hồi khó tả, tưởng như chỉ cần khép khẽ bờ mi lại là chàng Romeo và nàng Juliet sẽ hiện ra trước mặt mình.

Trước cổng vào căn nhà của Juliet, hai bên tường đầy những dòng chữ của những người yêu nhau đến từ khắp nơi trên thế giới. Họ kí tên mình lên đó, vẽ những kí tự tình yêu khác nhau để đánh dấu sự có mặt của mình ở ngôi nhà của cô gái xinh đẹp nhưng lại có một kết cục quá bi thảm. Tôi đảo mắt qua những dòng chữ trên những bức tường, định tìm một khoảng trống nhỏ để đánh dấu tên mình nhưng sau lại thôi.

Nhà Juliet không rộng, phía trước ngôi nhà là một khoảng sân nhỏ, dây leo mọc tường, bên cạnh là bức tượng Juliet. Khách du lịch thay nhau đứng trước bức tượng để chụp ảnh kỉ niệm. Người ra kẻ vào chen chúc nhau, luồn lách mãi cuối cùng tôi mới thoát khỏi đám đông và bước vào bên trong ngôi nhà. Phía bên trong ngôi nhà là một viện bảo tàng nhỏ. Chỉ cần trả phí vài euro, bạn có thể trèo lên ban công của ngôi nhà và nhìn xuống khoảng sân phía dưới. Ban công rất nhỏ nên chỉ chứa được vài người, tôi không đủ kiên nhẫn để đứng xếp hàng nên chỉ đứng ở phía dưới nhìn lên. Khách du lịch chen chúc nhau nên để chụp được một bức ảnh cũng rất khó. Có lẽ, chỉ vào ban mai hoặc chiều tàn thì mọi thứ ở đây mới yên ắng hơn.

Ban công trên căn nhà của Juliet

Rời căn nhà của Juliet, chúng tôi đi vào trong một khu phố nhỏ, dừng chân ở một quán ăn cũng nhỏ với một hàng cây xanh trông rất thơ mộng để ăn trưa. Đồ ăn Ý khá phong phú và hấp dẫn. Dù trước đó tôi cũng đã từng nếm thử ở Hồ Garda, nhưng tôi vẫn “chung thủy” với Pizza. Cô bạn đi cùng bảo ăn Pizza thì về Đức ăn cũng được, nhưng tôi lại muốn thưởng thức nó ở nơi đây, ngay tại chính quê hương của món này. Sau đó, chúng tôi tráng miệng bằng kem, tôi đã ăn kem ở nhiều nước khác nhau nhưng chưa nơi nào tôi được ngồi thưởng thức món kem trong không khí nhẹ nhàng như ở Ý, cũng chưa bao giờ tôi cố tình ăn chậm để thưởng thức hương vị của kem như thế.

Ăn xong bữa trưa, chúng tôi ra phố để mua đồ. Những cửa hàng thời trang dù quần rũ đến đâu cũng không có sức hút với tôi như những cửa hiệu bán đồ ăn nho nhỏ, mùi hương từ phía bên trong tỏa ra thơm nức khiến tôi không đành lòng bước tiếp. Chúng tôi chia thành hai nhóm, một nhóm đi mua sắm và nhóm

còn lại thì tiếp tục tận hưởng những khoảng khắc thú vị của Verona. Tôi cùng hai cô bạn gái và anh bạn người Đức bước vào những khu phố hẹp, đi qua nhà thờ, ngắm nghía những công trình kiến trúc hiện đại nhưng vẫn giữ được phong cách cổ điển, quay lại Quảng trường Erbe và sau đó nghỉ chân ở Quảng trường Bra, ngắm nhìn dòng người qua lại.

Ở Verona có rất nhiều quảng trường được xây theo kiểu La Mã, nhưng có lẽ Quảng trường Erbe là một trong những quảng trường đẹp nhất. Thầy tôi – người đã từng tới Ý nhiều lần – kể cho chúng tôi nghe rằng nơi đây ngày xưa là nơi tụ họp và bàn bạc của những người có chức quyền, còn bây giờ đây là khu trung tâm của thành phố với rất nhiều những cửa hàng nổi tiếng. Đến Verona, tôi mới biết, nơi đây không chỉ là thành phố tình yêu, cũng không chỉ là thành phố của nghệ thuật mà còn là thành phố của sự yên bình. Dấu hàng năm thu hút rất nhiều khách du lịch nhưng Verona vẫn giữ cho mình được những bản sắc xưa cũ. Thời gian cứ trôi và cuộc sống con người ngày càng tất bật, hối hả hơn nhưng thành phố này thì vẫn còn nguyên vẻ yên bình và duyên dáng.

Nhắc đến Verona, người ta cũng không quên nhắc tới Lâu đài cổ Castelvechio, tới Thánh đường San Zeno Maggiore và khu vườn mơ ước Giardino Giusti. Có rất nhiều nơi ở Verona hấp dẫn bước chân bạn. Tôi vẫn thích Verona vào xế chiều hơn cả. Khi lang thang trên cây cầu bắc qua dòng sông Adige thơ mộng, tôi chợt thấy Verona êm ả và thanh bình. Tôi biết mình không mơ khi đang đứng giữa nơi này, mà nếu có mơ thì tôi biết giấc mơ ấy cũng đang có thật, nó như một thước phim quay chậm, thật chậm, để rồi khi phải nói lời tạm biệt với Verona, tôi bỗng thấy nỗi buồn phủ kín gương mặt mình. Tôi không vẫy tay chào thành phố như đã từng vẫy tay chào những người thân yêu của mình, nhưng tôi biết hành trang tôi mang theo trong chặng đường còn lại sẽ không phải là một Verona với những trung tâm thương mại, với những tòa nhà chọc trời hay những ánh đèn lấp lánh, mà là một Verona thanh bình và êm ả, một Verona với những khu phố nhỏ xinh, những căn nhà treo hoa khắp ban công, với dòng sông Adige hứng những giọt nắng vàng nhuộm dấu vết thời gian và những nụ cười thân thiện của các cô gái, chàng trai Ý. Và tôi biết, dấu thời gian có trôi và ngày nào đó tôi trở lại, Verona có thể sẽ khoác thêm lên mình một chiếc áo mới nữa, nhưng tôi tin, tình yêu tôi dành cho Verona vẫn còn mãi ở lại, như cuộc tình của Romeo và Juliet vẫn ghi dấu trong lòng người suốt bao thập kỉ qua.

23. Chương 22

Venice và tình yêu còn đó

Cầu Rialto huyền thoại

TÔI TỚI VENICE VÀO những ngày giữa tháng Mười, khi ở Đức đang bắt đầu ngập tràn những chiếc lá vàng bay thì ở thành phố tình yêu Venice lại ngập tràn trong mệnh mông sông nước với hàng trăm chiếc gondola cong cong lướt nhẹ trên những con kênh và những cây cầu thơ mộng dẫn lối người đi.

Tôi đã yêu Venice ngay từ cái nhìn đầu tiên khi đứng trên cây cầu Scalzi (Ponte degli Scalzi) nhìn xuống con kênh Grande Canal. Phút giây ấy, tôi đã hiểu vì sao ai cũng khát khao một lần trong đời được đặt chân tới xứ sở tình yêu này.

Dù đã quen với hệ thống kênh rạch ở Hà Lan nhưng khi tới Venice, tôi vẫn không khỏi ngỡ ngàng. Nếu như ở Amsterdam là xe đạp, Paris là tàu điện ngầm và Việt Nam là... xe máy thì ở Venice, thuyền là phương tiện giao thông không thể thiếu hay nói chính xác hơn, thuyền (hay còn gọi là xe buýt nước) là phương tiện duy nhất để khám phá Venice cho những ai không muốn... đi bộ. Ở Venice, để thuận tiện cho việc đi lại, bạn nên mua một chiếc vé đi thuyền tùy theo thời gian ở lại, tôi chỉ ở Venice có ba ngày nên mua vé 24h để sử dụng, thời gian còn lại tôi muốn dạo bộ trong những con hẻm nhỏ để ngắm một Venice khác.

Sau khi nhận phòng khách sạn và cất đồ đạc xong, chúng tôi xuống phố và ăn trưa ở một quán ăn người Ý, ông chủ quán nhiệt tình chào đón và ngồi tán dóc cùng chúng tôi, hỏi han và dặn dò chúng tôi đủ mọi thứ trong những ngày ngắn ngủi ở Venice. Nào là nếu có thời gian thì hãy đi thuyền tới đảo Lido và nếu muốn ngắm Venice từ trên cao thì phải tới Quảng trường St. Marco từ sáng sớm vì lúc đó còn ít người và sẽ tiết kiệm được thời gian đứng xếp hàng. Người chủ cửa hàng thân thiện ấy đã cho chúng tôi cảm giác dễ chịu

đầu tiên trong những ngày ở Venice để rồi sau này khi đã về lại Đức, thì thoảng chúng tôi vẫn còn nhắc đến ông với một tình cảm triu mến.

Dạo phố ở Venice

Thoảng trong những cơn gió mặn mòi của biển, chúng tôi tản bộ trên những con đường nhỏ ở Venice, lang thang ngắm nhìn kiến trúc thành phố, những công trình La Mã với cột và vòm. Những ngôi nhà với giàn hoa rực rỡ, những cửa hiệu bán mặt nạ và thủy tinh Murano nối đuôi nhau, những quán cà phê thơm lừng và xen lẫn đâu đó là mùi Pizza và Pasta khiến người ta không thể dừng lại. Venice từ lâu đã nổi tiếng với những chiếc mặt nạ đủ mọi kiểu dáng khiến người ta luôn có cảm giác rằng tất cả những gương mặt đó đang hướng về bạn và bạn chính là “điểm ngắm” của cả thành phố. Tôi nhớ ai đó đã nói rằng: “Đeo mặt nạ là một trong những cách Venice khiến mọi đẳng cấp xã hội biến mất, mọi con người đều như nhau đằng sau khuôn mặt bị che giấu.” Venice thực sự đã cho tôi cảm giác ấy trong những ngày ngắn ngủi ở đây.

Một cửa hàng lưu niệm ở Venice

Tôi ấn tượng với những ngôi nhà tróc lở nằm sát kênh mà cứ tưởng tượng ra rằng những người sống ở đây, khi mở cửa ra, thay vì thấy đường phố như ở châu Âu thì họ sẽ thấy... nước. Những căn nhà ở dưới tầng một đã không còn ai ở vì nước đã dâng lên, họ chuyển lên tầng hai, tầng ba và cứ như thế cho đến một ngày Venice chìm hẳn vào lòng biển. Ở Venice, tôi chỉ thấy những ngôi nhà cũ, phải chăng vì những người sống ở đây cho rằng một ngày nào đó Venice sẽ bị chìm nên không cần đầu tư quá nhiều vào những ngôi nhà sang trọng như ở Pari, London hay Copenhagen? Không những thế, Venice còn đặc biệt vì ở thành phố này, dù có cầm bản đồ thành phố trên tay, tôi tin chắc mình vẫn có thể bị lạc ở bất cứ nơi nào, đơn giản vì ở đây có quá nhiều ngõ ngách chằng chịt san sát nhau. Tôi tin là kể cả dân Venice chính hiệu cũng có thể bị lạc nếu trong các con hẻm nhỏ này không có dấu mũi tên hướng về St. Marco.

Grande Canal và cây cầu Rialto

Venice còn được gọi bằng cái tên triu mến khác là thành phố của những cây cầu bởi có đến hơn 400 cây cầu lớn nhỏ bắc qua con kênh chính Grande Canal. Tôi không có đủ thời gian để đi hết những cây cầu ấy, để đếm xem con số đó có thật hay không hay chỉ là một con số mà người dân Venice nghĩ ra, nhưng mỗi cây cầu tôi đi qua đều mang một vẻ đẹp khác nhau, không một cây cầu nào giống cây cầu nào. Và tất nhiên, tôi không quên dừng lại ở cây cầu Rialto huyền thoại. Đây là cây cầu lâu đời nhất ở Venice, đứng trên cây cầu này người ta có một góc nhìn tuyệt đẹp xuống kênh Grande Canal. Hai bên bờ là những quán cà phê, những cửa hàng kem ngon tuyệt, những ban công đầy hoa và những bức tường gạch nung đỏ. Grande Canal là con kênh hình chữ S với chiều dài chưa đầy 4km, nhưng đi dọc con kênh này sẽ thấy rất nhiều nhà thờ. Những kiệt tác đẹp nhất của Venice dường như đều được trưng bày ở dọc hai bên bờ kênh. Phút giây đứng trên cây cầu này và ngắm thành phố vào đêm, những chiếc thuyền nhỏ tránh nhau, những chiếc gondola xen lẫn những chiếc taxi nước, đã cho tôi hiểu rằng mình đang có những phút giây rất thật, không phải ở trong phim, cũng không phải trong những tấm thiệp bạn bè từng gửi, dường như tôi cũng đang trôi bồng bênh cùng thành phố.

Gondola và những khúc nhạc đêm

Sau một buổi chiều đi loanh quanh, khi trời bắt đầu tối, chúng tôi quyết định ngắm thành phố bằng xe buýt nước vào đêm và tới Quảng trường St.Marco. Tôi để tất cả những cảm xúc của mình trôi theo dòng nước, thả tất cả những ưu tư và phiền muộn vào trong đó và thưởng thức một khoảnh khắc rất riêng ở Venice mà tôi biết rằng sẽ không bao giờ có thể tìm thấy ở một nơi nào khác trên thế giới này. St. Marco lung linh huyền ảo giữa màn đêm, giờ đã là tháng Mười nên trời cũng bắt đầu se lạnh, ngoài chúng tôi ra hầu như chỉ còn lại những cặp tình nhân đi dạo. Mùi thơm của Pizza, Pasta và hải sản tỏa ra trên khắp các con phố như muốn níu chân chúng tôi. Hai cô con gái của chị bạn chỉ thích chui vào những cửa hàng lưu niệm để mua quà, tôi tranh thủ thời gian đó đi dạo và ngắm sự bình yên của Venice trong màn đêm. Vì tôi biết, ngày mai khi bình minh bắt đầu lên, quảng trường này sẽ lại ngập tràn du khách, bởi thế nên đây là cơ hội tốt nhất để tôi được thả lỏng mình với Venice. Băng qua những cây cầu nhỏ, tôi bắt gặp những chiếc gondola với tiếng nhạc vang lên, khi thì chở một cặp tình nhân lãng mạn nào đó, khi thì là một đại gia đình với tiếng cười trẻ thơ, khi thì là một nhóm khách du lịch. Đi gondola khá đắt nhưng lãng mạn vì chỉ có những con thuyền mũi cong này mới có thể “chui” vào được những con kênh nhỏ ở Venice mà những chiếc xe buýt nước không thể vào tới được. Lướt qua tôi là hình ảnh một đôi bạn trẻ đang cùng nhau uống rượu vang đỏ

trên gondola, họ nắm chặt tay nhau và cùng nhìn về một hướng. Bản nhạc từ người chèo thuyền vang lên, giây phút đó tôi không khỏi chạnh lòng nhưng tôi đã mỉm cười và vui cùng niềm vui của họ. Bởi tôi biết rằng khi biết vui cùng niềm vui của người khác, nghĩa là tôi cũng có niềm vui của riêng mình.

Những ô cửa đầy hoa trên đường phố Venice

Quảng trường St.Marco

Sáng hôm sau, sau khi đã thưởng thức xong bữa ăn sáng ở khách sạn, chúng tôi quyết định sẽ tham quan Venice bằng xe buýt nước để có thể ngắm các kì quan của thành phố dọc hai bên bờ kênh vào ban ngày. Từ Quảng trường Roma, chúng tôi lên chuyến xe buýt số 1 vì tuyến xe buýt này dừng lại ở tất cả các bến và bạn có thể lên xuống tùy thích, chúng tôi quyết định đi thẳng tới St. Marco để ngắm các công trình kiến trúc vĩ đại này một lần nữa vào ban ngày. Quảng trường St. Marco là một quảng trường rất đẹp, nơi đây trước kia là trung tâm sôi động nhất của người dân Venice. St. Marco có tháp đồng hồ cao ngạo nghệ, hai bên là tượng người Moaris luôn gõ chuông báo hiệu mỗi giờ. Ngoài ra, quảng trường này được bao bọc bởi bốn tòa nhà dài dằng dặc và rất cổ kính với mặt trước là Nhà thờ St. Marco, được xây dựng từ năm 840 trước Công nguyên. Tôi đứng giữa quảng trường ngắm nhìn những chú bồ câu. Đã từ lâu chính quyền Venice có lệnh cấm khách du lịch ăn uống ở quảng trường này (trừ trong những quán cà phê) cũng như không được cho phép bồ câu ăn, nên quảng trường này khá sạch so với rất nhiều những quảng trường khác tôi từng đi qua. Từ đây, chúng tôi tiếp tục đi sâu vào những con phố nhỏ, mỗi một con phố là một cuộc sống khác, không nơi nào giống nơi nào, chỉ có chẳng cửa hàng nào cũng bày bán thủy tinh và mặt nạ. Tôi cũng vào đây mua mấy chiếc mặt nạ về làm quà cho bạn bè và một con mèo xinh xắn làm bằng thủy tinh để tặng mẹ nuôi mình. Sau đó, chúng tôi ghé vào những tiệm bánh với mùi hương quyến rũ và mua đủ những loại bánh khác nhau để ăn thử. Khi trời đã xế trưa, chúng tôi quay lại bến thuyền, định bụng sẽ trở về cây cầu Rialto để ăn trưa nhưng chị bạn đi cùng lại bảo: “Thôi, ăn ở đây cũng được” và chúng tôi ngồi ngay ở một vị trí rất đẹp, phía trước là mặt biển xanh ngắt bao la. Nhưng cái giá phải trả cho đồ ăn thì thôi rồi, đến nỗi khi ăn xong rồi tôi nói với Dung – chị bạn đi cùng: “Ồ đây, mình mua chỗ ngồi chứ không phải là mua đồ ăn chị ạ” và sau lần đó chúng tôi rút kinh nghiệm, bữa tối chúng tôi chọn được một chỗ còn lãng mạn hơn nhiều nhưng giá rất phải chăng và cho đến tận bây giờ tôi vẫn nghĩ đĩa mì spaghetti ấy là đĩa spaghetti ngon nhất tôi được ăn trong đời.

Có một Venice đang chìm dần trong biển nước

Suốt những ngày lang thang ở Venice, tôi đã có dự định ra ngoài đảo Lido và đảo thủy tinh Murano nhưng vì thời gian quá gấp gáp nên tôi đành lỗi hẹn với Venice ở lần sau. Bạn tôi nói với tôi rằng: “Liệu lúc đó chúng ta có còn thấy Venice trên bản đồ thế giới nữa không?” Bởi thực sự thành phố đang là nỗi lo lắng của không chỉ chính phủ Italia mà còn cả của những người yêu mến Venice. Người dân Venice đang phải đối phó với cảnh nhà của họ đang chìm dần xuống nước do thủy triều. Tình trạng lụt lội ở đây xảy ra thường xuyên. Các trận lụt đã làm xói mòn nền móng của thành phố được xây dựng từ thế kỷ XVI và đe dọa đến các tác phẩm nghệ thuật kiến trúc vô giá. Chính phủ Venice hiện đang xây dựng một hệ thống kè chắn để đối phó với tình trạng này, vì theo thống kê của các nhà khoa học thì trong vòng 50 năm tới, một nửa thành phố sẽ chìm trong biển nước.

Tôi biết mình đã dành cho Venice một tình yêu vĩnh cửu khi dạo chơi trên những con đường hẹp, lắng nghe tiếng nước vỗ nhẹ vào bờ sông mỗi khi thuyền qua lại, soi mình vào dòng nước mênh mông in bóng nắng chiều còn rớt trên những tòa nhà cổ kính hay chỉ đơn giản là ngắm nhìn những ô cửa sổ đầy hoa, những dây phơi quần áo bay bay trong gió, những nhà hàng thơm mùi Pizza và Pasta. Venice đã cho tôi những phút giây được rời xa mọi toan tính đời thường và thả lỏng trong những khoảng lặng yên bình của cuộc sống.

Tôi đã yêu Venice bằng một tình yêu như thế và tôi biết, sẽ có một ngày tôi quay trở lại với Venice.

24. Chương 23 [end]

[CHÂU ÂU]

Mùa thu vàng

TỪNG SỐNG Ở CHÂU ÂU nhiều năm và trải qua đủ bốn mùa, nhưng nếu hỏi tôi yêu mùa nào nhất thì có lẽ tôi sẽ không ngần ngại mà nói rằng đó là mùa thu. Tôi sẽ không bao giờ có thể lý giải nổi vì sao tôi lại yêu mùa thu đến thế, cũng như khi yêu, người ta không cần biết đến lý do. Nhiều người vẫn hỏi tại sao tôi không yêu mùa xuân vì mùa xuân ở Châu Âu bao giờ cũng lung linh và rực rỡ sắc màu hoa. Người khác lại hỏi sao tôi không yêu mùa đông vì mùa đông châu Âu luôn ngập màu tuyết trắng tinh khiết. Tôi chỉ cười. Mỗi màu ở châu Âu đều mang vẻ đẹp riêng, nhưng tôi lại “thiên vị” mùa thu hơn cả. Không hẳn bởi mùa thu để lại trong tôi quá nhiều kỷ niệm, mà bởi tôi luôn thấy lòng mình ngập tràn cảm xúc mỗi độ thu sang. Không tươi rói như mùa xuân, không ảm đạm như mùa đông, mùa thu là bức tranh của các mùa ghép lại. Tôi thích những buổi chiều đi dạo, nhặt những chiếc lá vàng, nâng niu chúng trên tay ngắm nhìn thật lâu rồi lại thả chúng bay đi... Tôi thích những ngày nằm dài trên thảm cỏ xanh, ngược lên bầu trời nhìn những chiếc lá vàng bay theo chiều gió thổi, đôi môi khẽ mỉm cười – một cảm giác buâng khuâng, sâu lắng.

Người dân châu Âu vốn dĩ rất yêu thiên nhiên, bởi thế nên trong công viên, khi tiết trời vào thu luôn có rất nhiều người. Những cụ già tay trong tay, những bạn trẻ nuôi dưỡng tình yêu bằng những cuộc picnic nhỏ trên thảm cỏ hay thậm chí bạn cũng có thể gặp các cô tiến sĩ tương lai ôm sách ra công viên học. Tôi tự hỏi mùa thu châu Âu đẹp đến thế này, làm sao những cô nàng ấy có thể học nổi, nhưng họ vẫn rất chú tâm vào những trang sách của mình.

Nhớ hồi ở Séc thăm một người bà con, buổi chiều tôi thường lang thang trên một con đường nhỏ nhặt lá vàng. Khi người lớn hỏi tôi nhặt lá vàng làm gì, tôi trả lời rất thật: “Cháu gửi về Việt Nam cho bạn cháu!” Đó là suy nghĩ rất hồn nhiên của đứa bé 15 tuổi nhưng thói quen đi nhặt lá vàng ngày ấy tôi vẫn còn giữ cho đến tận bây giờ.

Đến Paris cũng vào những ngày chớm thu, nhìn nắng rơi trên chiếc lá đang đổi màu, tôi thấy mình thật giàu trí tưởng tượng khi nghĩ rằng mùa thu Paris sẽ giúp tôi cho ra đời những tác phẩm văn chương bất hủ như các nhà văn Pháp ngày xưa. Bên dòng sông Seine, những chiếc lá bay rồi thả mình trên dòng nước luôn khiến tôi chăm chú ngắm nhìn mà chẳng bao giờ biết chán. Những người bạn nước ngoài của tôi dường như chẳng bao giờ có thể hiểu được vì sao một chiếc lá vàng đậu trên vai cũng làm tôi rung mình run khẽ. Mùa thu cho tôi những cung bậc yêu thương, nhưng nhớ, đôi hồn. Mùa thu cho tôi được cười, được khóc trên những xác lá vàng bay. Tôi thích được thả hồn mình trên đại lộ Champs-Élysées với những hàng cây đang thay lá, được ngồi trong những quán cà phê nhâm nhi và ngắm nhìn dòng người qua lại hay đi vào các khu vườn nổi tiếng Luxembourg và Tuileries với những chiếc lá đã nhuộm màu vàng và những vòi phun nước đẹp tạo nên một mùa thu Paris vô cùng nên thơ.

Một lần đặt chân tới Bonn – một thành phố cổ xinh đẹp của nước Đức, tôi dạo bước trên con đường ngập tràn lá và hoa. Anh bạn người Bỉ theo sau vừa tranh thủ chụp hình, vừa than thở: “Lạc vào thế giới của em rồi, biết đến ngày nào mới ra khỏi đây?” Tôi mặc kệ và cứ thế tung tăng. Kia là nắng, là hoa, là cỏ mềm êm ả. Tôi tản bộ trên những con đường được lát bằng những viên gạch cổ, ngắm nhìn những ngôi nhà nhỏ bé núp mình trên những con phố lớn. Tôi tự hỏi có phải những ngôi nhà ấy cũng đang trốn tránh những ồn ào của phố thị như tôi lúc này hay không?

Thời tiết vào thu thật dễ chịu. Se se lạnh một chút vào ban mai, ấm áp vào ban trưa và mát mẻ vào ráng chiều. Mặc cho lá đổi màu, khoác lên mình những chiếc áo mới, hoa vẫn thi nhau nở. Vẫn còn những bông tulip rực rỡ sắc màu, vẫn là cúc vàng, là hồng đỏ xen lẫn vào nhau. Mùa thu châu Âu đẹp đến lạ kì. Và bao giờ cũng vậy, cứ mỗi độ thu về, tôi thường thấy mình sống chậm hơn, nhẹ nhàng hơn và cũng trầm tư hơn một chút. Thời gian có thể trôi đi và vạn vật có thể đổi thay, nhưng chắc chắn tình yêu mùa thu trong tôi sẽ không bao giờ thay đổi. Bởi vì mùa thu, dưới những ánh nắng vàng ấm áp, đi trên những con đường ngập tràn xác lá, tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình đang sống ở thế kỉ XXI với những lo toan đời thường, mà dường như tôi đang được sống trong câu chuyện cổ tích của ngày xưa.

Thật dễ chịu khi một sớm mai thức dậy giữa mùa thu, được thấy bầu trời trong vắt, thấy nắng cười nắng tỏa khắp muôn nơi và được ngắm nhìn thỏa thuê một không gian với đủ những gam màu kì ảo.

Tôi đã đi và đã thấy...

TÔI ĐI MỘT MÌNH QUEN RỒI, nhưng tôi đâu cũng gặp được những người thương yêu. Điều tuyệt vời này tôi biết không phải ai cũng may mắn có được, thế nên tôi càng trân trọng nó nhiều hơn”, tôi đã chia sẻ

với những người bạn của mình như thế khi luôn nhận được những câu hỏi rằng tôi đi một mình hoài như vậy mà không thấy chán sao?

Thật ra tôi thấy mình đang đi trên một chuyến hành trình đầy thú vị, mỗi ngày được học hỏi thêm vài điều, được khám phá những miền đất mới lạ bằng những trải nghiệm riêng của mình, được thưởng thức những món ăn ngon và được sống với những cảm xúc không bao giờ cũ. Vậy nên, chẳng có điều gì có thể khiến tôi cảm thấy chán nản cả, mà nếu thế thì có lẽ tôi đã khép lại chặng hành trình của mình từ lâu trước khi để người khác phát hiện ra điều đó.

Nhiều người cứ nghĩ đi du lịch phải có ít nhất một người bạn đồng hành đi cùng mới vui, nhưng tôi thì nghĩ cái khái niệm “vui” hay “không vui” còn tùy thuộc rất nhiều vào suy nghĩ và cách nhìn nhận vấn đề của mỗi người. Tất nhiên, nếu được lựa chọn thì tôi biết, chẳng ai muốn đi một mình cả. Nhưng nếu nhìn vào mặt tích cực của nó, ta sẽ thấy: Đôi khi đi một mình cũng mang lại cho chúng ta một điều gì đó mà có thể khi đi cùng một nhóm bạn, ta sẽ không bao giờ dành thời gian cho nó. Như tôi vẫn thường thích ngồi trong quán cafe ở một thành phố xa lạ nào đó, ngắm nhìn những dòng người lướt ngang qua với những gương mặt khác nhau, với những buồn vui lẫn lộn. Tôi ngắm nhìn trời đất với muôn vàn ý nghĩ, tôi sẵn sàng mỉm cười với những người mà tôi không hề quen biết khi họ lướt ngang qua. Tất cả những điều ấy, tôi nghĩ mình sẽ không có thời gian để làm khi đi cùng cả nhóm bạn.

Tôi có một cô bạn học ngồi cạnh tôi suốt mấy năm trung học ở Đức, sau khi tốt nghiệp phổ thông, thay vì đăng kí vào một trường Đại học hay xin vào một công ty nào đó để vừa học vừa làm như bạn bè cùng lớp thì cô quyết định sang tận Israel một năm để làm công tác tình nguyện.

Quyết định đó khiến nhiều người trong lớp ngỡ ngàng và không hiểu tại sao cô lại “sang tận xứ ấy” bởi với họ, Israel là một đất nước rất xa vời. Khi trở lại Đức, cô nhận ra mình vẫn chưa muốn dừng chân ở lại và sau khi gom góp được một số tiền đủ để trả tiền vé máy bay, cô lên đường sang New Zealand. Ở đó cô làm những công việc khác nhau để trang trải cho cuộc sống và dành thời gian đi du lịch bụi. Từ New Zealand cô sang Úc rồi từ Úc sang Singapore và cứ thế cô đi dọc theo những nước Đông Nam Á, từ Indonesia, Malaysia đến Việt Nam, Lào và cuối cùng dừng lại ở Thái Lan trước khi bay trở lại Đức. Chín tháng cho một chặng hành trình đầy thú vị với biết bao trải nghiệm quý báu mà tôi tin, kể cả trong những năm tháng ngồi trên ghế giảng đường cô cũng sẽ không bao giờ học được điều đó.

Giáng sinh vừa rồi chúng tôi gặp lại nhau ở trường cũ, tôi có hỏi cô ấy rằng cho đến bây giờ tôi vẫn không ngừng thắc mắc trước quyết định táo bạo đến mạo hiểm của cô ấy ngày đó, cô ấy cười và nói với tôi rằng: “Bản thân tớ thật ra lúc đó cũng không biết là mình nên hay không nên đâu, có thể nói đó là một sự mạo hiểm có phần táo bạo. Tớ cũng trải qua nhiều khoảng khắc hoang mang và sợ hãi những ngày không còn một đồng xu dính túi, nhưng cậu thấy đó, tớ vẫn trở về bình an và tớ nhận ra được một điều rằng tớ đã có những ngày thật hạnh phúc”. Tôi nhận ra sự mãn nguyện trong từng lời nói của bạn tôi và tôi hiểu, những kỉ niệm đẹp đẽ và thân thương về những ngày tháng ấy sẽ là món quà vô giá trong kho tàng trải nghiệm sống của bạn hôm nay. Thế nên, tôi luôn ngưỡng mộ những con người đang dấn thân mình vào những chuyến đi cuộc đời.

Có thể trong chuyến hành trình ấy, họ cũng như tôi, sẽ mất một chút thời gian, một chút sức khỏe, một chút tiền và vài thứ khác nữa, nhưng đổi lại họ sẽ có những điều mà dù ai đó có sở hữu cả trăm triệu đô cũng khó có thể mua được.

Tôi nhớ mình đã đọc được ở đâu đó có một câu nói đại ý rằng: “Cứ đi đi rồi sẽ đến, khi đến rồi sẽ biết, nếu không đi, nơi đó mãi mãi là điều bí mật.” Tôi cũng đang trên con đường chinh phục cái đẹp và khám phá những điều bí mật ấy bằng những chuyến đi của mình. Đi và trở về, để thấy thế giới thật tươi đẹp, để thấy rằng mình là một người thật may mắn vì được rong ruổi những nẻo đường ngược xuôi, được khám phá những miền đất mới lạ hay chỉ đơn giản là được cầm chiếc máy ảnh ghi lại những khoảnh khắc đẹp rồi sau đó ghé vào một quán cafe nào đó, vừa nhâm nhi ly cappuccino nóng hổi, vừa viết Nhật kí du lịch. Thế nên trong túi xách tay của tôi bao giờ cũng có một cuốn sổ nhỏ để tôi lưu giữ những cảm xúc nhất thời ngay lúc đó, ai biết được ngày mai khi trở về, tôi có còn giữ được hay không? Tôi thấy mình trở nên tinh tế và dịu dàng hơn mỗi ngày và sau mỗi chuyến đi, tôi lại thấy một tôi hoàn toàn khác. Tôi nhìn đời sống bằng đôi mắt thiết tha hơn, tôi cảm nhận được hạnh phúc từ những điều nhỏ nhoi và vụn vặt nhất giữa đời thường và tôi thấy, mình vẫn mãi là cô gái lãng mạn của ngày hôm qua, cho dù tuổi thanh xuân của tôi đang nhẹ

nhàng khép lại.

Tôi đã và đang dành những lời yêu thương nhất để viết vào cuốn Nhật kí hành trình của mình và vẫn sẽ tiếp tục sải dài đôi chân của mình trên những miền đất lạ cho dù nhiều người vẫn cứ mãi nhìn tôi như một kẻ lang thang đơn độc. Nhưng đó là vì họ đang đứng phía sau tôi, bởi thế nên họ không thấy được những cái đẹp mà tôi vô tình che mất. Mà suy cho cùng thì, độc hành đâu có nghĩa đã cô đơn. Đôi khi chỉ cần có sự bình an và tự tại ở trong tâm là đã có thể khiến cuộc sống hạnh phúc hơn lắm rồi. Tôi vẫn đi theo cách riêng của mình, chẳng phải là để “khoe” thành tích những nơi mình đã đi qua, mà chỉ đơn giản là biết hơn, hiểu hơn và yêu thương hơn cuộc sống này và những con người đang sống ở quanh tôi.

Lời cảm ơn

Trước hết, tôi muốn dành tặng cuốn sách này cho bố mẹ và em trai – những người đã luôn dõi theo từng bước đi của tôi từ quê hương Việt Nam thân yêu và chấp cánh cho mọi ước mơ của tôi bay xa. Cảm ơn bố mẹ đã dành cho con một tình yêu thương vô bờ bến, dẫu không ít đôi lần con đã làm bố mẹ phải lo lắng và xót xa. Cảm ơn em trai Ngọc Anh đã luôn ở bên và động viên chị trong mỗi lúc khó khăn.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới gia đình bố mẹ nuôi người Đức của mình, cảm ơn bố mẹ nuôi đã dạy dỗ và nuôi nấng con, cho con một ngôi nhà thứ hai thân thương và ấm áp trên quê hương nơi xứ lạ.

Cảm ơn những người bạn đồng hành đã rong ruổi cùng tôi suốt những nẻo đường châu Âu. Cảm ơn những tấm lòng yêu thương, triu mến của những người bạn vừa lạ, vừa quen mà tôi đã gặp và quen trong mỗi chuyến đi xa của mình. Các bạn đã làm đầy cuộc sống của tôi bằng rất nhiều những điều thiết thực. Tôi vẫn và sẽ luôn nhớ tới các bạn với những tình cảm thân thương nhất!

Cảm ơn các anh chị đang làm việc tại Công ty Cổ phần Sách Thái Hà đã giúp tôi thực hiện cuốn sách đầy ý nghĩa này để kỉ niệm 12 năm ngày tôi xuất ngoại.

Cuối cùng, tôi muốn gửi đến những độc giả của Dưới nắng trời Châu Âu lời nhắn nhủ rằng: Tất cả những gì tôi viết trong cuốn sách này đều là những kí ức thân thương đã được ghi lại bằng cảm xúc chân thật nhất. Tôi không dám nhận mình là “ma xó” ở châu Âu nhưng tôi hi vọng rằng những trải nghiệm của mình sẽ “đánh thức” được phần nào những khao khát được dẫn thân và ước muốn được đi xa của các bạn. Hãy đi khi còn có thể, bạn sẽ thấy thế giới thật là đẹp và người tốt trong cuộc đời này còn nhiều lắm!”

Hẹn gặp lại các bạn một ngày nào đó dưới nắng trời Châu Âu!

Hoàng Yến Anh

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/duoi-nang-troi-chau-au>